

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON

PHẠM THỊ THANH HOAN

THỰC TRẠNG
THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG TRÒ CHƠI HỌC TẬP
NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG
CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2152010737

NINH BÌNH, (2021)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON

PHẠM THỊ THANH HOAN

THỰC TRẠNG
THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG TRÒ CHƠI HỌC TẬP
NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG
CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2152010737

Người hướng dẫn: ThS. Lưu Thị Chung

NINH BÌNH, (2021)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài: ***“Thực trạng thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi”*** là sản phẩm quá trình nghiên cứu của tôi. Những số liệu nêu trong đề tài là đúng sự thật và chưa có ai công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Ninh Bình, ngày 07 tháng 6 năm 2021

Tác giả

Phạm Thị Thanh Hoan

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài “*Thực trạng thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng về số lượng cho trẻ 5- 6 tuổi*” là công trình nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Thanh Hoan. Những số liệu nêu trong đề tài là đúng sự thật và chưa có ai công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng

Ninh Bình, ngày 07 tháng 6 năm 2021

Người hướng dẫn khoa học

ThS. Lưu Thị Chung

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

BTSL	: Biểu tượng số lượng
C	: Cao
GD	: Giáo dục
GDMN	: Giáo dục mầm non
GV	: Giáo viên
GVMN	: Giáo viên mầm non
MG	: Mẫu giáo
MN	: Mầm non
Nxb	: Nhà xuất bản
RC	: Rất cao
RT	: Rất thấp
T	: Thấp
TB	: Trung bình
TC	: Trò chơi
TCHT	: Trò chơi học tập
\bar{X}	: Điểm trung bình chung
δ	: Độ lệch chuẩn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI	8
1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI.....	8
1.1.1. Khái niệm	8
1.1.1.1. Khái niệm biểu tượng.....	8
1.1.1.2. Khái niệm số lượng.....	9
1.1.1.3. Khái niệm biểu tượng số lượng	9
1.1.2. Đặc điểm phát triển biểu tượng số lượng của trẻ 5 - 6 tuổi	10
1.1.3. Nội dung hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	11
1.1.4. Phương pháp hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi	13
1.1.5. Hình thức dạy trẻ 5 - 6 tuổi hình thành biểu tượng số lượng.....	20
1.1.5.1. Dạy trẻ 5 - 6 tuổi hình thành biểu tượng số lượng trong hoạt động học Làm quen với toán.....	21
1.1.5.2. Dạy trẻ 5 - 6 tuổi hình thành biểu tượng số lượng trong các hoạt động học khác	24
1.1.5.3. Dạy trẻ 5 - 6 tuổi hình thành biểu tượng số lượng trong các hoạt động ngoài giờ học.	25
1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TRÒ CHƠI HỌC TẬP VỚI VIỆC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI.....	27
1.2.1. Khái niệm trò chơi học tập.....	27

1.2.2. Cấu trúc của trò chơi học tập	28
1.2.3. Phân loại trò chơi học tập.....	30
1.2.4. Vai trò của trò chơi học tập với việc hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi	31
1.2.5. Thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	32
1.2.5.1. Khái niệm thiết kế trò chơi học tập.....	32
1.2.5.2. Nguyên tắc thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	33
1.2.5.3. Quy trình thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	35
1.2.5.4. Yêu cầu thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi	38
1.2.5.5. Tổ chức trò chơi học tập nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	39
Kết luận chương 1	42
Chương 2: THỰC TRẠNG THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 – 6 TUỔI	43
2.1. MỤC ĐÍCH KHẢO SÁT	43
2.2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN KHẢO SÁT.....	43
2.3. NỘI DUNG KHẢO SÁT	43
2.4. CÁCH TIẾN HÀNH KHẢO SÁT.....	43
2.5. TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐÁNH GIÁ.....	44
2.5.1. Tiêu chí đánh giá	44
2.5.2. Thang đánh giá	44
2.5.3. Cách đánh giá	46
2.5.4. Tổ chức đánh giá trẻ.....	46
2.6. KẾT QUẢ KHẢO SÁT.....	46
2.6.1. Kết quả khảo sát giáo viên	46

2.6.1.1. Nhận thức của giáo viên về mức độ cần thiết của việc thiết kế trò chơi học tập hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi.....	46
2.6.1.2. Nguyên tắc lựa chọn trò chơi và thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	47
2.6.1.3. Ưu thế của trò chơi học tập đối với việc hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	48
2.6.1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	49
2.6.1.5. Đánh giá của giáo viên về trình tự các bước thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	49
2.6.1.6. Đánh giá của giáo viên về nội dung hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	50
2.6.1.7. Đánh giá của giáo viên về việc hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi thông qua các trò chơi.....	51
2.6.1.8. Việc sử dụng các nguồn trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi.....	52
2.6.1.9. Những khó khăn khi thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	53
2.6.1.10. Kinh nghiệm của giáo viên trong việc thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	55
2.6.2. Kết quả khảo sát trẻ.....	56
2.6.2.1. Đánh giá theo mức độ của từng tiêu chí.....	56
2.6.2.2. So sánh mức độ hình thành biểu tượng số lượng của hai lớp.....	69
2.7. NGUYÊN NHÂN THỰC TRẠNG.....	70
2.8. THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG MỘT SỐ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 -6 TUỔI.....	71
2.8.1. Thiết kế một số trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 -6 tuổi.....	71
2.8.2. Hướng dẫn cách sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 -6 tuổi.....	72

Kết luận chương 2	75
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	77
1. Kết luận.....	77
2. Kiến nghị.....	78
2.1. Về phía trường mầm non	78
2.2. Về phía giáo viên mầm non	78
2.3. Về phía gia đình.....	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Mức độ cần thiết của việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	46
Bảng 2.2. Nguyên tắc lựa chọn trò chơi và thiết kế TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi	47
Bảng 2.3. Đánh giá của GV về ưu thế của TCHT đối với việc nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi.....	48
Bảng 2.4. Đánh giá của GV về những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi	49
Bảng 2.5. Nội dung hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi	50
Bảng 2.6. Mức độ sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi	51
Bảng 2.7. Các nguồn tài liệu được sử dụng.....	52
Bảng 2.8. Đánh giá của GV về những khó khăn thường gặp trong quá trình thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi.....	53
Bảng 2.9. Xác định số lượng các nhóm đối tượng.....	56
Bảng 2.10. So sánh số lượng các nhóm đối tượng.....	58
Bảng 2.11. Nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề qui luật hình thành dãy số tự nhiên.....	61
Bảng 2.12. Tách, gộp các nhóm đối tượng.....	64
Bảng 2.13. Nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống.....	67
Bảng 2.14. Mức độ hình thành BTSL của hai lớp	69

DANH MỤC BIỂU

Biểu đồ 2.1.Xác định số lượng các nhóm đối tượng.....	56
Biểu đồ 2.2. So sánh số lượng các nhóm đối tượng.....	58
Biểu đồ 2.3. Nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề	62
Biểu đồ 2.4. Tách, gộp các nhóm đối tượng.....	64
Biểu đồ 2.5. Nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống.....	67
Biểu đồ 2.6. Mức độ hình thành BTSL của hai lớp	69

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Việc hình thành biểu tượng số lượng (BTSL) cho trẻ 5 - 6 tuổi đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhận thức của trẻ, giúp trẻ nhận biết được dấu hiệu số lượng và mối quan hệ số lượng có trong sự vật, hiện tượng của thế giới xung quanh trẻ, hình thành ở trẻ biểu tượng về con số, mối quan hệ giữa chúng và quy luật hình thành dãy số tự nhiên... Hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi nhằm giúp trẻ giải quyết một cách hiệu quả các nhiệm vụ thực tiễn trong cuộc sống hằng ngày.

Những biểu tượng về số lượng ở trẻ mẫu giáo thường mang tính cụ thể gắn với những hiện tượng, sự kiện gần gũi với trẻ. Các nội dung này được tiến hành dạy trẻ mọi lúc, mọi nơi. Trong đó, trò chơi học tập (TCHT) được coi là một trong những phương tiện hữu hiệu nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi. Thông qua trò chơi học tập dưới sự hướng dẫn của cô giáo, trẻ tiếp thu các tri thức một cách chủ động, tự giác, không có sự bắt buộc, vì thế trẻ tiếp nhận nhiệm vụ học tập như một nhiệm vụ chơi, nâng cao hứng thú của trẻ.

Tuy nhiên, khi thực hiện hoạt động dạy trẻ hình thành BTSL, giáo viên còn gặp ít nhiều khó khăn nhất định khi thiết kế và sử dụng các trò chơi học tập để hình thành BTSL cho trẻ. Phần lớn GV sử dụng những trò chơi học tập có sẵn trong chương trình, trong tuyển tập trò chơi, thơ, truyện, bài hát, câu đố,...nếu có áp dụng thường không chú ý đến quy trình sử dụng trò chơi học tập. Giáo viên chưa thực sự quan tâm đến việc thiết kế những trò chơi mới lạ, có tính sáng tạo, phù hợp với từng chủ đề giáo dục, cũng như khả năng của trẻ, nội dung nghèo nàn, chưa linh hoạt, hấp dẫn khiến hiệu quả giáo dục chưa cao.

Xuất phát từ những cơ sở lí luận và thực tiễn trên chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài: ***“Thực trạng thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng về số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi”***.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Những năm cuối thế kỉ XVII, đầu thế kỉ XVIII các nhà giáo dục lớn trên thế giới đã coi trò chơi là một hoạt động hết sức cần thiết của trẻ, trò chơi là con đường tích lũy những biểu tượng cụ thể về thế giới xung quanh trẻ.

Nhà giáo dục học lỗi lạc người Tiệp Khắc I.A.Cômenxki (1592-1670) là người đầu tiên nhắc đến quan điểm “trẻ học mà chơi, chơi mà học” trong dạy trẻ học. Ông cho rằng, trò chơi là niềm sung sướng của tuổi thơ và là phương tiện phát triển toàn diện cho trẻ. Vì vậy, người lớn cần chú ý hướng dẫn TCHT cho trẻ một cách đúng đắn, trò chơi cho trẻ phải vừa sức, mang tính trực quan, hệ thống, liên tục và bền vững, phù hợp với tự nhiên, không áp đặt gò bó trẻ [5, tr.3].

Theo A.X Macarencô về hướng dẫn trò chơi trẻ em đã đề ra một loạt các thang mục của sự phát triển vui chơi: Trong mỗi giai đoạn có nhiệm vụ chỉ đạo riêng nhưng bao giờ cũng cần phải chú ý quan sát, theo dõi vui chơi của trẻ, tùy theo mức độ mà tạo cho trẻ tự do hành động vui chơi, nhưng nếu trò chơi diễn ra không hấp dẫn thì cần phải giúp đỡ trẻ bằng cách gợi ý, đặt câu hỏi, giới thiệu những vật liệu hứng thú, đôi khi cùng chơi với trẻ [5, tr.3].

Thế kỷ XX đã xuất hiện phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ MN theo quan điểm hoạt động của các nhà Tâm lý – Giáo dục học Liên Xô tiêu biểu như: A.M Leusina; V.V Danhilova; V.P Novikov...A.M Leusia đã vạch ra những quy luật phát triển, các giai đoạn phát triển biểu tượng tập hợp – số lượng, sự sắp xếp các phần tử đối với sự tri giác tập hợp cũng như đặc điểm các giai đoạn phát triển hoạt động đếm và biểu tượng về dạy số tự nhiên của trẻ ở lứa tuổi MN, từ đó đề xuất nội dung và một số biện pháp hình thành những biểu tượng tập hợp, số lượng cho trẻ MG phù hợp với quy luật phát triển chung của chúng [8, tr.2].

Nhà tâm lý học người Thụy Sĩ Jean Piaget (1896-1980) đã có những đóng góp lớn cho nhân loại đó là nghiên cứu về trò chơi trẻ em. Theo ông, trò chơi của trẻ em có tính biểu trưng và chỉ sự thực hiện được trong mối tương quan với trình độ phát triển nhất của trí tuệ. Nghiên cứu của ông đã chỉ ra rằng, trò chơi góp phần thúc đẩy sự phát triển ở trẻ thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và có hình thành BTSL cho trẻ. Trong công trình nghiên cứu về “nguồn gốc con số” ở trẻ nhỏ đã vạch rõ vị trí và vai trò của các biểu tượng tập hợp, các thao tác với tập hợp ngay từ giai đoạn khi hoạt động đếm chưa hình thành ở trẻ [5, tr.4].

Các nhà tâm lý học tiêu biểu như: L.X.Vurgôtxki, A.V.Daparôgiê, Đ.B.Encônhin, A.N.Leônchiev, A.P.Uxôva đã đưa ra cách nhìn mới về trò

chơi trẻ em, kế thừa các quan điểm giáo dục tiến bộ của các nhà giáo dục đi trước và trên cơ sở những thành tựu mới của tâm lí học giáo dục Macxít họ đã đi sâu vào nghiên cứu trò chơi của trẻ em nói chung và TCHT nói riêng. Theo L.X.Vurgôtxki, trò chơi là phương tiện hiệu quả nhằm hình thành và phát triển các biểu tượng về thế giới xung quanh ở trẻ khi có sự hướng dẫn sư phạm đúng đắn của người lớn. Theo tác giả, để phát triển các khả năng cho trẻ cần phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa sự phát triển trẻ em với tác động của việc dạy học. Bản chất của phương thức dạy học này là dựa trên khả năng hiện tại của trẻ, đồng thời cần tính đến những điều mà trẻ có thể thực hiện được dưới sự giúp đỡ, hướng dẫn, tổ chức của người lớn, theo quy luật tác động “vùng phát triển gần nhất” của trẻ. Chính vì vậy, nhằm đạt được hiệu quả cao trong việc hình thành BTSL cho trẻ, nhà giáo dục cần dựa vào đặc điểm nhận thức, đặc điểm sinh lí của trẻ để thiết kế các TCHT linh hoạt, các hình thức chơi phong phú, đa dạng, hấp dẫn trẻ trong quá trình chơi. [5, tr.4-5].

Theo quan điểm của: Đ.B.Encônhin, A.N.Leônchev, A.P.Uxôva...cho rằng, vui chơi chính là hoạt động chủ đạo của trẻ nhỏ và trò chơi là phương tiện dạy học cơ bản đối với trẻ nhỏ. Vì vậy, để phát triển khả năng nhận thức về số lượng, cũng như hình thành BTSL cho trẻ đòi hỏi các nhà giáo dục tổ chức tốt các hoạt động thực hành giúp trẻ đếm trong phạm vi đã học, gộp-tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm; Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày...Trong đó có việc sử dụng TCHT nhằm dạy trẻ hình thành biểu tượng số lượng. Do vậy, khi sử dụng trò chơi học tập, hình thức và cách chơi phải phong phú, đa dạng, hấp dẫn,...kích thích tính tích cực chủ động trong việc hình thành và phát triển biểu tượng số lượng. Trong cuốn “Dạy học ở mẫu giáo” A.P.Uxôva đã viết “TCHT để dạy ngôn ngữ, dạy tính, để các em làm quen với kích thước, màu sắc, hình dáng, những trò chơi này cũng phát triển sự vận động, sự nhanh trí, phát triển ý chí, tư duy và ngôn ngữ của trẻ...” Nghiên cứu này của tác giả cũng đã chỉ ra rằng TCHT gắn liền với việc dạy học, cũng như quá trình dạy trẻ hình thành BTSL, xem TCHT là hình thức dạy học độc đáo, huy động các quá trình tư duy, sự nhanh trí,...vào việc xác định số lượng, cũng như mối quan hệ số lượng trong cuộc sống [5, tr.5-6], [25].

2.2. Những công trình nghiên cứu ở trong nước

Quá trình hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ MN nói chung, quá trình hình thành về BTSL cho trẻ mầm non nói riêng trong suốt những năm qua đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu.

Tác giả Đào Thanh Âm, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang,... trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm phát triển tâm lí nói chung và các đặc điểm nhận thức của trẻ MG nói riêng đã nêu ra nhiều phương pháp tổ chức hoạt động học tập khác nhau ở trường mầm non và khẳng định: Tổ chức hoạt động học tập bằng trò chơi là phương pháp tổ chức dạy học có hiệu quả cao ở trường mầm non [5, tr.6].

Tác giả Nguyễn Thị Hòa với cuốn giáo trình “*Phát huy tính tích cực nhận thức cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trong TCHT*”, Nxb Đại học sư phạm [11, tr.49-50]. Tác giả đã nêu lên tầm quan trọng của TCHT cũng như khẳng định về vai trò rất quan trọng của TCHT đối với sự phát triển của trẻ MG; tiến trình tổ chức TCHT ở trường MN; các biện pháp phát huy tính tích cực nhận thức cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trong TCHT”

Tác giả Đinh Thị Nhung trong cuốn “*Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo*”, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam [17, tr.18-19, tr.26-32]. Tác giả cũng đã trình bày cụ thể về đặc điểm nhận thức, nội dung chương trình, phương pháp, hình thức hình thành BTSL cho trẻ MG. Tác giả Đỗ Thị Minh Liên trong giáo trình “*Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ MN*” Nhà xuất bản Đại học sư phạm năm 2016 [15, tr.135-143] đã nêu lên cấu trúc của nội dung chương trình hình thành biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo nói chung và nội dung hình thành BTSL cho trẻ mẫu giáo và trẻ 5 - 6 tuổi nói riêng. Đồng thời tác giả còn chỉ ra các phương pháp để hình thành những BTSL cho trẻ từng lứa tuổi phù hợp với mức độ phát triển những BTSL của trẻ mầm non.

Tác giả Nguyễn Ngọc Bảo, Đỗ Thị Minh Liên thể hiện rõ trong cuốn “*Sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo*”, Nhà xuất bản Đại học sư phạm [4, tr.44-58, 66-96]. Tác giả cũng đã nêu lên những vấn đề như: cơ sở lí luận về TCHT, cách thức thiết kế, Sử dụng TCHT thông qua các nội dung chương trình hình thành những biểu tượng toán ban đầu cho trẻ. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã nêu lên những điều kiện, cách thức, phương tiện, bồi dưỡng giáo viên cách thức việc sử

dụng TCHT, cũng như xây dựng một số TCHT trong việc dạy trẻ hình thành những biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ MN.

Các tác giả Trần Thị Trọng, Phan Thị Sửu với cuốn *“Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ truyện mẫu giáo”* Nxb Giáo dục Việt Nam năm 2003; tác giả Lê Thị Thu Hương, Bùi Kim Tuyền, Trần Thị Ngọc Trâm với cuốn *“Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề trẻ 5 - 6 tuổi”*, Nxb Giáo dục Việt Nam năm 2014, các tác giả đã soạn thảo một số trò chơi trong đó có TCHT để hình thành BTSL cho trẻ MG.

Tác giả Trịnh Thị Phượng với đề tài *“Thực trạng sử dụng trò chơi dân gian nhằm nâng cao hiệu quả hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi”*, đề tài nghiên cứu khoa học (2017), tác giả đã hệ thống được lý luận, khảo sát thực trạng và đề xuất một số biện pháp sử dụng trò chơi dân gian nhằm nâng cao hiệu quả hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi.

Tác giả Đinh Thị Phương Dung với đề tài *“Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi”* đề tài khóa luận tốt nghiệp (2019), tác giả đã hệ thống được lý luận, khảo sát thực trạng và đề xuất việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.

Tóm lại, trò chơi học tập được nhiều khoa học quan tâm và nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Đề tài mà chúng tôi nghiên cứu sẽ góp phần làm phong phú thêm các trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi. Các công trình nghiên cứu trên là những tư liệu quý giá cho chúng tôi kế thừa và phát triển trong nghiên cứu về các trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi. Vì vậy, đề tài *“Thực trạng thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi”* mong rằng sẽ góp phần để nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ trong trường mầm non.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn của việc thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi và mức độ hình thành biểu tượng số lượng của trẻ, từ đó đề xuất cách thiết kế và hướng dẫn sử dụng một số trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ.

3.2. Nhiệm vụ

Nghiên cứu cơ sở lí luận của việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Điều tra thực trạng việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Đề xuất cách thiết kế và sử dụng một số TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng

Thực trạng thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

4.2. Phạm vi

Do thời gian có hạn nên đề tài chỉ nghiên cứu trong phạm vi sau :

- Nghiên cứu trên 40 trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non Nam Thành, tỉnh Ninh Bình.

- Nghiên cứu trên 20 giáo viên đã và đang dạy trẻ 5 - 6 tuổi ở một số trường mầm non tỉnh Ninh Bình

- Nghiên cứu việc thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 10/2020 đến tháng 4/2021

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

- Thu thập các tài liệu có liên quan đến đề tài.

- Phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa các vấn đề nghiên cứu có liên quan đến đề tài nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài.

5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

5.2.1. Phương pháp quan sát

- Dự giờ, quan sát và ghi chép quá trình tổ chức giờ hoạt động làm quen với toán, hoạt động chiều có sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi của GVMN.

- Quan sát biểu hiện, mức độ hình thành BTSL của trẻ 5 - 6 tuổi

5.2.2. Phương pháp điều tra

Sử dụng phiếu điều tra (anket) với giáo viên nhằm tìm hiểu:

- Nhận thức của GV về việc thiết kế và sử dụng TCHT tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

- Thực trạng việc thiết kế và sử dụng TCHT tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi

5.2.3. Phương pháp đàm thoại

Đàm thoại, trò chuyện, phỏng vấn giáo viên và trẻ nhằm thu thập các thông tin có liên quan đến đề tài phát hiện thực trạng, giải thích nguyên nhân và làm sáng tỏ thông tin nhận được từ phương pháp điều tra và quan sát.

5.2.4. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm

Nghiên cứu kế hoạch, giáo án tổ chức giờ hoạt động làm quen với toán, hoạt động chiều có sử dụng TCHT của giáo viên dạy các lớp MG 5 - 6 tuổi.

5.2.5. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

Nhằm tìm hiểu kinh nghiệm của GV về việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.

5.3. Nhóm phương pháp thống kê toán học

Sử dụng công thức toán thống kê kết hợp phần mềm Excel để xử lý số liệu thu được qua khảo sát thực trạng

Các phương pháp trên được tiến hành trong mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Góp phần làm phong phú thêm lý luận và thực tiễn về việc thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi.

Thiết kế một số TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Là tài liệu tham khảo cho sinh viên chuyên ngành GDMN, GVMN và giảng viên dạy chuyên ngành GDMN, các bậc phụ huynh.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN
CỦA VIỆC THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG TRÒ CHƠI HỌC TẬP
NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG
CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI

1.1.1. Khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm biểu tượng

Theo từ điển Tiếng Việt của GS Hoàng Phê chủ biên: “Biểu tượng là hình ảnh tượng trưng, là hình ảnh của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc sau khi tác động của sự vật vào giác quan đã chấm dứt” [19, tr.64].

Dựa vào cơ sở sinh lí học có thể khẳng định: Biểu tượng được hình thành khi sự vật hiện tượng trước đây tác động vào giác quan tạo ra những đường liên hệ thần kinh tạm thời để lại những dấu vết trong vỏ não. Do đó, biểu tượng được xây dựng trên cơ sở tri giác. Nếu không có tri giác biểu tượng không thể hình thành được [8, tr.10].

Theo quan điểm của các nhà triết học duy vật biện chứng Mác- Lenin thì: “Biểu tượng là một hình ảnh của khách thể đã được tri giác còn lưu lại trong bộ óc con người và do một tác động nào đó được tái hiện, nhớ lại” . Biểu tượng cũng như cảm giác, tri giác “Là hình ảnh chủ quan của thế giới quan”. Nhưng khác với cảm giác và tri giác biểu tượng phản ánh khách thể một cách gián tiếp, là “hình ảnh của hình ảnh”. Ngoài ra, bằng tưởng tượng từ những biểu tượng cũ, con người có thể sáng tạo ra những biểu tượng mới [8, tr.10].

Theo quan điểm của các nhà tâm lí học:

A.A. Liublinkaia coi “Biểu tượng là những hình ảnh cụ thể của sự vật, hiện tượng nảy sinh ra trong óc khi không có sự tác động trực tiếp của chúng vào các giác quan” [4, tr.3].

V.X Mukhina coi “Biểu tượng là hình ảnh trực quan nảy sinh trong não người về những sự vật, hiện tượng đã tri giác trước”[4, tr.3].

Những định nghĩa và quan niệm trên cho thấy biểu tượng được coi như sản phẩm của quá trình ghi nhớ và tưởng tượng. Điểm chính của biểu tượng là sự xâm nhập giữa tính trực quan và tính khái quát, nếu biểu tượng được coi là bước quá độ giữa hình tượng và khái niệm, là giai đoạn chuyển tiếp từ nhận thức cảm tính lên nhận thức lí tính. Biểu tượng là kết quả của sự chế biến và tổng hợp được hình thành do tri giác tạo ra. Thiếu tri giác, biểu tượng không thể hình thành được [4, tr.3-4].

Biểu tượng có những đặc điểm khác với hình tượng tri giác. Hình ảnh của biểu tượng phản ánh những đặc điểm cụ thể của sự vật, giống như hình tượng của tri giác nhưng nó có khái quát qua nhiều lần tri giác trong những điều kiện khác nhau, ở những thời điểm khác nhau. Tuy nhiên, biểu tượng chỉ tái hiện lại những đặc điểm cơ bản, gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa đối với hành động của trẻ, bỏ đi những chi tiết ngẫu nhiên, rườm rà. Như vậy, biểu tượng vừa mang tính cụ thể vừa mang tính khái quát [4, tr.4].

Biểu tượng có những khác biệt rất căn bản với khái niệm, biểu tượng phản ánh những đặc điểm cụ thể, bên ngoài, đặc trưng, trực quan, của sự vật, hiện tượng. Khái niệm phản ánh những thuộc tính của bản chất, những mối quan hệ, quan hệ có tính quy luật của hàng loạt các sự vật, hiện tượng cùng loại. Các khái niệm kết hợp chặt chẽ với nhau cho phép từ tri thức này suy ra tri thức kia. Các biểu tượng vốn có ở trẻ không tự nhiên biến thành khái niệm. Chúng chỉ có thể được sử dụng khi hình thành khái niệm [4, tr.4].

Tóm lại, biểu tượng là những hình ảnh cụ thể về sự vật và hiện tượng mà con người đã tri giác trước đây được tái hiện trong óc khi chúng không còn trực tiếp tác động vào giác quan ta nữa [4, tr.4], [8, tr.11].

1.1.1.2. Khái niệm số lượng

Số lượng là khái niệm chỉ số phần tử có trong một tập hợp tại một không gian và thời điểm xác định. Khái niệm số lượng có liên quan đến tập hợp, số lượng là một trong những thuộc tính đặc trưng của tập hợp, bất kì một tập hợp nào cũng xác định được độ lớn (số lượng) nhất định của nó, dù là các phần tử thuần nhất hay không thuần nhất [8, tr.11], [20, tr.5].

1.1.1.3. Khái niệm biểu tượng số lượng

Biểu tượng số lượng là những hình ảnh về đặc trưng số lượng của các tập hợp còn lưu lại và được tái hiện trong óc của trẻ khi các tập hợp ấy không còn được trẻ tri giác trực tiếp, không còn tác động vào các giác quan

của trẻ như trước. Biểu tượng số lượng gồm: biểu tượng số lượng (đếm số lượng nhóm đối tượng), biểu tượng về mối liên hệ số lượng (so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng xem chúng như thế nào với nhau), biểu tượng về mối quan hệ số lượng (so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng xem chúng hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị). Từ đó giúp trẻ ngày càng đa dạng và phong phú hơn về biểu tượng số lượng [8, tr.11], [20, tr.5].

1.1.2. Đặc điểm phát triển biểu tượng số lượng của trẻ 5 - 6 tuổi

Trẻ 5 - 6 tuổi đã có khả năng lĩnh hội số lượng bằng các giác quan khác nhau như: Thính giác, thị giác, xúc giác,... Trẻ có khả năng phân tích chính xác các phần tử của tập hợp, các tập hợp con trong tập hợp lớn. Trẻ khái quát được một tập hợp lớn gồm nhiều tập hợp con và ngược lại nhiều tập hợp riêng biệt có thể gộp lại với nhau theo một đặc điểm chung nào đó để tạo thành một tập hợp lớn. Ví dụ: Tập hợp quả có 4 quả táo, 3 quả cam, 9 quả xoài,... Khi đánh giá độ lớn của các tập hợp, trẻ 5 – 6 tuổi ít bị chi phối bởi các yếu tố: màu sắc, kích thước, vị trí sắp đặt các phần tử trong tập hợp.[14, tr.86-88]

Hoạt động đếm của trẻ phát triển lên một bước mới, trẻ rất có hứng thú đếm và phần lớn nắm được trình tự của các con số từ 1-10, thậm chí còn nhiều số hơn nữa. Trẻ biết thiết lập tương ứng 1:1 trong quá trình đếm, mỗi từ số ứng với một phần tử của tập hợp mà trẻ đếm. Trẻ không chỉ hiểu rằng, khi đếm thì số cuối cùng là số kết quả ứng với toàn bộ nhóm vật, mà trẻ còn bắt đầu hiểu con số là chỉ số cho số lượng phần tử của tất cả các tập hợp có cùng độ lớn không phụ thuộc vào những đặc điểm, tính chất cũng như cách sắp đặt của chúng [15, tr.23].

Trẻ 5 – 6 tuổi bắt đầu hiểu mối quan hệ thuận nghịch giữa các số liên kề của dãy số tự nhiên (mỗi số đứng trước nhỏ hơn số đứng sau một đơn vị và mỗi số đứng sau lớn hơn số đứng trước một đơn vị). Trên cơ sở đó trẻ dần hiểu quy luật thành lập dãy số tự nhiên $n \pm 1$. Kỹ năng đếm của trẻ ngày càng trở nên thuần thục, trẻ không chỉ đếm đúng số lượng các nhóm vật mà còn có cả các âm thanh và các động tác. Qua đó, trẻ hiểu sâu sắc hơn vai trò của số kết quả. Mặt khác, trẻ không chỉ đếm từng vật mà còn đếm từng nhóm vật. Ví dụ: Trẻ đếm được số quả hồng, quả bưởi, quả dứa,... Trẻ hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa của khái niệm “đơn vị”- đơn vị của phép đếm có thể là cả nhóm vật chứ không chỉ là từng vật riêng lẻ.

Hơn nữa dưới sự hướng dẫn của người lớn, trẻ không chỉ biết đếm xuôi mà còn biết đếm ngược trong phạm vi 10, trẻ nhận biết được các số từ 1 – 10. Trẻ hiểu rằng mỗi con số không chỉ được diễn đạt bằng lời nói mà còn có thể viết và muốn biết số lượng của các vật trong nhóm không nhất thiết lúc nào cũng phải đếm, mà đôi lúc chỉ cần nhìn con số biểu thị số lượng của chúng. Việc làm quen trẻ với các con số có tác dụng phát triển tư duy trừu tượng cho trẻ, phát triển khả năng trừu tượng số lượng khỏi những vật cụ thể, dạy trẻ thao tác với các kí hiệu, các con số. Ví dụ: số điện thoại, số nhà, biển số xe,...[15, tr.23-24]

Như vậy, cần tiếp tục phát triển biểu tượng về tập hợp cho trẻ 5 - 6 tuổi, bước đầu cho trẻ làm quen với một số phép tính trên tập hợp, điều đó tạo cơ sở cho trẻ học các phép tính đại số sau này ở trường phổ thông. Tiếp tục dạy trẻ phép đếm trong phạm vi 10, giúp trẻ hiểu sâu sắc hơn khái niệm đơn vị, tạo tiền đề cho trẻ hiểu bản chất của các phép tính đại số mà trẻ sẽ học ở trường phổ thông....[15, tr.24] Dạy trẻ làm quen với các bài toán đơn giản trên các tập hợp cụ thể bằng cách phân tích để biết cái gì đã cho, cái gì cần tìm, để tìm cái đó phải làm như thế nào? đó chính là cơ sở để trẻ học tốt môn toán sau này ở trường phổ thông [14, tr.86-88].

1.1.3. Nội dung hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Nội dung dạy trẻ 5 - 6 tuổi cần hướng tới việc củng cố và làm sâu sắc hơn những kiến thức, kỹ năng mà trẻ đã được học từ các lớp trước, hơn nữa nội dung dạy trẻ phải có tác dụng thúc đẩy sự phát triển trí tuệ và tư duy toán học cho trẻ nhỏ. Ngay từ các lớp mẫu giáo bé và nhỡ, trẻ đã được làm quen với các tập hợp và cách phân tách các tập hợp con trong tập lớn theo các dấu hiệu như: màu sắc, hình dạng, kích thước... trẻ đã nắm được các biện pháp so sánh độ lớn của các tập hợp hoặc các tập con trong tập lớn bằng cách thiết lập mối tương ứng 1:1 giữa các phần tử của các tập hợp hoặc của các tập con, xác định mối quan hệ số lượng của chúng và diễn đạt mối quan hệ đó bằng lời nói. Trẻ đã nắm được kỹ năng đếm trong phạm vi 5, xác định số lượng các phần tử trong tập hợp hay số các tập con trong tập hợp bằng phép đếm và phản ánh độ lớn của tập hợp bằng từ số [15, tr.135].

Ở lớp mẫu giáo lớn, GV cần tiếp tục phát triển BT về tập hợp cho trẻ. Nếu trẻ bé và nhỡ thường nhận biết tập hợp theo các dấu hiệu bên ngoài dễ nhận thấy như: màu sắc, kích thước, hình dạng, thì trẻ mẫu giáo lớn cần

nhận biết các tập hợp theo những dấu hiệu phức tạp hơn đối với trẻ. Ví dụ: Trẻ phân loại đồ chơi theo vật liệu tạo nên chúng (đồ chơi bằng nhựa, đồ chơi bằng gỗ...), sau đó trẻ đếm để xác định và so sánh số lượng từng loại đồ chơi.

Trẻ mẫu giáo lớn cần tiếp tục học phép đếm xác định số lượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng của trẻ. Trẻ được tiếp tục làm quen với cách lập các số trên cơ sở so sánh các tập hợp cụ thể bằng nhau hoặc hơn kém nhau 1 đơn vị. Trẻ học cách tạo các tập hợp với số lượng nhất định bằng cách thêm, bớt. Trẻ học cách hình thành số tiếp theo từ số đứng trước bằng cách thêm một vào số đứng trước, qua đó trẻ hiểu được mối quan hệ giữa các số liền kề thuộc dãy số tự nhiên. Dạy trẻ nhận biết các con số từ 1 đến 10.[15, tr.135-136].

Với mục đích củng cố và phát triển kỹ năng đếm cho trẻ 5 - 6 tuổi, trẻ luyện tập đếm các nhóm vật được xếp theo các cách khác nhau trong không gian. Nhờ vậy, kỹ năng đếm của trẻ không chỉ được củng cố và phát triển mà còn giúp trẻ hiểu rằng, số lượng của nhóm vật không phụ thuộc vào tính chất của các vật, vào cách sắp đặt của chúng, cũng như vào hướng đếm (đếm từ trái sang phải, từ phải sang trái, từ trên xuống dưới...). Cần dạy trẻ đếm tách các nhóm vật có số lượng trong phạm vi 10 theo số lượng mẫu và theo con số cho trước, luyện tập đếm bằng các giác quan khác nhau, nhận biết độ lớn các tập hợp trong phạm vi 10. Các bài luyện tập này không chỉ nâng cao kỹ năng đếm cho trẻ mà còn góp phần phát triển độ nhạy của các giác quan.

Ngoài ra, nội dung dạy trẻ còn hướng vào việc làm quen trẻ với các phép biến đổi đơn giản như: thêm, bớt, chia các nhóm đồ vật có số lượng đối tượng trong phạm vi 10 làm hai phần theo các cách khác nhau, trên cơ sở đó làm quen trẻ với thành phần con số trong giới hạn 10 từ hai số nhỏ hơn, dạy trẻ tạo một tập hợp theo con số cho trước từ hai tập hợp nhỏ hơn [15, tr.136].

Như vậy, nội dung phát triển biểu tượng về số lượng, con số và dạy đếm cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi bao gồm [15, tr.136] :

+ Cho trẻ luyện tập cách so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nhiều hơn bằng cách xếp tương ứng 1:1.

+ Dạy trẻ sắp xếp 3 nhóm đối tượng theo sự tăng hay giảm dần về số lượng của các nhóm và sử dụng các từ: nhiều nhất, ít hơn, ít nhất...

+ Dạy trẻ tạo nhóm các đối tượng theo đặc điểm hay dấu hiệu nào đó như: màu sắc, hình dạng, kích thước và một số đặc điểm khác. Luyện cho trẻ tạo nhóm theo 1 - 2 dấu hiệu cho trước, tự phân chia thành các nhóm theo dấu hiệu chung của nhóm, tự nhận ra dấu hiệu chung của nhóm cho trước, tìm ra 1 đối tượng không thuộc nhóm.

+ Tiếp tục dạy trẻ phép đếm xác định số lượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng của trẻ. Dạy trẻ gộp 2 nhóm đối tượng lại và đếm chúng.

+ Dạy trẻ nhận biết các con số chỉ số lượng và con số chỉ thứ tự trong phạm vi 10, nắm được mối quan hệ giữa các số liền kề thuộc dãy số tự nhiên.

+ Làm quen trẻ với các phép biến đổi số lượng và mối quan hệ số lượng đơn giản như: thêm, bớt, chia các nhóm có số lượng đối tượng trong phạm vi 10 thành hai phần theo các cách khác nhau.

Theo chương trình GDMN năm 2017, nội dung hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi [2, tr.38-39].

Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10

Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm

Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).

1.1.4. Phương pháp hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

a) Dạy trẻ đếm xác định số lượng trong phạm vi 10, thêm, bớt xác định các mối quan hệ số lượng, nhận biết các số từ 1 đến 10

Ở lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi trẻ được học đếm xác định số lượng trong phạm vi 10, còn ở mẫu giáo 5 - 6 tuổi trẻ tiếp tục luyện tập đếm xác định số lượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, nhận biết các số từ 1 đến 10.

Để việc dạy trẻ phép đếm hiệu quả, giáo viên và người lớn cần sử dụng mọi cơ hội để khuyến khích trẻ thuộc lòng các số đếm. Trẻ 5 tuổi không chỉ đếm thành thạo đến 10 mà còn hơn nữa. Vì vậy, trẻ lớn không chỉ học đếm xác định số lượng trong phạm vi 10 mà còn học đếm theo khả năng của trẻ, nhận biết các con số từ 1 đến 10.

Việc dạy trẻ lập số mới được tiến hành trên các tiết học toán theo hai cách sau [15, tr.137-142]:

Cách 1: Thêm 1 đơn vị vào số đã biết theo trình tự:

- + Trẻ đếm số lượng đã biết.
- + Thêm 1 đối tượng vào nhóm đó và cho trẻ đếm SL mới tạo thành.
- + Nhận xét cách tạo số mới (5 con mèo thêm 1 con mèo là 6 con mèo) (n+1).

Cách 2: Trẻ so sánh số lượng của nhóm có số lượng là số mới với nhóm có số lượng là số liền trước số đã biết theo trình tự:

- + So sánh 2 nhóm bằng cách sắp xếp tương ứng 1:1: Xếp tất cả các đối tượng của hai nhóm thành hàng ngang, mỗi vật của nhóm này tương ứng với một vật của nhóm kia.

- + Cho trẻ thực hành so sánh hai nhóm đối tượng có số lượng hơn kém nhau là một, sao cho số lượng của chúng được biểu thị bằng con số mà trẻ đã biết và con số kế sau số đó. Ví dụ: khi dạy số 8, cho trẻ so sánh 7 bông hoa với 8 con bướm. Khi thiết lập tương ứng 1:1 giữa số hoa và số bướm, trẻ sẽ thấy số hoa ít hơn số bướm là 1, và ngược lại số bướm nhiều hơn số hoa là 1. Bằng cách đếm, trẻ sẽ gọi số mới để diễn đạt số bướm, khi cho trẻ so sánh các từ số với nhau (7 thêm 1 là 8 và 8 bớt 1 là 7, như vậy $8 > 7$ là 1 và $7 < 8$ là 1) trẻ sẽ lĩnh hội nguyên tắc thành lập số mới và tiếp đó là nguyên tắc thành lập dãy số tự nhiên $n \pm 1$.

Để cho trẻ 5 - 6 tuổi so sánh số lượng các nhóm đối tượng, trẻ không chỉ sử dụng các nhóm vật khác loại để so sánh, ví dụ: so sánh số hoa và số bướm... mà trẻ còn sử dụng cả các nhóm vật cùng loại được tách ra từ một nhóm chúng theo một dấu hiệu nào đó, ví dụ: so sánh số vẹt màu trắng với số vẹt màu đen, ngoài ra nên cho trẻ so sánh số lượng vật của một nhóm nhỏ với số vật của cả nhóm chung. Ví dụ: So sánh số vẹt màu trắng với toàn bộ số vẹt trắng và đen. Những bài tập dạng này có tác dụng làm sâu sắc và phong phú những biểu tượng về tập hợp cũng như những kinh nghiệm thao tác với các tập hợp của trẻ.

Khi dạy đếm cho trẻ 5 - 6 tuổi, giáo viên không nhất thiết phải trình bày minh họa quá trình lập số mới cho trẻ, mà nên bằng lời nói để hướng dẫn trẻ thực hành lập số mới với các đồ dùng được phát. Trong quá trình hướng dẫn trẻ, giáo viên nên hạn chế sử dụng các hành động, thao tác mẫu, mà cần tăng cường dùng lời nói để hướng dẫn trẻ “Cháu xếp hình tròn lên hàng trên và hình vuông ở hàng dưới sao cho dưới mỗi hình tròn là một hình vuông”, bằng câu hỏi giáo viên gọi cho trẻ nhớ lại những kiến thức, kỹ năng

cần thiết đã được học, ví dụ: “Đề so sánh số hình tròn đỏ với hình tròn xanh cháu phải làm như thế nào”, “Cháu định xếp các hình tròn đỏ như thế nào?”, “Khi đếm cháu phải đếm như thế nào?”...

Khi trẻ thành lập số mới trên cơ sở so sánh số lượng hai nhóm vật hơn kém nhau một vật, trẻ cần tạo ra sự cân bằng về số lượng giữa hai nhóm vật đó bằng cách thêm một vật vào nhóm có số lượng ít. Gọi tên số lượng mới được tạo bằng số mới. Qua đó trẻ nắm được biện pháp lập mỗi số mới từ số đã biết liền kề trước, giáo viên giới thiệu con số mới cho trẻ và dạy trẻ sử dụng chúng để biểu thị số lượng nhóm đối tượng. Trên cơ sở nhận biết các mối quan hệ số lượng, dần dần trẻ nắm được các mối quan hệ thuận nghịch giữa các số liền kề của dãy số tự nhiên và giữa các số trong phạm vi 10.

Trong quá trình so sánh số lượng các nhóm vật, sự xem xét đồng thời các mối quan hệ “nhiều hơn”, “ít hơn” là cơ sở để trẻ hiểu được các mối quan hệ thuận nghịch “lớn hơn”, “nhỏ hơn” giữa các con số liền kề trong dãy số tự nhiên. Mặt khác, bằng các ví dụ cụ thể trẻ sẽ thấy được tính tương đối của các khái niệm “nhiều hơn”, “ít hơn” về số lượng giữa các đối tượng và các khái niệm “lớn hơn”, “nhỏ hơn” giữa các con số, từ đó trẻ hình thành biểu tượng về trình tự của các số trong dãy số tự nhiên.

Như vậy, thông qua quá trình dạy học trẻ dần dần lĩnh hội được các mối liên hệ giữa các số liền kề thuộc dãy số tự nhiên và học cách phản ánh chúng vào lời nói (“7 nhỏ hơn 8, cho nên từ 8 bớt 1 ta sẽ được 7 và khi đó cả hai nhóm vật đều bằng nhau và bằng 7 hoặc ta có thể làm theo cách khác: 8 lớn hơn 7 cho nên nếu từ 7 ta thêm 1 thì khi đó cả hai nhóm vật sẽ bằng nhau và bằng 8”). Dựa trên những kiến thức có được, trẻ có thể mô tả lại việc trẻ thực hiện nhiệm vụ được giao.

Sự xác định số lượng các nhóm vật của trẻ mẫu giáo lớn vẫn còn bị ảnh hưởng bởi các dấu hiệu không gian của vật. Tuy nhiên, cũng không nhất thiết phải dành những tiết học riêng để dạy trẻ nắm được sự không phụ thuộc của số lượng vật vào kích thước, hình dạng, sự sắp đặt của nhóm vật. Việc dạy trẻ nắm được sự không phụ thuộc của số lượng vật và kích thước, hình dạng, sự sắp đặt... của nhóm vật có thể tiến hành đồng thời cùng với việc dạy trẻ lập số mới. Các bài luyện tập so sánh số lượng các nhóm vật có kích thước và sự sắp đặt khác nhau tạo điều kiện để trẻ hiểu vai trò của phép đếm và các biện pháp so sánh bằng tương ứng 1:1 trong việc phân tích các mối

quan hệ số lượng “bằng nhau – không bằng nhau”, “nhiều hơn – ít hơn” ví dụ: để nhận biết mối quan hệ số lượng giữa số bánh to và số kẹo nhỏ, hay giữa số hoa được xếp trên một diện tích hẹp và số bướm được xếp trên một diện tích rộng, trẻ cần phải đếm số hoa và số bướm sau đó so sánh các số kết quả đếm với nhau, hoặc trẻ có thể thiết lập tương ứng 1:1 giữa mỗi vật của nhóm này với một vật của nhóm kia bằng các biện pháp như: xếp chồng, xếp cạnh hay sử dụng các gạch nối. Qua so sánh đó trẻ sẽ thấy rõ nhóm vật nào nhiều hơn hay ít hơn nhóm vật nào, từ đó trẻ sẽ so sánh các con số với nhau để thấy số nào lớn hơn hay nhỏ hơn số nào.

Trẻ 5 - 6 tuổi được làm quen với các con số từ 1 đến 10, điều đó có tác dụng nâng sự nhận biết dấu hiệu số lượng của các nhóm đối tượng của trẻ lên mức độ khái quát với việc sử dụng các con số như những kí hiệu trừu tượng. Việc làm quen trẻ với các số được tiến hành cùng với quá trình trẻ lập số mới trên cơ sở so sánh số lượng các nhóm vật. Khi trẻ đếm và xác định được số lượng nhóm vật, giáo viên dùng thẻ số để biểu thị số lượng vật trong nhóm đó. Có thể cho trẻ sử dụng vốn kinh nghiệm của mình để tự chọn số biểu thị số lượng của nhóm vật mà trẻ đếm. Việc dạy trẻ nhận biết các con số diễn ra trên cơ sở trẻ tri giác trực tiếp các con số đó. Giáo viên chỉ cần tiến hành phân tích đặc điểm của các con số mà trẻ dễ nhầm lẫn như: số 1 và 7, 6 và 9 mà không cần thiết phải phân tích tất cả các con số mà trẻ được làm quen. Với mục đích trẻ nhận biết và ghi nhớ các con số, cần cho trẻ thường xuyên sử dụng các thẻ số trong các giờ học, các trò chơi. Việc làm quen trẻ với các con số có tác dụng phát triển cho trẻ khả năng trừu tượng số lượng khỏi những vật cụ thể, khả năng thao tác với các kí hiệu – con số. Mặt khác, việc làm đó còn giúp trẻ nắm được cách xác định số lượng các đối tượng qua con số biểu thị số lượng của nhóm.

Với mục đích giúp trẻ nắm được ý nghĩa khái quát của con số, hiểu con số như chỉ số về độ lớn của một lớp các tập hợp tương đương, giáo viên cần sử dụng các nhóm vật có những đặc điểm, chủng loại khác nhau nhưng có số lượng bằng nhau và đặt chúng ở xung quanh trẻ, giáo viên yêu cầu trẻ xác định số lượng của các nhóm vật này và dùng con số - kí hiệu để biểu thị số lượng của tất cả các nhóm đồ vật đó. Bằng cách đó giáo viên dẫn trẻ tới sự khái quát rằng, mỗi nhóm vật ở xung quanh trẻ đều có số lượng bằng nhau và bằng 7 không phụ thuộc vào những đặc điểm của chúng. Mặt khác,

con số khái quát số lượng các nhóm vật đó lại được trẻ cụ thể hoá bằng những nhóm vật cụ thể: 7 bông hoa, 7 khối vuông, 7 hình tròn, 7 cái bát... tất cả chúng là những nhóm vật khác nhau nhưng chúng đều có số lượng là 7. Như vậy, sự khái quát hoá số lượng các nhóm vật sẽ diễn ra đồng thời với sự cụ thể hoá chúng. Việc tổ chức cho trẻ thực hiện các bài luyện tập đa dạng có tác dụng giúp trẻ tự xác định, tự mô tả số lượng nhóm vật và tự đưa ra những kết luận khái quát, nhờ vậy mà trẻ hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa của con số.

Trong quá trình dạy đếm cho trẻ lớn, cần chú trọng phát triển kỹ năng đếm cho trẻ thông qua các bài luyện tập, trong đó trẻ có thể đếm các nhóm vật có những đặc điểm khác nhau và được sắp xếp theo các cách khác nhau như: xếp theo đường thẳng, đường cong, theo hình mẫu hay xếp lộn xộn... và để xác định số lượng của chúng và trả lời câu hỏi “Có bao nhiêu?” hay “có mấy?” trẻ có thể đếm theo các cách khác nhau như: đếm từ trái sang phải, từ phải sang trái, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên... Giáo viên cần hướng dẫn trẻ sử dụng các biện pháp đếm khác nhau để việc xác định số lượng được thuận lợi nhất. Qua các bài luyện tập như vậy giúp trẻ hiểu rằng, khi đếm trẻ có thể bắt đầu đếm từ vật bất kỳ và đếm theo hướng bất kỳ, nhưng không được bỏ sót vật hay đếm hai lần với cùng một vật. Việc sử dụng các dạng bài tập đếm đa dạng với sự phức tạp dần cách sắp đặt các nhóm vật cùng với việc thay đổi các đồ dùng dạy đếm có tác dụng củng cố kỹ năng đếm và biểu tượng về con số cho trẻ.

Trẻ mẫu giáo lớn không chỉ học đếm trong phạm vi 10 theo trật tự xuôi, mà trẻ còn cần nắm được kỹ năng đếm ngược trong phạm vi 9. Khi dạy trẻ giáo viên có thể sử dụng các biện pháp dạy học khác nhau, ví dụ: cô xếp 10 vật thành hàng ngang rồi cho trẻ đếm để xác định số lượng của chúng, tiếp theo cô cất dần từng vật, sau mỗi lần cất cô yêu cầu trẻ nói cho cô số vật còn lại, cứ như vậy cho tới khi không còn vật nào. Có thể giao cho trẻ nhiệm vụ phức tạp hơn dạng: hãy nói số nhỏ hơn 10 là 1, số nhỏ hơn 1 nữa... Để thực hiện được các nhiệm vụ này trẻ cần nắm được các kiến thức về các mối quan hệ giữa các số liền kề thuộc dãy số tự nhiên và cách tạo số nhỏ hơn số đã biết. Trong quá trình dạy giáo viên cần cho trẻ đọc các số theo trật tự xuôi và ngược qua việc trẻ thực hành đếm với các nhóm vật cụ thể, dạy trẻ đếm bắt đầu từ số bất kỳ.

Ngoài ra cần tiếp tục cho trẻ luyện tập tạo nhóm đối tượng theo mẫu và theo con số cho trước, luyện tập đếm bằng các giác quan khác nhau trong phạm vi 10 như: Đếm số lượng các âm thanh, chuyển động, đếm bằng sờ nắn vật... thông qua việc tổ chức cho trẻ thực hiện các bài tập, trò chơi. Hệ thống các bài tập, trò chơi này rất bổ ích không chỉ đối với sự phát triển kỹ năng đếm bền vững cho trẻ, mà còn phát triển ở trẻ khả năng định hướng cùng lúc nhiều dấu hiệu của đối tượng, phát triển độ nhạy của các giác quan và tạo ra mối liên hệ giữa chúng, phát triển các quá trình tâm lý của trẻ như: chú ý, ghi nhớ có chủ định, phát triển tư duy, ngôn ngữ cho trẻ... Việc tổ chức cho trẻ luyện tập đếm và lĩnh hội những kiến thức về con số không chỉ diễn ra trên các tiết học toán, mà nó còn được lồng ghép qua các tiết học khác và các hoạt động phong phú của trẻ trong trường mầm non.

Việc dạy đếm cho trẻ 5 tuổi và làm quen với các con số cần gắn với chủ điểm, chủ đề giáo dục nhằm giúp trẻ vận dụng kiến thức, kỹ năng đếm vào quá trình khám phá chúng. Ở bất kỳ chủ điểm nào, hãy cho trẻ đếm với các số lượng có thể đếm được. Ví dụ: trẻ đếm số ngón tay, số ngón chân...trong chủ điểm “Bản thân” trẻ đếm số đồ dùng gia đình (số thành viên trong gia đình, số phòng trong nhà, số bát, thìa, số giường, tủ...) trong chủ điểm “Gia đình”, đếm số cây (cây ăn quả, cây cảnh...), đếm số rau (ăn củ, ăn lá...)... trong chủ điểm “Thế giới thực vật”... Khi tổ chức các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non như: thể dục, tạo hình...giáo viên cần lồng ghép, kết hợp các nhiệm vụ đếm với các nhiệm vụ làm quen với tác phẩm văn học (đếm số nhân vật trong câu chuyện, số lần gọi, kêu của nhân vật...), đếm với vận động (cúi người, nghiêng người, dậm chân, giơ tay với số lần cô yêu cầu) hay vẽ, nặn... của trẻ với số đối tượng nhất định. Việc làm quen trẻ với các con số có thể thực hiện trên hoạt động học và trong cả cuộc sống hằng ngày của trẻ như tìm các con số ở khắp nơi trong lớp, ở nhà, ở trường, trong sách, trên bao bì gói hàng, số điện thoại, số xe máy, số tờ tiền..., làm quen trẻ với một vài số điện thoại như: 113, 114. Cần giúp trẻ bước đầu hiểu được ý nghĩa các con số thông qua các trò chơi phân vai (Bán hàng, Gia đình), xem sách (số trên trang sách...) [15, tr.137-142].

b) Dạy trẻ gộp 2 nhóm đối tượng và đếm, tách 2 nhóm đối tượng và đếm

Trong những năm tháng học ở trường mầm non trẻ nhỏ thường xuyên phải thực hiện các bài luyện tập khác nhau như: tạo các nhóm đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau, gộp các nhóm nhỏ thành một nhóm lớn hay tách từ một nhóm lớn ra thành các nhóm nhỏ, so sánh, biến đổi, đếm số lượng của chúng... Những kiến thức, kĩ năng mà trẻ thu được thông qua việc thực hiện các bài luyện tập này là cơ sở trẻ nắm được cách chia một nhóm đối tượng thành hai nhóm theo các cách khác nhau và qua đó trẻ hiểu được thành phần con số từ hai số nhỏ hơn [15, tr.142]

**** Dạy trẻ gộp 2 nhóm đối tượng và đếm***

Khi trẻ đã nhận biết số lượng của nhóm thì cho trẻ gộp hai nhóm có số lượng không vượt quá số lượng trẻ đã biết. Hoạt động này được tiến hành với trẻ 5 - 6 tuổi như sau [15, tr.142] :

+ Cho trẻ đếm riêng số lượng của từng nhóm và ghi nhớ số kết quả, có thể dùng các thẻ số để giúp trẻ ghi nhớ số kết quả. Ví dụ: dùng thẻ số 3 và số 6 để ghi nhớ nhóm có 3 hoa và nhóm có 6 hoa.

+ Cho trẻ đếm lại số lượng của nhóm thứ nhất (ví dụ: 1, 2), sau đó đếm tiếp số lượng nhóm thứ hai (Ví dụ: 3, 4, 5, 6)

+ Nói số kết quả: tất cả có 6 bông hoa (hay 2 bông hoa với 4 bông hoa là 6 bông hoa hay 4 bông hoa với 2 bông hoa là 6 bông hoa).

Cần cho trẻ luyện tập gộp 2 nhóm và đếm với các bài tập có mức độ khó, dễ khác nhau tùy theo khả năng của trẻ.

**** Dạy trẻ cách tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm theo các cách khác nhau.***

Trong quá trình dạy trẻ ban đầu giáo viên cần yêu cầu và hướng dẫn trẻ lấy đi 1 đối tượng, sau đó là 2 hay nhiều đối tượng cùng lúc và đếm số lượng còn lại. Sau đó trẻ nhắc lại quá trình và kết quả đếm, ví dụ: 7 bông hoa lấy đi 1 bông hoa còn 6 bông hoa.

Khi trẻ đã thành thạo với việc tách đối tượng ra khỏi nhóm, giáo viên cho trẻ tự tìm kiếm được tất cả các cách chia một nhóm đối tượng thành hai nhóm theo các cách khác nhau. ví dụ: chia một nhóm gồm 6 đối tượng thành hai phần theo các cách: 1 và 5, 2 và 4, 3 và 3. Ban đầu mỗi trẻ có thể thực hành chia theo cách mà mình thích, giáo viên có nhiệm vụ tổng kết lại tất cả

những cách chia có thể thực hiện được với nhóm đồ vật đó một cách trực quan. Tiếp theo giáo viên tổ chức cho trẻ thực hành chia một nhóm đối tượng thành hai phần với số lượng của một phần theo yêu cầu của cô, ví dụ: “Chia 8 cái kẹo thành hai phần, một phần là 3 cái, vậy phần kia sẽ là mấy cái?” Các bài luyện tập chia như vậy dành cho trẻ sẽ được phức tạp dần cùng với những điều kiện chia nhất định, ví dụ: Chia hai phần sao cho số lượng đối tượng của hai phần bằng nhau, sao cho số đối tượng của một phần nhiều hơn số đối tượng của phần kia là 2...

Khi trẻ đã nắm được các cách chia một nhóm đối tượng thành hai nhóm theo các cách khác nhau, giáo viên cần hướng dẫn trẻ khái quát lại những cách chia đó với các thẻ số bằng cách yêu cầu trẻ đặt các thẻ số tương ứng với số lượng đối tượng của mỗi phần chia, ví dụ: với cách chia 8 đối tượng thành một nhóm có 3 đối tượng và một nhóm có 5 đối tượng thì trẻ sẽ sử dụng cặp thẻ số 3 và 5 để khái quát lại cách chia đó. Cứ như vậy trẻ nhỏ học cách khái quát toàn bộ các cách chia bằng các cặp thẻ số và qua đó trẻ hiểu thành phần của con số từ hai số nhỏ hơn, ví dụ: 1 và 5 là 6, 2 và 4 là 6, 3 và 3 là 6.

Trong quá trình dạy trẻ giáo viên cần chú ý rằng, các bài luyện tập trên không chỉ nhằm mục đích dạy trẻ nhớ một cách máy móc số này hay số khác được hình thành từ những con số nào, cũng như một nhóm cùng các đối tượng có thể được tạo bởi các phần hay các nhóm nhỏ với số lượng nhất định tương ứng với số lượng của cả nhóm chung. Mặt khác, khi thao tác với các tập hợp cụ thể và các con số, trẻ sẽ hiểu sâu sắc hơn mối quan hệ giữa tổng thể - bộ phận. Bộ phận có thể bằng nhau hoặc không bằng nhau, nhiều hay ít, to hay nhỏ, nhưng chúng luôn luôn nhỏ hơn tổng thể [15, tr.143].

1.1.5. Hình thức dạy trẻ 5 - 6 tuổi hình thành biểu tượng số lượng

Hình thức dạy học là một trong những thành phần cơ bản của quá trình dạy học. Trong lí luận dạy học “hình thức” được coi là phương thức tổ chức hoạt động học tập. Hình thức dạy học cần đảm bảo cho việc thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học nhằm đạt được mục đích cuối cùng là GD toàn diện nhân cách trẻ.

Hình thức dạy học trẻ rất đa dạng, chính phụ thuộc vào số lượng trẻ tham gia vào quá trình học, vào vị trí, thời gian tiến hành tiết học, vào các phương thức hoạt động của trẻ và đồng thời cả vào những phương thức mà

giáo viên sử dụng để tổ chức hoạt động cho trẻ. Phụ thuộc vào số lượng trẻ tham gia học tập mà chúng ta có các hình thức dạy học nhau: dạy học với cá nhân trẻ, dạy học theo nhóm và dạy học với cả lớp [14, tr.74], [15, tr.100].

Dạy học cá nhân thường được sử dụng khi giáo viên muốn trẻ có kiến thức, kỹ năng cụ thể nào đó. Hoạt động cá nhân cho phép quan sát đánh giá khả năng thực của từng trẻ để có thể điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của cá nhân trẻ [10, tr.63].

Dạy học theo nhóm thường được dùng để cung cấp kiến thức mới, giới thiệu các hoạt động, tạo sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa trẻ và đặc biệt phù hợp để trẻ thảo luận, trao đổi ý tưởng, ý kiến của chúng với nhau [10, tr.64].

Dạy học cả lớp cho phép trẻ chia sẻ các trải nghiệm và kinh nghiệm hoặc cùng nhau nghe một thông tin nào đó. Không gian lớp học, thời gian cho trẻ hoạt động tạo cơ hội kích thích trẻ tìm tòi khám phá và tập cho trẻ kỹ năng thực hiện công việc chung và nhiệm vụ được giao đến cùng. [10, tr.64]

1.1.5.1. Dạy trẻ 5 - 6 tuổi hình thành biểu tượng số lượng trong hoạt động học Làm quen với toán

**** Ý nghĩa***

- Đây là hình thức cho trẻ làm quen với toán có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho trẻ hệ thống kiến thức, kỹ năng chính xác, đảm bảo tính khoa học.

- Thực hiện một cách có hệ thống nội dung chương trình cho trẻ làm quen với toán được quy định trong chương trình GDMN.

- Góp phần phát triển các năng lực cảm giác, hình thành các thao tác tư duy, phát triển ngôn ngữ, phát triển hứng thú nhận biết... cho trẻ.

- Góp phần cho trẻ hình thành những kỹ năng hoạt động học tập như: chú ý lắng nghe, tích cực ghi nhớ, giơ tay phát biểu, thực hiện nhiệm vụ được giao đúng thời gian quy định...[15, tr.105]

**** Đặc điểm***

Trẻ lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng thông qua hoạt động, qua việc làm của bản thân trẻ, như: quan sát, khảo sát, thực hiện các hành động khác nhau với đồ vật như: xếp các vật cạnh nhau, chồng lên nhau, lăn, đặt chúng ở các tư thế khác nhau... dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Như vậy, trẻ giữ vai trò chủ thể của hoạt động, còn giáo viên là người thiết kế tổ chức, hướng dẫn trẻ hoạt động theo trình tự:

- Khi trẻ mới bắt đầu học, giáo viên có thể hướng dẫn trẻ hoạt động bằng vật mẫu hay hành động mẫu kết hợp với lời giảng giải, với trẻ lớn giáo viên có thể hướng dẫn trẻ bằng lời nói.

- Trẻ tự hoạt động với các đồ vật, đồ chơi, tranh ảnh,... theo hướng dẫn của giáo viên để nắm tri thức mới, thực hành luyện tập theo khả năng của bản thân, củng cố kiến thức, kỹ năng, tự kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động nhận biết của mình.

- Trong quá trình diễn ra tiết học, trẻ có thể không hành động theo mẫu mà còn có thể tự hành động theo ý mình, có thể trao đổi, hỏi ý kiến của người khác, nhìn và bắt chước hành động của người khác. Giáo viên đến chỗ từng trẻ để theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, trao đổi ý kiến... Khi cần thiết, giáo viên có thể tạm dừng hoạt động của trẻ để trao đổi, hướng dẫn chung, thông báo kết quả. Ví dụ: Giáo viên hướng dẫn lại cho trẻ cách thực hiện hành động khảo sát hình dạng của vật khi thấy nhiều trẻ làm chưa đúng...

- Sau khi hoạt động khám phá đối tượng, trẻ nêu lên nhận xét về những điều lĩnh hội được qua hoạt động, tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của mình và của bạn.

+ Giáo viên chính xác hóa các kiến thức, khái quát hóa kết quả nhận thức của trẻ để hình thành kiến thức mới...[15, tr.106]

** Cấu trúc của một tiết học toán (Hoạt động học toán có chủ đích)*

Tiết học toán bao gồm một chuỗi các hoạt động mang tính cấu trúc, trong đó mỗi hoạt động trước sẽ là cơ sở để tiến hành hoạt động sau [15, tr.106-107] :

Hoạt động 1: Ôn luyện những kiến thức đã học làm cơ sở cho việc học những kiến thức, kỹ năng mới.

Trong quá trình thực hiện hoạt động 1, trẻ được ôn luyện nhằm củng cố những kiến thức, kỹ năng đã học. Trọng tâm ôn luyện vào những kiến thức, kỹ năng có liên quan trực tiếp đến nội dung bài học mà trẻ sẽ tiến hành ở hoạt động tiếp theo. Tuy nhiên có thể lồng ghép các kiến thức, kỹ năng khác cho trẻ ôn luyện. Ví dụ: Nội dung ôn biểu tượng số lượng cho trẻ là trọng tâm, nhưng giáo viên có thể kết hợp cho trẻ ôn luyện biểu tượng về không gian, kích thước, hình dạng hay những kiến thức về các lĩnh vực giáo dục khác như: môi trường xung quanh...

Trong quá trình cho trẻ ôn luyện, giáo viên cần hướng dẫn sự chú ý của trẻ tới nhiệm vụ mới cần giải quyết. Tuy nhiên để giải quyết chúng, trẻ lại cần nắm và sử dụng được những kiến thức, kỹ năng sẽ học ở hoạt động sau, điều đó tạo tâm thế cho trẻ học nội dung kiến thức và kỹ năng mới.

Hoạt động 2: Học kiến thức, kỹ năng mới.

Trong thời gian tiến hành hoạt động này, trẻ cần được tích cực hoạt động với đối tượng nghiên cứu theo trình tự nhất định bằng mọi giác quan dưới sự hướng dẫn của giáo viên, trên cơ sở đó trẻ nắm được kiến thức cùng với phương thức hành động. Ví dụ: những biểu tượng về số lượng được hình thành ở trẻ trong quá trình tích cực thao tác với các nhóm đối tượng dưới sự hướng dẫn của giáo viên...

Trong quá trình trẻ hoạt động với đối tượng, giáo viên dùng các câu hỏi gợi mở để hướng trẻ chú ý tới dấu hiệu toán học và mối quan hệ toán học cần nhận biết và dạy trẻ phản ánh chúng bằng lời nói [15, tr.107] [13, tr.11].

Hoạt động 3: Luyện tập nhằm củng cố kiến thức, kỹ năng đã học.

Trong hoạt động này, trẻ được thực hành luyện tập những kiến thức, kỹ năng vừa hoạt động ở hoạt động 2. Tuy nhiên, giáo viên cần cho trẻ luyện tập một cách tổng hợp cả những kiến thức toán học sơ đẳng và kiến thức kỹ năng thuộc về các lĩnh vực giáo dục khác đã học.

Trẻ luyện tập bằng các bài luyện tập hay các nhiệm vụ chơi đa dạng và phức tạp dần. Trong thời gian hoạt động này, giáo viên cần tạo mọi cơ hội để trẻ tích cực, độc lập thực hiện các nhiệm vụ được giao. Giáo viên có thể tổ chức cho trẻ luyện tập theo cả lớp hoặc theo nhóm. Tùy theo tính chất và nội dung của bài học mà giáo viên chia nhóm theo các loại sau:

- Nhóm hỗn hợp (thường chia theo tổ) bao gồm các trẻ có mức độ phát triển biểu tượng toán học và khả năng nhận thức khác nhau, các trẻ trong nhóm này thường phối hợp cùng nhau để giúp đỡ nhau khi cần thiết.

- Nhóm theo trình độ và khả năng của trẻ (gồm những trẻ có trình độ nhận thức cao, hay trung bình, thấp...). Những trẻ nhóm này thường tham gia các hoạt động thực hành, luyện tập theo nhiệm vụ, bài tập hay phiếu giao việc phù hợp với khả năng của từng trẻ.

- Nhóm theo sở trường: gồm những trẻ có khả năng đặc biệt trong việc nhận thức các kiến thức toán học sơ đẳng. Giáo viên có thể giao cho trẻ nhóm này các bài tập nâng cao đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo của trẻ.

Việc phân nhóm cần linh hoạt, nhóm có thể cố định hoặc không cố định phụ thuộc vào yêu cầu, nhiệm vụ của hoạt động học, phụ thuộc vào khả năng tổ chức của giáo viên cũng như nguyện vọng của trẻ.

Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, các thành viên trong nhóm phối hợp hoạt động thực hành: luyện tập đếm, đo lường, so sánh kích thước, số lượng... cùng nhau thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quan sát hay nhiệm vụ chơi...

Để các nhóm dễ dàng hoạt động cần sắp xếp bàn, ghế hay chỗ ngồi phù hợp. Cần sử dụng loại bàn nhẹ, dễ dàng di chuyển, sắp đặt. Mỗi trẻ cần có đủ đồ dùng, đồ chơi cần thiết để thực hiện hoạt động của nhóm (ở trong hoặc ngoài lớp). Trong quá trình tổ chức hoạt động theo nhóm, giáo viên khuyến khích trẻ hoạt động theo nhóm, giáo viên khuyến khích trẻ hợp tác với nhau cùng thực hiện nhiệm vụ được giao, cùng nhau tìm tòi, khám phá, sáng tạo, phê bình, đánh giá... để phát triển khả năng của cá nhân trẻ [15, tr.107-108].

Hoạt động 4: Trẻ ứng dụng tái tạo những kiến thức, kỹ năng đã học.

Giáo viên tổ chức cho trẻ vận dụng tái tạo những kiến thức, kỹ năng đã học vào các hoạt động khác nhau của trẻ, như: tạo hình, âm nhạc, trò chơi... [15, tr.108].

Hoạt động 5: Ứng dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng đã học.

Giáo viên tổ chức cho trẻ các hoạt động khác nhau, trong các hoạt động này trẻ cần ứng dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau nhằm đem lại hiệu quả mong muốn. Ví dụ: Trẻ ứng dụng kiến thức về các hình học để ghép tạo ra những sản phẩm tạo hình đa dạng hay trẻ ứng dụng những kiến thức, kỹ năng đo lường để đo các đối tượng khác nhau trong lớp học của mình hay tạo ra những sản phẩm có kích thước mong muốn.[15, tr.108]

1.1.5.2. Dạy trẻ 5 - 6 tuổi hình thành biểu tượng số lượng trong các hoạt động học khác

Trong giờ học của các môn học khác, giáo viên tận dụng các cơ hội, tạo điều kiện để trẻ được củng cố các biểu tượng toán đã học.

Giáo viên có thể khai thác các nội dung hình thành BTSL thông qua các giờ học khác Hoạt động âm nhạc, Khám phá khoa học, Làm quen với tác phẩm văn học, làm quen với chữ cái, Hoạt động tạo hình, Phát triển vận

động... để giúp trẻ có thể vận dụng kinh nghiệm, vốn hiểu biết của trẻ giải quyết các tình huống có ý nghĩa đối với cuộc sống của trẻ.

Trong giờ khám phá khoa học về môi trường xung quanh, cho trẻ củng cố khả năng phân loại, luyện đếm, so sánh...

Trong các giờ học này, toán là phương tiện để trẻ thực hiện mục đích, yêu cầu của các môn học khác, đồng thời qua các giờ học đó giúp trẻ củng cố một số biểu tượng khác.

Ví dụ: Trong giờ cho trẻ làm quen với thế giới động vật, trẻ có thể sử dụng sự hiểu biết về tập hợp để phân các con vật thành các nhóm:

- Vật 2 chân – Vật 4 chân.
- Vật nuôi trong nhà – Vật sống trong rừng.
- Vật sống trên cạn – Vật sống dưới nước.

Mặt khác, khi giáo viên cho trẻ đếm số vật trong mỗi nhóm, so sánh số lượng giữa các nhóm hoặc so sánh kích thước giữa các con vật đã giúp trẻ củng cố các kiến thức về: số đếm – kích thước.

Tuy nhiên, giáo viên cần hiểu rằng trong các giờ học đó toán chỉ là phương tiện giúp trẻ tiếp thu kiến thức của cá môn học khác, vì vậy giáo viên cần nắm chắc chương trình môn Toán để chỉ cho trẻ vận dụng các kiến thức trẻ đã học được ở môn Toán [18, tr.13-14].

1.1.5.3. Dạy trẻ 5 - 6 tuổi hình thành biểu tượng số lượng trong các hoạt động ngoài giờ học.

** Ý nghĩa:*

- Đa dạng hóa các hình thức cho trẻ MG làm quen với toán trong trường mầm non.

- Đảm bảo nguyên tắc “Học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền với cuộc sống” trong quá trình dạy học những kiến thức toán học sơ đẳng cho trẻ MN.

- Tạo điều kiện để củng cố và làm sâu sắc hơn những kiến thức, kỹ năng mà trẻ đã học được trên các hoạt động toán có chủ đích.

- Góp phần hình thành cho trẻ kỹ năng và thói quen vận dụng những điều đã học vào các tình huống, hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống.

- Giúp trẻ thấy được ý nghĩa của những kiến thức toán học và những kỹ năng nhận biết đã học trong cuộc sống thực tế hàng ngày của trẻ, qua đó hình thành cho trẻ hứng thú đối với những kiến thức, kỹ năng toán học [15, tr.110-111].

** Đặc điểm:*

Đây là cơ hội để trẻ được củng cố và mở rộng sự hiểu biết của mình qua các hoạt động đa dạng ngoài giờ học [18, tr.14].

** Cách tiến hành:*

Trong suốt thời gian trẻ ở trong trường mầm non, giáo viên có điều kiện sử dụng các hình thức dạy học khác nhau nhằm hình thành cho trẻ những biểu tượng toán học sơ đẳng. Việc dạy trẻ có thể diễn ra trong thời gian trẻ chơi, khi trẻ tham quan, dạo chơi, khi trẻ tham gia các hoạt động khác như: thể chất, âm nhạc, tạo hình... hay trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

Trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, giáo viên có thể giao cho trẻ thực hiện các nhiệm vụ khác nhau đòi hỏi trẻ phải ứng dụng các kiến thức về số lượng, phép đếm... như: lấy số ghế, số bát ăn cơm và số thìa ăn tương ứng với số bạn ngồi ăn; hay lấy số vòng bằng số bạn trong đội múa, lấy 5 quả bóng, 3 bao cát để tập thể dục... Nhiều nhiệm vụ đòi hỏi trẻ phải sử dụng tới các kiến thức về kích thước như: lấy quả bóng to, nhỏ, ghế cao cho cô, ghế thấp cho bạn, lấy bát to để đựng thức ăn, bát nhỏ để ăn cơm...

Trong thời gian trẻ nhỏ tham gia các hoạt động ngoài trời, giáo viên tổ chức cho trẻ quan sát và hướng dẫn sự chú ý của trẻ tới những dấu hiệu toán học có trong các sự vật, hiện tượng có ở xung quanh trẻ, như: khi trẻ ngắm vườn trường hay góc thiên nhiên, giáo viên hỏi trẻ “Các con xem trên cây có mấy bông hoa đã nở?”, “Khi trẻ chơi trên sân trường, giáo viên hỏi trẻ: “Trên sân trường có mấy cái xích đu?, Mấy cái cầu trượt?...”

Trong thời gian trẻ thực hiện các bài tập thể dục, giáo viên yêu cầu trẻ giơ tay về phía phải, phía trái, giơ tay lên phía trên, xuống phía dưới, nghiêng người về các phía khác nhau của trẻ, gập chân phải, chân trái... với số lần nhất định. Các bài tập này đòi hỏi trẻ không chỉ có kỹ năng vận động cơ bản mà còn phải ứng dụng những kiến thức toán học vào việc thực hiện nó để đạt kết quả mong muốn.

Như vậy, trong mọi trường hợp của cuộc sống hàng ngày, giáo viên đều có thể sử dụng chúng để hướng dẫn sự chú ý của trẻ tới các dấu hiệu toán học và mối quan hệ toán học có trong đó và cho trẻ nhận biết chính xác chúng. Hơn nữa, giáo viên tạo những tình huống trong cuộc sống hàng ngày của trẻ hay trong các hoạt động khác nhau của trẻ, như: âm nhạc, tạo hình,

thể dục,... để buộc trẻ phải vận dụng những kiến thức toán học và những kỹ năng đã nắm được như: so sánh số lượng bằng thiết lập tương ứng 1:1, kỹ năng đếm... để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

Việc tích hợp các nhiệm vụ của chương trình, tích hợp các dạng hoạt động khác nhau của trẻ trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán sẽ đem lại hiệu quả của quá trình này. Đặc biệt sự tích hợp này rất đặc trưng cho việc dạy trẻ những kiến thức toán học sơ đẳng, bởi đối với trẻ em lứa tuổi mầm non thì việc nắm kiến thức và kỹ năng sẽ diễn ra một cách tự nhiên hơn khi thông qua các hoạt động khác nhau như: vui chơi, vận động, chấp ghép, tạo hình... Vì vậy, chúng ta có thể tiến hành cho trẻ làm quen với toán bằng các hình thức dạy học khác nhau: trên hoạt động học toán có chủ đích, trên các hoạt động khác nhau, như: tạo hình, âm nhạc, thể dục... và trong cuộc sống hàng ngày của trẻ.[15, tr.110-112]

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TRÒ CHƠI HỌC TẬP VỚI VIỆC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI

1.2.1. Khái niệm trò chơi học tập

Vui chơi là một hiện tượng xã hội phổ biến, xuất hiện ở mọi lứa tuổi, trong mọi thời kì lịch sử khác nhau. Với trẻ MG, vui chơi chính là cuộc sống của trẻ, như N.C.Krupxkaia đã khẳng định: “Trò chơi đối với các em là học tập, trò chơi đối với các em là lao động, trò chơi đối với các em là hình thức giáo dục quan trọng”. Vì thế, chơi chính là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi này.

TC của trẻ MG rất phong phú, đa dạng về nội dung, tính chất cũng như cách tổ chức TC. Thông thường, TC của trẻ được chia thành hai nhóm là TC sáng tạo và TC có luật.

TC sáng tạo gồm: trò chơi đóng vai, trò chơi lắp ghép xây dựng, trò chơi đóng kịch. Trong các TC này, trẻ tự do, chủ động lựa chọn chủ đề, nội dung chơi, đồ chơi, tự tổ chức quá trình chơi.

TC có luật gồm: TCHT, trò chơi vận động, trò chơi dân gian. Với các TC này, nội dung chơi, luật chơi có sẵn, do người lớn nghĩ ra và khi chơi, trẻ phải tuân thủ một các nghiêm ngặt.

Với những đặc điểm riêng, mỗi loại trò chơi lại có một thế mạnh đối với sự phát triển nhân cách trẻ. Với nhiệm vụ phát triển trí tuệ, TCHT có ưu thế hơn cả. Vì thế, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi chỉ đi sâu nghiên cứu loại trò chơi này.

Tùy thuộc vào việc nhìn nhận trò chơi theo các chức năng, ý nghĩa khác nhau mà TCHT được tác giả gọi bằng các tên khác nhau như là: “Trò chơi dạy học”, “Trò chơi trí tuệ”, “Trò chơi phát triển”, “Trò chơi khó”...

Theo E.I.Chikhieva, trò chơi được gọi là TCHT hay trò chơi dạy học vì nó gắn liền với mục đích dạy học nhất định và đòi hỏi phải có tài liệu dạy học phù hợp kèm theo. T.G.Xamarucova cho rằng, loại trò chơi được xem là TCHT, đó là trò chơi có nhiệm vụ chủ yếu là giáo dục và phát triển trí tuệ của trẻ.

Theo A.I Xôrôkina: “TCHT thực hiện chức năng của hoạt động thực hành. Nó tạo điều kiện cần thiết để ứng dụng và kết hợp các kiến thức, thúc đẩy hoạt động trí tuệ”. Như vậy, TCHT chủ yếu hướng vào việc giáo dục và phát triển hoạt động nhận thức của trẻ. Tuy nhiên, trong TCHT thì các nhiệm vụ giáo dục và nhiệm vụ nhận thức được đặt ra cho trẻ không trực tiếp mà nó được đặt một cách gián tiếp thông qua nhiệm vụ chơi. TCHT được coi như là một dạng hoạt động thực hành, trong đó, trẻ vận dụng vốn hiểu biết và khả năng suy duy của mình để giải quyết nhiệm vụ nhận thức, dưới dạng hoạt động chơi hấp dẫn, không bị gò bó.

Dựa theo xuất xứ thì phần lớn TCHT là do người lớn bày ra cho trẻ em với nhiều nội dung và luật chơi khác nhau và dùng nó vào mục đích tổ chức hoạt động học tập cũng như giáo dục một số phẩm chất trí tuệ của trẻ. Như vậy, TCHT là phương tiện để phát triển trí tuệ thông minh và là con đường độc đáo giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh một cách nhẹ nhàng, hào hứng và có hiệu quả.

Về khái niệm TCHT cũng có nhiều quan điểm khác nhau, theo chúng tôi: *TCHT là loại TC có luật, thường do người lớn nghĩ ra cho trẻ chơi. Đó là loại TC đòi hỏi trẻ phải thực hiện một quá trình hoạt động trí tuệ để giải quyết nhiệm vụ học tập được đặt ra như nhiệm vụ chơi, qua đó mà trí tuệ của trẻ được phát triển* [26, tr.140-141].

1.2.2. Cấu trúc của trò chơi học tập

Cấu trúc của trò chơi học tập gồm các thành tố sau:

Nhiệm vụ nhận thức: Đây chính là nội dung chơi có tính chất như một bài toán mà trẻ phải giải quyết dựa trên các điều kiện đã cho. Trong trò chơi “Cửa hàng đồ chơi” nhiệm vụ nhận thức ở đây là: Cùng cố kiến thức về đồ chơi, tính chất, đặc điểm, ý nghĩa sử dụng của chúng; phát triển ngôn ngữ

nói mạch lạc và kỹ năng xác định dấu hiệu đặc trưng của đồ vật; giáo dục óc quan sát, tính tích cực của trẻ.

Nội dung chơi là thành phần cơ bản của trò chơi học tập, nó khơi gợi hứng thú sinh động của trẻ, kích thích tính tích cực và nguyện vọng chơi của trẻ. Mỗi TCHT có nhiệm vụ dạy học của mình, chính điều đó làm trò chơi này khác với trò chơi kia. Khi xác định nhiệm vụ nhận thức cần tránh nhắc lại nội dung. Khi chơi trò chơi học tập, trẻ em giải quyết nhiệm vụ này dưới hình thức học tập bằng những hành động chơi nhất định [11, tr.188].

- *Các hành động chơi*: là thành phần chính của trò chơi học tập, thiếu chúng thì không còn là trò chơi nữa. Các hành động chơi như là họa tiết của chủ đề chơi. Vậy hành động chơi chính là những hành động trẻ làm trong lúc chơi. Những hành động ấy càng phong phú, nhiều hình vẻ bao nhiêu thì số trẻ tham gia vào trò chơi càng nhiều bấy nhiêu và bản thân trò chơi càng lí thú bấy nhiêu. Những động tác chơi do cô giáo thực hiện cho phép cô có thể hướng dẫn trò chơi thông qua “tiến trình làm thử”... [11, tr.189]

- *Luật chơi (quy tắc chơi)*: là một thành tố không thể thiếu được trong TCHT. Nhờ có luật chơi, nhà giáo dục có thể điều khiển được hành vi của trẻ em cũng như quá trình sự phạm trong khi chơi. Mỗi trò chơi học tập đều có luật chơi do nội dung chơi quy định. Những luật này có một vai trò rất to lớn: nó xác định tính chất, phương pháp hành động, tổ chức và điều khiển hành vi cùng mối quan hệ lẫn nhau của trẻ trong khi chơi.

Luật chơi càng chính xác bao nhiêu thì trò chơi càng căng thẳng và quyết liệt bấy nhiêu, trong luật chơi chứa đựng những chuẩn mực đạo đức, yêu cầu đối với hành vi của trẻ em, điều khiển mối quan hệ qua lại giữa các thành viên chơi cùng nhau và cuối cùng nó chính là phương tiện giáo dục trẻ em. Những luật chơi trong trò chơi học tập là những tiêu chuẩn đánh giá hành động chơi đúng hay sai.

Trong TCHT vị trí của mọi trẻ tham gia trò chơi là như nhau và được xác định bằng luật chơi. Luật chơi là tiêu chuẩn khách quan để đánh giá khả năng của trẻ. Nắm được luật chơi – có ý nghĩa là làm chủ được hành vi của mình, học cách điều khiển nó, học cách tuân thủ các nhiệm vụ nhất định [11, tr.189],

Như vậy cả 3 thành tố tạo nên cấu trúc TCHT, nội dung chơi, hành động chơi và luật chơi có mối quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó nội dung

chơi có vai trò quyết định nó xác định tính chất của hành động chơi và luật chơi. Luật chơi giúp thực hiện hành động chơi thông qua nội dung chơi nhằm giải quyết nhiệm vụ chơi cũng chính là nhiệm vụ nhận thức.

TCHT bao giờ cũng có một kết quả nhất định, đó là lúc kết thúc trò chơi, trẻ hoàn thành một nhiệm vụ nhận thức nào đó. Đối với trẻ thì kết quả của trò chơi khuyến khích trẻ tích cực hơn nữa trong các trò chơi tiếp theo, còn đối với cô giáo thì kết quả của trò chơi luôn luôn là chỉ tiêu về mức độ thành công hoặc sự lĩnh hội được tri thức của trẻ... [11, tr.189], [26, tr.213]

Tóm lại: TCHT là phương tiện, con đường cơ bản nhất không chỉ phát triển trí tuệ và toàn vẹn nhân cách của trẻ mầm non. Nó tác động trực tiếp đến quá trình tâm lí của trẻ và nhận thức của trẻ. Theo chúng tôi, TCHT được xem là chiếc cầu nối giữa nội dung dạy học và sự hình thành toàn vẹn nhân cách của trẻ em [5, tr.24].

1.2.3. Phân loại trò chơi học tập

Trò chơi học tập của trẻ mẫu giáo rất đa dạng về thể loại. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có ý kiến thống nhất về phân loại trò chơi học tập. Và do vậy, trên thực tế có nhiều cách phân loại trò chơi học tập. Mỗi cách phân loại dựa theo một điểm tựa nhất định [26, tr.145-146].

a. Dựa trên phương tiện tổ chức, trò chơi học tập có các loại sau

- Trò chơi học tập với đồ vật, đồ chơi, tranh ảnh...
- Trò chơi lô tô.
- Trò chơi học tập bằng lời.
- Trò chơi âm nhạc.

b. Dựa trên nhiệm vụ học tập được đưa vào trò chơi, TCHT bao gồm:

- Trò chơi học tập nhằm cung cấp biểu tượng, tri thức mới.
- Trò chơi học tập nhằm củng cố tri thức, biểu tượng đã học.

c. Dựa trên ý nghĩa của TC đối với sự phát triển của trẻ, TCHT bao gồm

- Trò chơi học tập nhằm rèn luyện sự nhạy bén của các giác quan.

Phát triển óc quan sát, khả năng định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ

- Trò chơi học tập nhằm cung cấp biểu tượng, tri thức mới và củng cố biểu tượng, tri thức đã biết.

- Trò chơi rèn luyện các thao tác tư duy, óc tưởng tượng sáng tạo.
- Trò chơi nhằm phát triển ngôn ngữ.

- Trò chơi nhằm rèn luyện khả năng tập trung chú ý và sự nỗ lực ý chí của trẻ

Ngoài ra nếu dựa vào nhiệm vụ của “môn học”, “tiết học” ở trường mẫu giáo, ta thấy còn có nhiều trò chơi học tập khác phục vụ cho tiết học; trò chơi đóng kịch giúp trẻ làm quen với tác phẩm văn học, trò chơi đóng vai có chủ đề làm quen với môi trường xung quanh và qua trò chơi học tập ta có thể giáo dục đạo đức, tính cách cho trẻ...

1.2.4. Vai trò của trò chơi học tập với việc hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

TCHT là phương tiện, là con đường cơ bản để phát triển trí tuệ cho trẻ đặc biệt là việc hình thành BTSL của trẻ 5 - 6 tuổi.

TCHT giúp trẻ phát triển trí tưởng tượng. Khi chơi trẻ phải vận dụng vốn kinh nghiệm, các biểu tượng mà trẻ có trong đầu để thực hiện các thao tác chơi, nội dung chơi. Nhờ có trí tưởng tượng mà trẻ có thể thực hiện được các thao tác chơi, nội dung chơi và thực sự hòa nhập vào trò chơi. Trí tưởng tượng giúp trẻ sử dụng các vật thể, đồ chơi như một vật tượng trưng. Các hoạt động của TCHT đòi hỏi trẻ phải ghi nhớ liên tục và trong một thời gian ngắn. Qua đó, trí nhớ của trẻ được rèn luyện và phát triển về những tri thức, khái niệm, biểu tượng mà trẻ đã lĩnh hội trước đó.

TCHT là một phương tiện hữu ích cung cấp những kiến thức mới, những biểu tượng mới, những kỹ năng mới và củng cố những kiến thức, những biểu tượng và kỹ năng vốn có của trẻ. Khi chơi, để giải quyết nhiệm vụ của trò chơi, trẻ phải dùng vốn biểu tượng, các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết phù hợp. Qua đó, TCHT phát triển các quá trình cảm giác, tri giác, phát triển trí nhớ, tư duy, tưởng tượng cho trẻ, đồng thời rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo, sự nhanh nhẹn và sự linh hoạt trong hành động. Thông qua TCHT, trẻ được thực hiện tất cả các thao tác hình thành biểu tượng số cũng như thao tác trừu tượng hóa. Các hành động chơi của trẻ trong TCHT là các thao tác như đếm, thêm-bớt, tách-gộp, xếp thứ tự, lồng các vật vào số. Đây là hành động hình thành BTSL một cách có ý thức.

Trong khi trẻ chơi, trẻ không chỉ dùng hành động chơi mà còn sử dụng ngôn ngữ để hoàn thành nhiệm vụ chơi. TCHT giúp trẻ phát triển ngôn ngữ mạch lạc. Ngôn ngữ trong TCHT là ngôn ngữ giúp trẻ khắc sâu các thao tác hình thành biểu tượng số. Các từ, cụm từ trẻ thường dùng trong TCHT

hình thành BTSL: tách, gộp, xếp thứ tự theo chiều xuôi, xếp thứ tự theo chiều ngược, bằng nhau, không bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, thêm, bớt...

Như vậy, TCHT được sử dụng như một phương tiện dạy học hiệu quả cho trẻ MG, nếu sử dụng hợp lý TCHT trong tổ chức hoạt học cho trẻ MG nói chung và trong việc hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi nói riêng một cách hợp lý sẽ dễ dàng giúp trẻ tiếp thu những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà GV muốn hình thành ở trẻ. Vấn đề đặt ra là GV phải biết thiết kế TCHT, tổ chức TCHT cho trẻ một cách khoa học, phù hợp với mục tiêu, nội dung hình thành BTSL cho trẻ và phù hợp với khả năng của trẻ thì nó sẽ là một phương tiện hữu hiệu để hình thành BTSL cho trẻ có hiệu quả.

1.2.5. Thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

1.2.5.1. Khái niệm thiết kế trò chơi học tập

** Khái niệm thiết kế*

Theo từ điển Tiếng Việt “Thiết kế là lập tài liệu kỹ thuật toàn bộ, gồm có bản tính toán, bản vẽ,... để theo đó mà xây dựng công trình, sản xuất thiết bị, sản phẩm” [19, tr.943]

Thuật ngữ thiết kế được hiểu theo nhiều khía cạnh khác nhau, tùy thuộc vào lĩnh vực tiếp cận. Tuy nhiên, mỗi lĩnh vực đều nhấn mạnh tính sáng tạo của quá trình thiết kế, hay cái mới, cái giá trị của sản phẩm thiết kế mang lại cho con người.

Ta có thể hiểu thiết kế là một quá trình mà người thiết kế phải sáng tạo nhằm hình thành, hoàn thiện và phát triển một kế hoạch, một mô hình sản phẩm nào đó. Trong đó, người thiết kế phải kết hợp những yêu cầu thực tế cùng với khả năng của mình để truyền tải những ý tưởng trừu tượng, sáng tạo của mình thành những sản phẩm cụ thể đáp ứng các nhu cầu của con người.

** Khái niệm thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi*

Thiết kế trò chơi học tập là quá trình xây dựng, tạo ra các TCHT mà trò chơi đó mang đầy đủ những thành tố trong cấu trúc TCHT.

Thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi là quá trình xây dựng, tạo ra các TCHT mà trò chơi đó mang đầy đủ những thành tố trong cấu trúc TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5-6 tuổi.

1.2.5.2. Nguyên tắc thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

a) Đảm bảo tính mục đích

Việc thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi hướng tới mục đích làm phong phú, chính xác, khái quát hơn các biểu tượng số lượng đã có ở trẻ. Vì vậy nhiệm vụ chơi, hành động chơi và luật chơi của trò chơi phải hấp dẫn, tạo cho trẻ sự hứng thú, tập trung và đòi hỏi trẻ vận dụng các kiến thức, kỹ năng, các thao tác tư duy (phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa) để giải quyết nhiệm vụ nhận thức mà TC đặt ra cho trẻ [5, tr.55]

b) Đảm bảo tính hấp dẫn

Việc thiết kế các TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi phải thực sự hấp dẫn, lôi cuốn sự tập trung chú ý, hứng thú của trẻ, phải luôn gắn với đặc điểm cá nhân (nhu cầu, xúc cảm, tình cảm, trình độ phát triển của trẻ, với tính chất của hoạt động chơi) để trẻ tự nguyện tham gia vào trò chơi, tích cực vận dụng vốn hiểu biết của mình để giải quyết nhiệm vụ nhận thức trong hoàn cảnh chơi sinh động, hấp dẫn muốn chơi tiếp. Muốn vậy, TCHT phải hấp dẫn trẻ từ tên gọi của trò chơi, cách chơi, nội dung chơi phải phù hợp với khả năng của trẻ, không quá khó cũng không quá dễ. Đồ chơi phải hấp dẫn, dễ làm, dễ tận dụng từ nguồn vật liệu có sẵn...

- *Tên gọi của TC*: Phải phù hợp với nhiệm vụ, nội dung chơi và khơi gợi trẻ mong muốn, khao khát được tham gia vào trò chơi.

- *Nội dung các TC*: Phải bám sát vào nội dung chương trình giáo dục dạy trẻ 5 – 6 tuổi hình thành BTSL đang thực hiện và phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ, phải huy động được kiến thức, kỹ năng mà trẻ đã có vào việc giải quyết các nhiệm vụ nhận thức sao cho tạo ra “vùng phát triển gần nhất” ở trẻ.

- *Cách chơi*: dễ nhớ, hấp dẫn và phù hợp với khả năng của trẻ. Giáo viên dễ tổ chức hướng dẫn TC và trẻ có thể tự tổ chức TC sau khi được cô giáo hướng dẫn cách chơi.

- *Đồ chơi*: dễ kiếm, dễ làm, dễ tận dụng từ nguồn nguyên vật liệu có sẵn...[5, tr.55-56]

c) Đảm bảo tính hệ thống và tính phát triển

Nguyên tắc này đòi hỏi khi thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi thì các TC phải được sắp xếp từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ

đến khó, yêu cầu nhận thức, luật chơi, hành động chơi phải được phức tạp hóa dần dần trong quá trình trẻ chơi. Những kiến thức mới phải dựa trên những kiến thức trẻ đã học, đồng thời làm cơ sở cho trẻ tiếp thu những kiến thức. Dựa vào nội dung BTSL cần hình thành cho trẻ, đặc điểm nhận thức của trẻ, các TCHT được thiết kế theo các nhóm. Trong mỗi nhóm, các TC lại được sắp xếp thành các nhóm nhỏ, tùy theo mục đích sử dụng với độ phức tạp tăng dần:

- Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng chữ số tương ứng

- Nhóm TCHT nhằm giúp trẻ biết so sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi các số đã học. Biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng

- Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

- Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau

- Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

TC được thiết kế với nội dung đa dạng, đáp ứng các quy luật phát triển tâm lí của trẻ. Các TC có nhiều mức độ chơi để đáp ứng các mức độ nhận thức và kinh nghiệm khác nhau của trẻ. Việc thiết kế TC cho mỗi nội dung hình thành BTSL được thể hiện dưới nhiều hình thức chơi, nhiều cách chơi để mỗi trẻ có thể tự chọn những TC, cách chơi khác nhau tùy theo hứng thú và mức độ phát triển của trẻ.

Bên cạnh đó, TC được thiết kế theo hướng mở để cùng với một TC có thể chơi theo nhiều cách với các yêu cầu mức độ khác nhau, chơi ở nhiều thời điểm mà không bị nhàm chán. [5, tr.56-57].

d) Đảm bảo tính đa dạng

Việc thiết kế các TC trong hệ thống phải đa dạng, phong phú. Cần tạo ra những hình thức mới cho một nội dung hình thành BTSL đã cũ, cần làm tăng độ mới lạ, hấp dẫn, tránh rập khuôn, trùng lặp hình thức của những TC cũ nhằm tạo cơ hội cho trẻ thực hành, vận dụng vốn hiểu biết thuộc nhiều

lĩnh vực khác nhau và sử dụng khả năng tư duy của mình để giải quyết nhiệm vụ nhận thức trong những tình huống chơi đa dạng, phong phú [5, tr.57].

e) Đảm bảo tính linh hoạt

Việc thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi không nhất thiết phải theo một trình tự nhất định mà tùy theo nội dung của chương trình quy định, theo hoạt động chơi của trẻ, điều kiện đồ chơi, năng lực tổ chức, hướng dẫn của GV để tạo nên một hệ thống TC luôn mới [5, tr.57].

1.2.5.3. Quy trình thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

a) Xác định nhiệm vụ nhận thức

Để tiến hành thiết kế TCHT, trước hết cần phải xác định những nội dung dạy trẻ 5 – 6 tuổi hình thành BTSL, xác định chủ đề giáo dục.

Nhiệm vụ nhận thức hay còn gọi là nhiệm vụ học tập là nét đặc trưng của TCHT. Mỗi TCHT đều chứa đựng một nhiệm vụ nhận thức nhất định, nó đặt ra cho trẻ một bài toán mà trẻ phải dựa trên những điều kiện đã có để giải quyết. Nó khơi gợi hứng thú, tính tích cực, trí tò mò của trẻ.

Nhiệm vụ nhận thức của các TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi chính là sự cụ thể hóa các nội dung hình thành cho trẻ *đã xác định ở mục 1.1.3*. Tương ứng với các nội dung sẽ có nhiệm vụ nhận thức. Mỗi nội dung trên lại được triển khai bởi nhiều nhiệm vụ nhận thức, thông qua nhiều trò chơi khác nhau. Mỗi một trò chơi trong từng chủ đề nhánh được triển khai bởi nhiều nhiệm vụ nhận thức, thông thường nhiệm vụ nhận thức được thể hiện rõ nhất ở tên gọi của mỗi TC [5, tr.57].

Ví dụ: Trò chơi “Tìm quả”. Trên đây cô đã chuẩn bị 1 bức tranh có rất nhiều loại quả và các con số khác nhau. Cô chia lớp thành 2 đội. Nhiệm vụ của các đội hãy quan sát bức tranh và trả lời các câu hỏi của cô: Trong bức tranh có bao nhiêu quả? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các quả đó. Hoặc trong bức tranh có bao nhiêu quả không hạt? Con hãy nói chữ số tương ứng với các quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó...

b) Xác định hành động chơi

Hành động chơi trong TCHT là hệ thống các thao tác, chủ yếu là thao tác trí óc, nhằm thực hiện nhiệm vụ nhận thức mà TC đặt ra. Đó là những hành động trẻ thực hiện trong khi chơi. Trong TCHT, hành động chơi càng

phong phú, nhiều hình thức bao nhiêu thì càng hấp dẫn với trẻ bấy nhiêu, số lượng trẻ tham gia TC càng nhiều thì bản thân TC càng lý thú bấy nhiêu.

Hành động thường gặp trong các TCHT là các loại hành động: vận động, khám phá, giấu tìm, chấp ghép, so sánh, đồ đoán, phân nhóm... TC nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi cũng có thể sử dụng các hành động trên tùy thuộc vào mục đích, nội dung cụ thể của từng trò chơi.

Vận động của trẻ trong các TC: Nó đem lại cho trẻ những xúc cảm tích cực, là nguồn vui lớn của trẻ. Vận động như một ký hiệu biểu thị nội dung biểu tượng, tức là nội dung biểu tượng được trực quan hoá bằng vận động. Tuy nhiên, khối lượng vận động đưa vào TC không nên quá lớn để tránh dẫn đến sự mệt mỏi cho trẻ như trò chơi hình thành BTSL kết hợp định hướng khi di chuyển.

Hành động so sánh: Ví dụ như so sánh các đối tượng để tìm ra nhóm nào có số lượng nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau... Trò chơi “Ô số bí mật” trẻ quan sát bức tranh và trả lời câu hỏi: Nhóm con vật nào có số lượng ít hơn 9 là 1? Tìm số tương ứng với con vật đó. Hoặc nhóm con vật nào có số lượng nhiều hơn 8 là 1? Tìm số tương ứng với con vật đó

Xếp thành bộ, phân nhóm các đối tượng theo dấu hiệu đặc trưng như trò chơi “Tìm quả” trẻ quan sát tranh, trong bức tranh có rất nhiều các loại quả (1 hạt, không hạt, nhiều hạt...), trẻ phải tìm xem có bao nhiêu quả 1 hạt, bao nhiêu quả không hạt...

Hành động đồ đoán: Đây là những hành động giúp trẻ thoả mãn trí tò mò, nhu cầu giao tiếp, ham thích tìm hiểu các dấu hiệu và các mối quan hệ toán học có trong sự vật, hiện tượng xung quanh, cụ thể là hình thành BTSL cho trẻ. Ví dụ trò chơi “Ai đoán giỏi”..

Hành động giấu tìm: Đây là hành động có tác dụng phát huy ở trẻ sự nhanh trí, nhanh nhẹn, tháo vát, khả năng tinh ý, tìm tòi. Thông qua nhiệm vụ chơi của TC, giáo viên có thể yêu cầu trẻ đi tìm những đồ vật có các số lượng khác nhau đặt ở các vị trí khác nhau trong lớp học.

Hành động đóng vai: Các vai chơi sẽ kích thích hứng thú của trẻ rất nhiều bởi nó thể hiện mong muốn vươn tới cuộc sống thực hàng ngày của trẻ, nó thúc đẩy trẻ tham gia vào trò chơi. Ví dụ trò chơi câu cá..

Hành động tháo, lắp ghép của trẻ trong TCHT có tác dụng làm chính xác hơn BTSL thông qua việc trẻ tri giác thật kỹ vật cùng với các thành

phân, chi tiết của nó để nhận biết những đặc điểm đặc trưng của vật để tháo, lắp ghép theo yêu cầu, lắp ghép các bộ phận thành vật nguyên vẹn như

Nhìn chung, các hành động chơi trên đã lôi cuốn trẻ vào cuộc chơi để thực hiện nhiệm vụ nhận thức. Chúng giúp trẻ hình thành BTSL giúp trẻ thực hành các hành động nhận thức: phân tích, so sánh, tổng hợp, phân nhóm... Trên cơ sở đó mà BTSL của trẻ được hình thành và phát triển. Sự phối hợp giữa các hành động trong TC là cần thiết, các hành động chơi càng đa dạng bao nhiêu thì TC càng hấp dẫn trẻ bấy nhiêu [5, tr.58-59].

c) Lựa chọn đồ chơi

Số lượng và kiểu loại đồ chơi tùy thuộc vào mục đích, nội dung hình thành BTSL cho trẻ.

Số lượng đồ chơi đưa vào không nên quá nhiều, điều này sẽ làm trẻ bị sao nhãng việc thực hiện nhiệm vụ nhận thức, chỉ nên vừa đủ cho trẻ tri giác và hành động với chúng.

Về kiểu loại: Đồ BTSL của trẻ trở nên phong phú, đồ chơi cho trẻ có thể là các bộ loto, tranh ảnh... Bên cạnh đó, việc sử dụng ngôn ngữ thay cho đồ chơi cũng là một cách để kiểm tra và tích lũy vốn BT phong phú cho trẻ.

Để chính xác hóa các biểu tượng của trẻ, đồ chơi cần thể hiện được chủ đề giáo dục, phản ánh được rõ nét và chính xác các đặc điểm của đối tượng. Nên chọn những đồ vật, đồ chơi đơn giản, quen thuộc, gần gũi trẻ, có sẵn tại địa phương, dễ kiếm, dễ làm và có thể sử dụng chúng vào các TC, các hoạt động khác nhau của trẻ [5, tr.59-60].

d) Xác định luật chơi

Luật chơi là những quy định bắt buộc người chơi phải tuân thủ trong khi thực hiện nhiệm vụ nhận thức. Nó được coi là tiêu chuẩn để đánh giá hành động đúng hay sai. Luật chơi xác định tính chất, cách thức hành động, tổ chức và điều khiển hành vi cùng mối quan hệ lẫn nhau của trẻ trong khi chơi. Trong TCHT, vị trí của trẻ là như nhau và luật chơi là tiêu chí đánh giá khả năng chơi của trẻ. Việc trẻ lĩnh hội và tuân theo các luật chơi đó có tác dụng giáo dục tính độc lập, khả năng tự kiểm tra và kiểm tra trong khi chơi. Luật chơi càng chính xác bao nhiêu thì TC càng căng thẳng và quyết liệt bấy nhiêu.

Là yếu tố cơ bản của TCHT, nó quy định người chơi phải làm gì, làm như thế nào trong một trò chơi. Luật chơi tạo ra sự liên tục của hành động chơi, luật chơi cũng có những luật cấm và những luật này giáo dục tính kiểm

chế cho trẻ. Nên luật chơi cần tỉ mỉ, chi tiết, hướng tới thực hiện cách thức quy định hành động chơi [5, tr.60].

e) Hướng dẫn cách chơi

Sau khi đã thiết kế một TC với đầy đủ các thành phần, cấu trúc, giáo viên dự kiến cách tiến hành và tổ chức cho trẻ chơi, theo dõi và đánh giá tính phù hợp của TC với mục đích nhằm hình thành BTSL cho trẻ, nội dung, hành động chơi, đồ chơi, hình thức chơi để có thể điều chỉnh phù hợp cho những lần chơi sau. Khi tổ chức cho trẻ chơi, giáo viên cần phổ biến cách chơi một cách rõ ràng để giúp trẻ hiểu và tham gia TC [5, tr.60].

g) Xác định tên trò chơi

Bất kì trò chơi nào cũng có một tên gọi nhất định. Đó là yếu tố đầu tiên thu hút người chơi đến với trò chơi. Vì thế, tên gọi của trò chơi thường đơn giản, dễ hiểu, gợi lên sự vui vẻ và hướng vào nhiệm vụ nhận thức, phù hợp với nội dung chơi và khơi gợi trẻ mong muốn, khao khát được tham gia vào TC.

Việc đặt tên cho TCHT có thể do giáo viên tự nghĩ ra hoặc giáo viên cùng trẻ thực hiện, thường tên gọi TC luôn ẩn chứa luôn nhiệm vụ chơi – nhiệm vụ hình thành BTSL của TCHT đó[5, tr.60-61].

1.2.5.4. Yêu cầu thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi

- Việc thiết kế TCHT hình thành BTSL phải căn cứ vào mục tiêu, nội dung của việc hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp cũng như đặc điểm của cá nhân trẻ.

- Các TC được thiết kế cần có sự đa dạng về nội dung để có thể rèn luyện và phát triển được nhiều BTSL mới ở trẻ, phát triển được nhiều loại kĩ năng và tư duy cho trẻ.

- Nhiệm vụ chơi, hành động chơi, luật chơi cần cụ thể, rõ ràng và vừa sức để trẻ có thể tự mình chơi được.

- Các TC được thiết kế theo hướng mở với các mức độ yêu cầu khác nhau, với các cách phát triển khác nhau để trẻ có thể chơi theo nhu cầu và khả năng của bản thân mình.

- Các TC được thiết kế phải sáng tạo, mới lạ để thu hút sự tò mò, kích thích sự tham gia tích cực của trẻ. TC phải có yếu tố thi đua lôi cuốn trẻ tích cực tham gia TC.

- Các TC cần được sắp xếp thành hệ thống theo từng nội dung, nhóm nội dung hình thành BTSL cần rèn cho trẻ.

1.2.5.5. Tổ chức trò chơi học tập nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi

a) Chuẩn bị cho trẻ chơi (trước khi chơi)

- Lập kế hoạch tổ chức chơi
- + Xác định mục đích, yêu cầu.
- + Lựa chọn nội dung TCHT và hình thức chơi cho phù hợp với mục đích, yêu cầu đã đề ra.

- + Lựa chọn các biện pháp và phương tiện tiến hành hoạt động chơi

- Tạo ra môi trường chơi:

- + Bố trí, tạo không gian cho trẻ hoạt động: Không gian chơi cần phải đủ rộng, thuận tiện, đảm bảo an toàn, vệ sinh. Xác định được chỗ chơi sẽ giúp cho giáo viên dễ dàng sắp xếp các đồ dùng đồ chơi cần thiết, phù hợp với chủ đề giáo dục, với nội dung hoạt động và mục đích, nhiệm vụ của từng TC.

- + Lựa chọn đồ dùng, đồ chơi: Đồ chơi là một phần của TC, tuy nhiên cũng có những TC chỉ dùng lời, không nhất thiết phải dùng đến đồ chơi. Với những TC có sử dụng đồ chơi, tùy thuộc vào nhiệm vụ chơi, hành động chơi, khả năng của trẻ, giáo viên cần có sự lựa chọn các chủng loại đồ chơi với số lượng, đặc điểm hình dáng, màu sắc, kích thước thích hợp v.v..

- + Sắp xếp đồ chơi: giáo viên nên sắp xếp đồ dùng đồ chơi trong trạng thái mở để kích thích ý tưởng chơi và tạo ra hứng thú đến trò chơi cho trẻ.

- + Ngoài ra, trước khi chơi cô cần tạo cho trẻ một tâm thế sẵn sàng, hào hứng khi tham gia vào TC. Cô cũng nên tạo ra mối quan hệ tốt giữa cô với trẻ và giữa trẻ với nhau. Đó là mối quan hệ bình đẳng, cởi mở, hợp tác sẽ tạo ra được bầu không khí tự tin, khẩn khởi cho trẻ giúp cho trẻ thoải mái hơn, chủ động hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ nhận thức qua các TC bằng cách tôn trọng sự lựa chọn của trẻ, tạo điều kiện cho mọi trẻ đều được hoạt động

Bên cạnh đó, giáo viên cần tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả trẻ được tham gia vào trò chơi với những mức độ khác nhau phù hợp với khả năng của từng trẻ (nhóm trẻ) trong quá trình trẻ tham gia vào TC [5, tr.64-65].

b) Tổ chức cho trẻ chơi (trong khi chơi)

- *Giới thiệu tên TC*: Để giới thiệu tên TC giáo viên có 2 cách đó là trực tiếp và gián tiếp [5, tr.68] :

Cách giới thiệu trực tiếp: Giáo viên nêu ra tên TC cho trẻ biết. Cách này giúp trẻ biết luôn tên TC nhưng lại không kích thích trí tò mò, tư duy và sáng tạo ở trẻ.

Cách giới thiệu gián tiếp: Giáo viên sử dụng các bài hát, câu đố, trò chơi, những lời kể, tình huống dẫn dắt trẻ đến việc giới thiệu tên TC. Đối với cách giới thiệu này sẽ kích thích được hứng thú và sự tò mò của trẻ.

- *Đưa ra nhiệm vụ chơi*: Việc giao nhiệm vụ chơi có thể đi theo 2 cách như sau [5, tr.68] :

Một là: Có thể đưa ra từng phần của nhiệm vụ và trình tự hành động để đi đến giải quyết một nhiệm vụ cụ thể. Hướng này giúp trẻ giải quyết một nhiệm vụ cụ thể. Đồng thời, giúp trẻ giải quyết nhiệm vụ tương đối phức tạp, song trẻ thực hiện một cách máy móc.

Hai là: Giao cho trẻ toàn bộ nhiệm vụ, cô gợi ý có thể sử dụng nhiều phương thức khác nhau, khuyến khích sáng kiến của trẻ. Hướng này tạo điều kiện cho trẻ tự do hành động theo cách suy nghĩ của mình nên nó thúc đẩy trí thông minh của trẻ phát triển mạnh mẽ.

Giao nhiệm vụ cho trẻ cần chú ý đến đặc điểm của nhân của trẻ, tùy vào mức độ hiểu biết của trẻ (trẻ khá nhiệm vụ khó, trẻ yếu nhiệm vụ dễ hơn) và nâng dần độ khó của trò chơi với trẻ [12, tr.97].

- *Giới thiệu luật chơi*: Giáo viên phải đưa ra luật chơi rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu để tất cả các trẻ đều có thể tham gia thực hiện trong quá trình chơi. Luật chơi trong TCHT càng rõ ràng, chính xác bao nhiêu thì TC càng hấp dẫn bấy nhiêu. Trước khi tiến hành TC, giáo viên có thể kiểm tra luật chơi bằng cách cho trẻ nêu lại cách chơi, cho trẻ lên làm thử hoặc làm mẫu cho các bạn khác cùng xem [5, tr.69].

- *Hướng dẫn trẻ cách chơi*: Cô phổ biến cho trẻ cách chơi một cách ngắn gọn, rõ ràng và tuân tự theo từng bước. Với những TC mới, giáo viên có thể nhắc lại một vài lần cách chơi và kết hợp chơi mẫu cho trẻ xem. Với TC cũ, cô cho trẻ nhắc lại cách chơi và chơi thử, cô quan sát để điều chỉnh cách chơi [5, tr.69].

- *Tổ chức cho trẻ chơi*:

Sau khi đã phổ biến tên TC, nhiệm vụ chơi, cách chơi, luật chơi, cô cùng trẻ tiến hành TC. GV là người theo dõi, bao quát quá trình chơi của trẻ.

Trong quá trình chơi đó, cô giáo tạo điều kiện cho trẻ tích cực suy nghĩ,

tích cực sử dụng vốn từ của mình để giải quyết nhiệm vụ chơi. Cô giáo linh hoạt sử dụng các hình thức chơi (lớp, nhóm, cá nhân) để phát huy khả năng chơi của trẻ. Với những TC mang tính tập thể, cô nên tổ chức dưới hình thức thi đua giữa cá nhân trẻ với nhau, giữa tập thể trẻ với nhau để tăng thêm hứng thú cho trẻ. Cô giáo cần phải sửa lỗi cho trẻ khi chúng dùng sai từ, phát âm sai từ.

Ngoài ra, cô giáo có thể tạo hứng thú cũng như thúc đẩy tính tích cực của trẻ bằng cách mở rộng nội dung chơi, nâng cao yêu cầu của trò chơi. Khuyến khích trẻ tích cực giao tiếp với cô và các bạn, rèn luyện kỹ năng lắng nghe người khác nói và nói cho người khác hiểu. Trong khi quan sát trẻ chơi, cô giáo giúp đỡ trẻ khi cần thiết, chẳng hạn như: trẻ bị bế tắc trong TC, bị cô lập khi chơi, mâu thuẫn với bạn bè, thiếu đồ dùng, đồ chơi... Đồng thời, khi trẻ chơi cô giáo cần phải luôn khuyến khích, động viên, khen ngợi kết quả chơi của trẻ.

c) Kiểm tra đánh giá kết quả chơi (sau khi chơi)

Khi đánh giá TC, giáo viên phải duy trì được niềm vui do TC mang lại cho cả tập thể và cho từng nhóm trẻ, không làm trẻ mất hứng, mất vui. Việc đánh giá cần hướng cả vào tiến trình chơi và kết quả của TC, nghĩa là xem trẻ chơi có đúng luật hay không? mức độ hứng thú và tích cực đến đâu? kết quả đạt được như thế nào? [5, tr.69].

- Cho trẻ được tự nhận xét đánh giá, kiểm tra kết quả chơi của bạn, của bản thân.

- Giáo viên cần nhận xét, đánh giá kết quả chơi của trẻ một cách công bằng tạo cho trẻ tự tin và cố gắng hơn ở các trò chơi sau. Kết quả đánh giá sự tiến bộ và những thành công của trẻ được cô giáo sử dụng cho việc lên kế hoạch chương trình chơi tiếp theo của trẻ [11, tr.99].

Kết luận chương 1

Qua nghiên cứu về cơ sở lý luận của việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Việc đưa nội dung BTSL vào trong chương trình giáo dục mầm non, trong đó có trẻ 5 – 6 tuổi là việc làm đúng đắn và rất cần thiết. Thông qua việc làm quen với các BTSL, giúp trẻ nhận biết được các dấu hiệu số lượng và mối quan hệ số lượng có trong các sự vật, hiện tượng của thế giới xung quanh trẻ, hình thành ở trẻ biểu tượng về con số, mối quan hệ giữa chúng và quy luật hình thành dãy số tự nhiên, hình thành ở trẻ những kỹ năng nhận biết như so sánh số lượng, đếm, thêm/bớt, tách/gộp số lượng, nhận biết ý nghĩa của con số trong cuộc sống... Tất cả những kiến thức, kỹ năng đó là cơ sở để trẻ dễ dàng học phép đếm và các phép tính đại số ở trường tiểu học. Bên cạnh đó, BTSL giúp trẻ giải quyết một cách hiệu quả các nhiệm vụ thực tiễn trong cuộc sống hằng ngày.

Việc hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi được tiến hành qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau của trẻ ở trường mầm non. TCHT là một trong những phương tiện, là con đường cơ bản để phát triển trí tuệ cho 5 - 6 tuổi. Việc hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi. TCHT tạo cho trẻ khả năng giải quyết nhiệm vụ học tập dưới hình thức chơi nhẹ nhàng, không bị áp đặt, nâng cao hứng thú của trẻ, phát triển năng lực tập trung chú ý, tạo điều kiện thuận lợi cho những hành động có định hướng phù hợp với lời chỉ dẫn của cô giáo và đảm bảo cho việc lĩnh hội tri thức, kỹ năng một cách tốt hơn.

Vấn đề đặt ra là GV phải biết thiết kế TCHT, tổ chức TCHT cho trẻ một cách khoa học, phù hợp với mục tiêu, nội dung hình thành BTSL cho trẻ và phù hợp với khả năng của trẻ thì nó sẽ là một phương tiện hữu hiệu để hình thành BTSL cho trẻ có hiệu quả. Vì vậy, thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi là việc làm cần thiết.

Chương 2

THỰC TRẠNG THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 – 6 TUỔI

2.1. MỤC ĐÍCH KHẢO SÁT

Tìm hiểu thực trạng thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi của GVMN và mức độ hình thành BTSL của trẻ 5 – 6 tuổi. Dựa trên kết quả điều tra, đề xuất cách thiết kế và sử dụng một số TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi.

2.2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN KHẢO SÁT

- 20 GVMN đã và đang giảng dạy trẻ 5 - 6 tuổi ở một số trường mầm non Tỉnh Ninh Bình.

- 40 trẻ 5 - 6 tuổi ở trường MN Nam Thành, Thành phố Ninh Bình.

- Thời gian điều tra: từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2021.

2.3. NỘI DUNG KHẢO SÁT

- Nhận thức của giáo viên về việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi.

- Thực trạng việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi của GVMN.

- Mức độ hình thành BTSL của trẻ 5 - 6 tuổi.

2.4. CÁCH TIẾN HÀNH KHẢO SÁT

- *Bước 1:*

+ Phát phiếu khảo sát cho giáo viên (*Phụ lục 1*)

+ Dự giờ: Quan sát GV tổ chức một số giờ dạy làm quen với toán và hoạt động chiều có sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi.

+ Đàm thoại: Tiến hành đàm thoại, trao đổi ý kiến với GVMN và trò chuyện với trẻ 5 - 6 tuổi nhằm làm sáng tỏ và cụ thể hóa các nội dung điều tra, đồng thời xác định những nguyên nhân của thực trạng

+ Nghiên cứu sản phẩm: Nghiên cứu một số kế hoạch, giáo án tổ chức hoạt động làm quen với toán và hoạt động chiều có sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi

+ Khảo sát mức độ hình thành BTSL của trẻ 5 - 6 tuổi bằng hệ thống các bài tập đánh giá trẻ. (*phụ lục 2*)

- *Bước 2:* Xử lý kết quả khảo sát

- *Bước 3*: Nhận xét ưu điểm, hạn chế thực trạng và rút ra nguyên nhân

2.5. TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐÁNH GIÁ

Đề tài của chúng tôi có kế thừa tiêu chí và thang đánh giá của đề tài “*Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi*” của tác giả Đinh Thị Phương Dung làm công cụ để thực hiện cho đề tài của mình [8, tr.35-36].

2.5.1. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí 1: Xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng thẻ chữ số tương ứng

Tiêu chí 2: So sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi các số đã học. Biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng

Tiêu chí 3: Xác định mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

Tiêu chí 4: Tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau

Tiêu chí 5: Nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

2.5.2. Thang đánh giá

Tiêu chí 1: Xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng thẻ chữ số tương ứng

- Tìm trong bức tranh nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10, gọi tên, đếm và nối chữ số tương ứng (5 điểm)

- Tìm xung quanh lớp nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10, đếm và gắn thẻ số (3 điểm)

- Biết lấy đủ số lượng theo yêu cầu của cô, đếm và gắn thẻ chữ số (2 điểm)

Tiêu chí 2: So sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi 10. Biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng

- Nhận biết sự bằng nhau, không bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. Biết thêm, bớt 1 đơn vị nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa chúng trong phạm vi 10. (5 điểm)

- Nhận biết sự bằng nhau, không bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. Biết thêm, bớt 2 đơn vị nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa chúng trong phạm vi 10. (5 điểm)

Tiêu chí 3: Xác định mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

- Số lớn hơn, số nhỏ hơn (2 điểm)
- Số liền trước, số liền sau, số đứng trước, số đứng sau (4 điểm)
- Số thứ tự trong dãy số tự nhiên (tăng dần, giảm dần) (4 điểm)

Tiêu chí 4: Tách, gộp các nhóm đối tượng thành 2 phần bằng các cách khác nhau

- Trẻ biết tách (chia) số lượng của 1 nhóm đối tượng thành 2 phần theo ý thích, đếm số lượng mỗi phần, khái quát bằng chữ số tương ứng và gộp 2 nhóm đối tượng để có được kết quả ban đầu (4 điểm)

- Trẻ biết tách (chia) số lượng của 1 nhóm đối tượng thành 2 phần trong đó 1 phần có số lượng cho trước hoặc tương ứng với 1 chữ số cho đưa ra, trẻ xác định số lượng phần còn lại và tìm lấy thẻ chữ số tương ứng; gộp 2 nhóm đối tượng để có được kết quả ban đầu (5 điểm)

- Trẻ nắm được số cách tách/gộp và kết quả từng cách tách/gộp. (1 điểm)

Tiêu chí 5: Nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

- Nhận ra các con số ở xung quanh (3 điểm)
- Nhận ra ý nghĩa của con số trong cuộc sống chỉ số lượng, số thứ tự, số ký hiệu (4 điểm)
- Sử dụng con số trong một số tình huống cụ thể (3 điểm)

Mỗi tiêu chí được đánh giá theo 5 mức độ:

Rất cao: Trẻ đạt từ 8 - 10 điểm

Cao: Trẻ đạt từ 6,5 - < 8 điểm

TB: Trẻ đạt từ 5 - < 6,5 điểm

Thấp: Trẻ đạt từ 3,5 - < 5 điểm

Rất thấp: Trẻ đạt dưới < 3,5 điểm

Đánh giá mức độ hình thành BTSL của trẻ 5 - 6 tuổi qua 5 bài tập với tổng số điểm là 50 theo các mức độ sau:

Rất cao: Trẻ đạt từ 40 - 50 điểm	(tương ứng 8-10 điểm)
Cao: Trẻ đạt từ 32,5 - < 40 điểm	(tương ứng 6,5 - < 8 điểm)
TB: Trẻ đạt từ 25 - < 32,5 điểm	(tương ứng 5 - < 6,5 điểm)
Thấp: Trẻ đạt từ 17,5 - < 25 điểm	(tương ứng 3,5 - < 5 điểm)
Rất thấp: Trẻ đạt dưới < 17,5 điểm	(tương ứng < 3,5 điểm)

2.5.3. Cách đánh giá

- Xây dựng 5 bài tập đánh giá mức độ hình thành BTSL của trẻ 5 - 6 tuổi. Các bài tập xây dựng theo 5 tiêu chí đã đề ra

- Quan sát trẻ thực hiện bài tập kết hợp trò chuyện trao đổi với trẻ và cho điểm theo tiêu chí đã xác định.

2.5.4. Tổ chức đánh giá trẻ

- Chuẩn bị bàn, vị trí ngồi cho cô và trẻ (chọn nơi yên tĩnh, tránh những yếu tố khiến trẻ phân tán)

- Các bài tập đo được tiến hành với từng cá nhân trẻ. Người nghiên cứu đưa ra các yêu cầu để trẻ thực hiện. Trong lúc trẻ thực hiện yêu cầu, người đo ghi chép đầy đủ thông tin phản hồi hoặc kết quả thực hiện nhiệm vụ vào phiếu đánh giá trẻ.

2.6. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

2.6.1. Kết quả khảo sát giáo viên

2.6.1.1. Nhận thức của giáo viên về mức độ cần thiết của việc thiết kế trò chơi học tập hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi

Bảng 2.1. Mức độ cần thiết của việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi

Stt	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	19	95
2	Cần thiết	1	5
3	Không cần thiết	0	0

Kết quả ở bảng 2.1 cho thấy, đa phần các giáo viên đều nhận thức được mức độ cần thiết của việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi. Có đến 95% giáo viên cho rằng việc thiết kế và sử dụng TCHT là rất cần thiết, 5% giáo viên cho là cần thiết và không có giáo viên nào phủ nhận mức độ cần thiết của việc thiết kế và sử dụng TCHT. Điều đó chứng tỏ rằng, đa số giáo viên mầm non đã nhận thức đúng đắn được việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ MN.

Qua trao đổi đàm thoại với giáo viên Trường Mầm non Nam Thành họ cho rằng: “Để hình thành BTSL cho trẻ một cách hiệu quả nhất đó chính là thông qua TCHT. Thông qua các TC này trẻ có thể củng cố, hệ thống hóa được các kiến thức về số lượng như: đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả

năng, so sánh số lượng các nhóm đối tượng, nhận biết ý nghĩa các con số,... Vì thế, thiết kế và sử dụng hợp lí các TCHT để giúp trẻ phát triển BTSL là rất cần thiết”. Nghiên cứu giáo án giảng dạy của giáo viên chúng tôi nhận thấy giáo viên đã có ý thức soạn bài, chuẩn bị các phương tiện dạy học tuy nhiên trong giáo án soạn còn nhiều TCHT chưa hấp dẫn, còn sơ sài.

2.6.1.2. Nguyên tắc lựa chọn trò chơi và thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Bảng 2.2. Nguyên tắc lựa chọn trò chơi và thiết kế TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi

Stt	Các nguyên tắc	SL	Tỷ lệ (%)
1	Đảm bảo tính mục đích, phù hợp với chủ đề và nội dung bài dạy	15	75
2	Đảm bảo tính hấp dẫn (Nhiệm vụ chơi, đồ chơi,...)	15	75
3	Đảm bảo phù hợp với khả năng, trình độ nhận thức của trẻ	16	80
4	Đảm bảo phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tiễn của lớp học (Thời gian, không gian, phương tiện)	13	65

Kết quả bảng 2.2, đa số các giáo viên đều nhất trí cao với các nguyên tắc lựa chọn và thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL. Trong đó, nguyên tắc đảm bảo tính mục đích, phù hợp với chủ đề và nội dung bài dạy; đảm bảo tính hấp dẫn (nhiệm vụ chơi, đồ chơi,...) cũng được đánh giá cao chiếm 75%. Các TC được thiết kế và lựa chọn phải mới lạ nhưng vẫn giúp trẻ có thể củng cố kiến thức, nội dung bài học. Thiết kế TC phải đa dạng, phong phú nhằm tạo cho trẻ có nhiều cơ hội được thực hành, suy duy và sáng tạo. TC hấp dẫn kể cả nhiệm vụ chơi và đồ chơi sẽ góp phần kích thích hứng thú trẻ tham gia đến cuối buổi chơi.

Bên cạnh đó, họ đề cao nguyên tắc đảm bảo phù hợp với khả năng, trình độ nhận thức của trẻ chiếm 80%. Qua đàm thoại với giáo viên, họ cho rằng: Trong mọi hoạt động luôn lấy trẻ làm trung tâm, đặc biệt là TCHT giúp trẻ củng cố, ôn tập thì càng phải nêu cao khả năng của trẻ. Tùy thuộc khả năng của trẻ để thiết kế và sử dụng một cách hợp lí, không rập khuôn máy móc. Các TCHT phải hấp dẫn, thú vị, lôi cuốn trẻ tập trung chú ý. Hơn

nữa, TC phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện tham gia vào TC của trẻ, khiến trẻ phải vận dụng nhanh các kiến thức vốn có của mình để tham gia TC, giải quyết các nhiệm vụ nhận thức do cô giáo đề ra.

Việc lựa chọn và thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ không thể thiếu được nguyên tắc đảm bảo phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tiễn của lớp học (thời gian, không gian, phương tiện) chiếm 65%. Thời gian đủ để tất cả các trẻ được tham gia chơi, được thực hành, được vận dụng những kiến thức của mình để giải quyết các nhiệm vụ chơi. Không gian an toàn, rộng rãi, sạch sẽ để tạo cho trẻ sự yên tâm, thoải mái, bộc lộ hết khả năng của mình. Phương tiện cũng là điều kiện cần và đủ để hỗ trợ cho trẻ trong suốt quá trình chơi.

Có thể nói, giáo viên đã chưa nhận thức đầy đủ về các nguyên tắc cần có trong thiết kế TCHT cho trẻ. Chính vì vậy, GV cần phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc trên thì việc thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi mới đạt được hiệu quả.

2.6.1.3. Ưu thế của trò chơi học tập đối với việc hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Bảng 2.3. Đánh giá của GV về ưu thế của TCHT đối với việc nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi

Stt	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ(%)
1	Củng cố tri thức	20	100
2	Làm chính xác tri thức	10	50
3	Cung cấp tri thức mới	2	10
4	Hệ thống hóa, khái quát hóa tri thức	20	100
5	Mở rộng tri thức	20	100

Dựa vào bảng trên, 100% giáo viên cho rằng TCHT có vai trò củng cố tri thức, hệ thống hóa, khái quát hóa tri thức, mở rộng tri thức. 50% số ý kiến đánh giá TCHT giúp làm chính xác tri thức; 10% lại đánh giá là cung cấp kiến thức mới.

Đa số giáo viên đã nhận ra được ưu thế của TCHT có tầm ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của trẻ. Trò chuyện với giáo viên Chu Thị A – Trường Mầm non Ninh Sơn, cô nói: “Bản thân tôi nhận thấy TCHT không chỉ mang tính chất giải trí, vui chơi mà nó còn là phương tiện giúp trẻ củng

có lượng kiến thức mà trẻ đã học. Điều quan trọng nhờ TCHT mà trẻ giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ học”.

Khi giáo viên nhận thức đúng được ưu thế của TCHT thì việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ sẽ dễ dàng và phù hợp với trẻ hơn.

2.6.1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Bảng 2.4. Đánh giá của GV về những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi

Stt	Các yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ(%)
1	Mục đích sử dụng trò chơi	20	100
2	Nội dung được phản ánh trong trò chơi	20	100
3	Phương tiện, tài liệu trực quan	20	100
4	Nhu cầu, hứng thú của trẻ	20	100
5	Không gian tổ chức trò chơi	20	100
6	Cách thiết kế và sử dụng trò chơi của GV	20	100

Kết quả trên cho thấy: 100% giáo viên đã nhận ra các ưu thế có ảnh hưởng đến hiệu quả thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi.

Tuy nhiên trong quá trình họ thực hiện từ khâu soạn bài đến khâu tổ chức TCHT thì họ chưa quan tâm đến hết các yếu tố đó dẫn đến hiệu quả việc hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi còn hạn chế nhất định hoặc cũng do yếu tố khách quan như không gian tổ chức trò chơi của lớp họ.

Chúng tôi nhận thấy rằng tất cả các yếu tố đều rất quan trọng, nếu thiếu đi một trong những yếu tố này sẽ ảnh hưởng phần nào đến thiết kế cũng như ảnh hưởng đến quá trình sử dụng TCHT. Tuy nhiên, trong quá trình thiết kế và sử dụng thì giáo viên cần phải linh hoạt tùy vào từng điều kiện cụ thể để đem lại hiệu quả hình thành BTSL như mong đợi.

2.6.1.5. Đánh giá của giáo viên về trình tự các bước thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy GV lựa chọn trình tự các bước thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi như sau:

75% GV lựa chọn cách: Tên trò chơi, mục đích, chuẩn bị, cách chơi, luật chơi; 15% GV lựa chọn cách: tên TC, mục đích, chuẩn bị, luật chơi, cách chơi; 5% GV lựa chọn cách tên TC, chuẩn bị, mục đích, cách chơi, luật chơi; 5% GV lại lựa chọn cách: mục đích, chuẩn bị, cách chơi, luật chơi, tên TC.

Qua nghiên cứu bài soạn thì chúng tôi thấy đa số GV đủ các bước trong thiết kế TCHT, tuy nhiên họ đã bỏ qua bước cách chơi, có bước luật chơi nhưng họ thường nhầm lẫn trong cách chơi có cả luật chơi.

Từ kết quả khảo sát này cho chúng ta thấy còn số ít GV vẫn còn nhầm lẫn các bước thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi (15% chọn, 5% chọn các bước thiết kế trên). Chính vì vậy, trường MN cần có những buổi tập huấn để GV nắm chắc các bước trong thiết kế TCHT.

2.6.1.6. Đánh giá của giáo viên về nội dung hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Bảng 2.5. Nội dung hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi

Stt	Nội dung	Mức độ		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ	
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	20	100	0	0	0	0	0	0
2	So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10	20	100	0	0	0	0	0	0
3	Nhận biết mối quan hệ số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10	20	100	0	0	0	0	0	0
4	Nhận biết các con số chỉ số lượng và con số chỉ thứ tự trong phạm vi 10	18	90	2	10	0	0	0	0
5	Nhận biết được mối quan hệ giữa hai số tự nhiên, quan hệ về vị trí giữa hai số tự nhiên	10	50	4	20	6	30	0	0
6	Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	20	100	0	0	0	0	0	0
7	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...)	0	0	0	0	0	0	0	0

Bảng 2.5 cho thấy, 100% giáo viên được điều tra có dạy các nội dung hình thành BTSL cho trẻ gồm: Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10, nhận biết mối

quan hệ số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10, gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.

Qua nghiên cứu giáo án của GV, chúng tôi thấy các nội dung trên được GV dạy trong các tiết: Dạy trẻ đếm để nhận biết số lượng, nắm nguyên tắc lập số mới và chữ số với các đề tài “Đếm đến 6, nhận biết nhóm có 6 đối tượng, nhận biết chữ số 6 hoặc 7...”; nhận biết mối quan hệ hơn kém của đối tượng với đề tài “Nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm 7 hoặc 8...; tách gộp 1 nhóm thành 2 phần bằng các cách khác nhau với đề tài: Tách, gộp nhóm có 8 đối tượng thành 2 phần bằng cách khác nhau...”.

Tuy nhiên, chúng tôi thấy GV đã dạy trẻ nội dung nhận biết mối quan hệ hơn kém của đối tượng, nhưng trong giáo án và qua việc quan sát giờ dạy, chúng tôi thấy còn ít GV quan tâm nội dung dạy trẻ nhận biết được mối quan về vị trí giữa hai số tự nhiên, có GV còn bỏ luôn nội dung này không dạy trẻ hoặc GV chưa chính xác hóa kết quả và khái quát hóa kết quả để nêu lên mối quan hệ: nhóm nào có số lượng nhiều hơn biểu thị bằng số lớn hơn, nhóm nào có số lượng ít hơn biểu thị bằng số nhỏ hơn. Số lớn hơn đứng phía sau, số nhỏ hơn đứng phía trước. Với nội dung nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...) không có giáo viên nào đưa vào tiết dạy làm quen với toán. Qua trao đổi thì thấy 1 vài GV có dạy tích hợp nội dung này ở các hoạt động khác.

Việc dạy chưa đầy đủ nội dung này dẫn đến việc khi tổ chức hoạt động LQVT nhằm hình thành BTSL cho trẻ bị thiếu ảnh hưởng phần nào đến việc phát triển nhận thức cho trẻ.

2.6.1.7. Đánh giá của giáo viên về việc hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi thông qua các trò chơi

Bảng 2.6. Mức độ sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi

Stt	Trò chơi	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trò chơi học tập	20	100
2	Trò chơi đóng kịch	0	0
3	Trò chơi vận động	6	30
4	Trò chơi dân gian	9	45
5	Trò chơi đóng vai theo chủ đề	0	0
6	Trò chơi xây dựng, lắp ghép	7	35
7	Trò chơi sử dụng phương tiện công nghệ...	6	30

Kết quả trên cho thấy, việc hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi thông qua các trò chơi không giống nhau.

Trong các loại trò chơi thì TCHT chiếm ưu thế 100% GV đã và đang sử dụng để nhằm hình thành BTSL cho trẻ. Trò chuyện với GV, họ cho rằng TCHT là phương tiện hữu ích và đem lại hiệu quả cao trong quá trình dạy học. TCHT luôn mang tính chất vui chơi, tạo cảm giác thoải mái, không áp lực vì thế rất thu hút được sự chú ý từ trẻ, TCHT không chỉ củng cố kiến thức đã học mà còn giúp trẻ tìm tòi, khám phá được nhiều tri thức mới.

Trò chơi dân gian chiếm 45% ở trò chơi này giáo viên cũng khá dễ dàng trong việc hình thành BTSL về đếm, tách/gộp, thêm bớt trong phạm vi 10. Đối với trò chơi xây dựng, lắp ghép chiếm 35% trẻ có thể có thêm hiểu biết về số lượng thông qua các trò chơi xếp khối hộp, nối ghép đoàn tàu,...

Được lựa chọn ít hơn so với các TC trên đó là trò chơi vận động và trò chơi sử dụng công nghệ thông tin chiếm 30%.

Trò chơi đóng kịch và trò chơi đóng vai theo chủ đề không được GV nào lựa chọn. Vì họ nghĩ rất khó thực hiện nội dung hình thành BTSL; ngoài ra họ chưa có những tài liệu tham khảo.

Qua đây, chúng thấy GV đã quan tâm việc sử dụng TCHT hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi.

2.6.1.8. Việc sử dụng các nguồn trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi

Bảng 2.7. Các nguồn tài liệu được sử dụng

Stt	Nguồn tài liệu	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề	20	100
2	Sưu tầm từ nguồn Internet	15	75
3	Kinh nghiệm của đồng nghiệp	11	55
4	Tự thiết kế	10	50

Từ kết quả trên cho thấy, giáo viên đã thiết kế và sử dụng TCHT từ rất nhiều nguồn khác nhau để hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi. Trong đó, 100% lấy từ tài liệu tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề; 75% giáo viên sưu tầm từ nguồn Internet; 55% học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp và 50% còn lại giáo viên tự thiết kế.

Khi trò chuyện, một số giáo viên cho hay: Họ thường tham khảo các TCHT trong quyển tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề đây là điều kiện thuận lợi cho GV khi tham khảo ở tài liệu này, nhưng cũng là khó khăn vì trò chơi ít quá, chưa phong phú. Suu tầm TCHT từ nguồn Internet tuy có nhưng không được kiểm duyệt nên có khi họ sử dụng dạy cho trẻ chưa đạt kết quả, tuy nhiên cũng giáo viên họ đã điều chỉnh cho phù hợp với trẻ của lớp mình, phù hợp với nội dung bài dạy nhưng số này không nhiều, hoặc có 1 số giáo viên không biết khai thác công nghệ thông tin, nhà không có máy tính...

Qua nghiên cứu kế hoạch bài soạn, chúng tôi thấy có GV còn nhầm lẫn giữa cách chơi và luật chơi, nội dung trò chơi còn nghèo nàn chưa mang tính sáng tạo, chưa hấp dẫn trẻ.

Điều này chứng tỏ rằng cần có một hệ thống TCHT phù hợp để cho giáo viên có thể lựa chọn và sử dụng hợp lí trong các hoạt động. Hơn nữa, có thể mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên cách thức thiết kế và sử dụng TCHT để họ có thể linh hoạt trong chương trình dạy trẻ và đem lại hiệu quả giáo dục. Đây cũng là cơ hội để cho giáo viên mầm non phát huy được khả năng tư duy và sáng tạo của chính mình.

2.6.1.9. Những khó khăn khi thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Bảng 2.8. Đánh giá của GV về những khó khăn thường gặp trong quá trình thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi

Stt	Những khó khăn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng trẻ quá đông	16	80
2	Số lượng trò chơi có sẵn ít	8	40
3	Không gian chơi chật hẹp	5	25
4	Thiếu đồ dùng, đồ chơi cho trẻ hoạt động	10	50
5	Thiếu nguồn tài liệu hướng dẫn hình thành BTSL qua TCHT cho trẻ 5 – 6 tuổi	9	45

Khó khăn lớn nhất mà giáo viên đang gặp phải là số lượng trẻ quá đông chiếm 80%, điều này làm cho hiệu quả giáo dục thông qua trò chơi bị hạn chế. Do số lượng phòng học ít, thiếu GV nên một lớp chỉ có hai cô và số trẻ quá đông dẫn đến quá trình tổ chức các cô không thể bao quát kĩ cả lớp.

Khi trẻ chơi TC thì một trẻ sẽ không thể chơi được nhiều lần để củng cố kiến thức.

Bên cạnh khó khăn trên thì GV gặp một khó khăn điển hình đó là thiếu đồ dùng, đồ chơi cho trẻ hoạt động. Trong các TC thì đồ dùng, đồ chơi rất cần thiết vì khi thiếu nó thì TC sẽ không đem lại hiệu quả. Những đồ dùng, đồ chơi này phải phù hợp với từng chủ đề, nội dung bài dạy. Để làm được điều này giáo viên cần phải thực sự đầu tư cả về thời gian và công sức thậm chí cả về kinh phí để có được hiệu quả như mong đợi. Do vậy, chúng ta dễ dàng nhìn thấy đầy đủ đồ dùng, đồ chơi chỉ có ở các tiết dạy mẫu, thao giảng hay thi GV giỏi chứ không bắt nguồn từ mục đích củng cố kiến thức, hệ thống hóa, khái quát hóa kiến thức cho trẻ. Cô Nguyễn Thị Kim C – Trường MN Đông Thành nói: “Số lượng đồ dùng, đồ chơi chỉ đa dạng, hấp dẫn khi kiểm tra, dự giờ và những đồ dùng, đồ chơi khi đó cũng là mượn của nhiều lớp gộp lại mới có đủ được.” Cô còn chia sẻ thêm: “Do công việc quá bận nên để làm đồ chơi đa dạng, hấp dẫn phù hợp từng chủ đề, nội dung bài dạy, năng lực của trẻ là rất ít.” Qua quan sát các tiết dạy, các GV đã thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ nhưng đồ chơi còn đơn giản, chưa đa dạng, hấp dẫn đối với trẻ nên quá trình tham gia của trẻ hời hợt, không tích cực.

Ngoài ra, chúng ta thấy được khó khăn mà không ít giáo viên gặp phải đó là thiếu nguồn tài liệu hướng dẫn hình thành BTSL qua TCHT cho trẻ 5 – 6 tuổi (45%) và số lượng TC có sẵn ít (40%) điều này làm hạn chế khả năng thiết kế các TC của giáo viên. Chính vì thiếu nguồn tài liệu hướng dẫn nên giáo viên chưa biết cách thiết kế sao cho phù hợp, đúng nguyên tắc dẫn đến việc tổ chức không hiệu quả. Giáo viên không có nguồn TCHT nhằm hình thành BTSL có sẵn nên họ chưa có TC để tham khảo, học hỏi. Nên TCHT mà giáo viên tổ chức còn đơn giản và chưa hình thành BTSL cho trẻ. Chính vì vậy, tài liệu tham khảo rất cần thiết, nó giúp giáo viên biết cách thiết kế và sử dụng phù hợp để có thể củng cố BTSL cho trẻ.

Bên cạnh đó, những khó khăn sau cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tổ chức: Không gian chơi chật hẹp (25%); Thiếu đồ dùng, đồ chơi cho trẻ hoạt động (50%). Khi tổ chức TCHT thì không thể không nhắc đến không gian chơi và không gian chơi chật hẹp cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức TC. Với số lượng trẻ đông, nhiều đồ dùng, đồ chơi mà không

gian chật hẹp cũng là một thách thức đối với giáo viên. TC có hấp dẫn, đồ chơi có đa dạng mà không gian chật hẹp thì cũng không đạt được hiệu quả cao được.

Có thể nói, tất cả những nguyên nhân mà giáo viên gặp phải đều có thể khắc phục. Nếu như giáo viên được đầu tư đầy đủ về đồ dùng, đồ chơi, tài liệu hướng dẫn hình thành BTSL thì sẽ cải thiện được việc thiết kế và sử dụng TCHT hợp lí, khoa học và đạt hiệu quả hơn. Đồng thời, giáo viên cần có những biện pháp giáo dục phù hợp, biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo nhiều hình thức dạy học mới lạ để nâng cao trình độ.

2.6.1.10. Kinh nghiệm của giáo viên trong việc thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi

Nhìn chung, giáo viên đều nhận thức và đánh giá cao việc sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi. Đa phần giáo viên hiểu được để thiết kế được TC hấp dẫn với trẻ thì cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Trước hết, GV cần nắm bắt được đặc điểm tâm lí của trẻ để có thể thiết kế TC phù hợp với khả năng của trẻ và nội dung bài học. Nhằm thu hút lôi cuốn trẻ tham gia trò chơi có hiệu quả thì đồ dùng đồ chơi đa dạng, phong phú, hấp dẫn và mới lạ từ tên trò chơi, cách chơi và luật chơi. Ngoài ra, GV nêu cao việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc gây hứng thú với trẻ, thường xuyên nghiên cứu tham khảo từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau. Cùng với đó, họ phải sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp khác nhau, không gian, địa điểm chơi phù hợp. Phương pháp cũng là một yếu tố quan trọng, GV phải kết hợp nhiều phương pháp không chỉ trong quá trình thiết kế mà còn cả trong khi nêu cách chơi cho trẻ ví dụ như kết hợp phương pháp thực hành, phương pháp dùng lời và phương pháp đánh giá nêu gương,... Việc lựa chọn địa điểm, không gian vô cùng cần thiết, nếu lựa chọn được nơi rộng rãi, sạch sẽ và an toàn thì đem lại hiệu quả cao hơn khi tổ chức chơi TCHT. Để có được hiệu quả giáo dục như mong đợi thì GV cần học hỏi kinh nghiệm ngay từ chính đồng nghiệp của mình.

Thông qua các TCHT, GV giúp trẻ được ôn tập kiến thức cũ, củng cố kiến thức mới, khái quát hóa hệ thống kiến thức; từ đó nhận thức của trẻ cũng được nâng cao, tư duy của trẻ được phát triển một cách toàn diện. Để làm được điều này thì GV phải tổ chức TCHT trình tự theo các bước và đúng nguyên tắc.

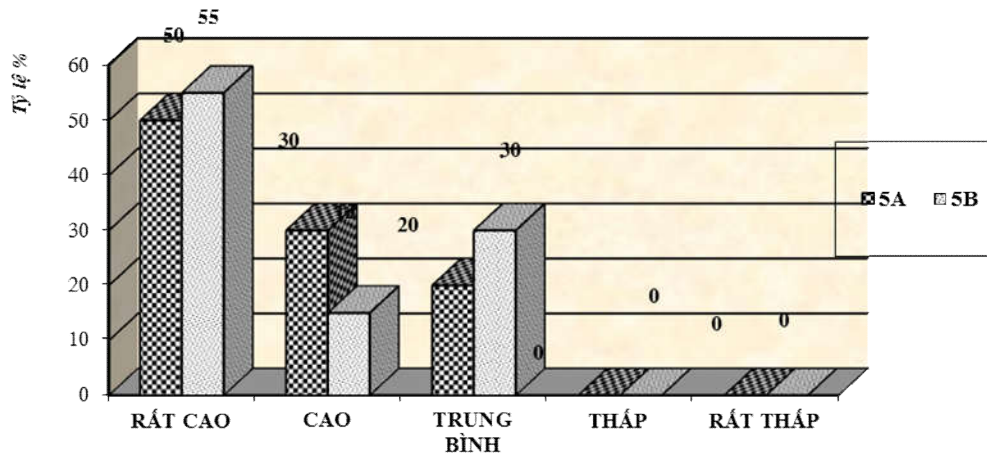
2.6.2. Kết quả khảo sát trẻ

2.6.2.1. Đánh giá theo mức độ của từng tiêu chí

a) Xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng chữ số tương ứng

Bảng 2.9. Xác định số lượng các nhóm đối tượng

Mức độ Lớp	Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{X}
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
5A	10	50	6	30	4	20	0	0	0	0	7,90
5B	11	55	3	15	6	30	0	0	0	0	7,80



Biểu đồ 2.1. Xác định số lượng các nhóm đối tượng

Ở tiêu chí 1, đánh giá khả năng xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học. Chúng tôi đưa ra các dạng bài tập: đầu tiên cho trẻ gọi tên và đếm số lượng từng loại quả; khoanh tròn nhóm quả và nối với chữ số tương ứng. Sau đó, cho trẻ tìm xung quanh lớp nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi số đã học, đếm và gắn thẻ số. Cuối cùng, trẻ lấy đủ số lượng theo yêu cầu của cô, đếm và gắn thẻ số tương ứng.

Dựa vào kết quả bảng 2.9 và biểu đồ 2.1 thấy được: Điểm TBC của bài tập 1 của lớp 5A $\bar{X} = 7,90$ điểm; lớp 5B $\bar{X} = 7,8$ điểm; giữa hai nhóm lớp 5A và 5B nhìn chung không có trẻ nào xếp ở mức độ thấp, rất thấp. Hai lớp có số trẻ đạt mức độ rất cao chiếm tỉ lệ cao nhất so với các mức độ còn lại: lớp 5A chiếm 50% và 5B chiếm 55%, trẻ đạt ở mức cao có sự chênh lệch nhau lớp 5A (35%), lớp 5B (15%). Số trẻ còn lại đạt ở mức độ trung bình cũng có sự khác nhau giữa hai lớp: lớp 5A chiếm 20%, lớp 5B chiếm 25%.

Trong quá trình điều tra tại trường MN Nam Thành, chúng tôi nhận thấy:

Mức độ rất cao

Những trẻ đạt mức rất cao lớp 5A có 10 trẻ chiếm 50%, lớp 5B có 11 trẻ chiếm 55%, những trẻ ở mức độ này có khả năng thực hiện tốt bài tập ở cả 3 chỉ báo: Gọi tên và đếm số lượng từng loại quả; khoanh tròn nhóm quả và nối với chữ số tương ứng; tìm xung quanh lớp nhóm có số lượng trong phạm vi số đã học, đếm và gắn thẻ số; lấy đủ số lượng theo yêu cầu và gắn thẻ số. Như cháu Hoàng Minh T đạt điểm tối đa bài tập này. Tuy nhiên, một số trẻ chưa đạt điểm tối đa (8 - 9.5 điểm) do đã đếm chính xác số lượng từng loại quả nhưng lại nối với chữ số tương ứng sai như cháu Trần Diệu A, Phí Thảo D,... đã nối nhóm có 9 quả khế với chữ số 10... Khi tìm xung quanh lớp đĩa có 9 quả hồng cháu Vũ Tuệ L, Phạm Tuấn T còn đếm nhầm thành 10 quả do xung quanh lớp có nhiều đĩa quả khác nhau làm ảnh hưởng đến việc quan sát của trẻ.

Mức độ cao

Bên cạnh đó, trẻ đạt mức độ cao ở lớp 5A nhiều hơn lớp 5B là 3 trẻ. Điểm trung bình các trẻ đạt mức cao cả 2 lớp từ 7 - 7.0 điểm. Nhìn chung ở 2 lớp vẫn có trẻ trong quá trình đếm còn nhầm dẫn đến nối nhóm quả với chữ số tương ứng chưa chính xác. Một vài trẻ khi cô yêu cầu thực hiện tìm xung quanh lớp nhóm quả có số lượng là 9, đếm và gắn thẻ số thì cháu Cao Lan P còn chậm hiểu, loay hoay mãi rồi mới tìm đúng nhóm quả theo yêu cầu của cô. Ban đầu, cháu không chỉ ra được đĩa quả hồng có 9 quả, cho đến khi cô dẫn đến bàn có bày đĩa 8 quả cam, 6 quả na, 9 quả hồng cô nói: “Con nhìn kĩ xem trên bàn này đĩa quả nào có 9 quả?” thì trẻ này mới bắt đầu đếm từng đĩa và chỉ ra đĩa quả hồng có 9 quả và gắn thẻ số 9.

Mức độ trung bình

Cả hai lớp có trẻ đạt mức trung bình tương đối cao, có 10 trẻ đạt ở mức này, trong đó 5A có 4 trẻ và 5B có 6 trẻ. Điểm trung bình trẻ đạt ở mức độ này từ 5.5 - 6.0 điểm. Phần lớn những trẻ này đều không đạt điểm tối đa ở câu hỏi khoanh tròn nhóm quả và nối với chữ số tương ứng. Ngoài ra, trẻ gặp khó khăn trong việc tìm các nhóm quả rồi gắn thẻ số tương ứng. Điển hình như cháu Lê Quỳnh C (5B) khi cô nói: “*Con hãy tìm xung quanh lớp học xem đĩa quả nào có 9 quả?*” thì cháu không chỉ ra được đĩa quả nào có số lượng là 9 nên không gắn đúng thẻ số. Hay một vài cháu ngơ ngác khi cô

yêu cầu lấy đủ số lượng theo yêu cầu của cô và gắn thẻ số. Ví dụ cháu Đàm Thanh S (5A) khi thực hiện lấy hết số quả bưởi xếp thành một hàng ngang trước mặt xếp theo chiều từ trái sang phải, đếm và gắn thẻ số thì cháu xếp không theo hàng dẫn đến việc đếm bị nhầm và không biết đặt thẻ số ở chỗ nào. Mặc dù cô đã nhấn mạnh là xếp một hàng ngang nhưng cháu vẫn lúng túng không biết sắp xếp như thế nào cho đúng. Ngoài ra, một số trẻ đã đếm đúng số lượng nhóm quả nhưng lại gắn không đúng với chữ số tương ứng.

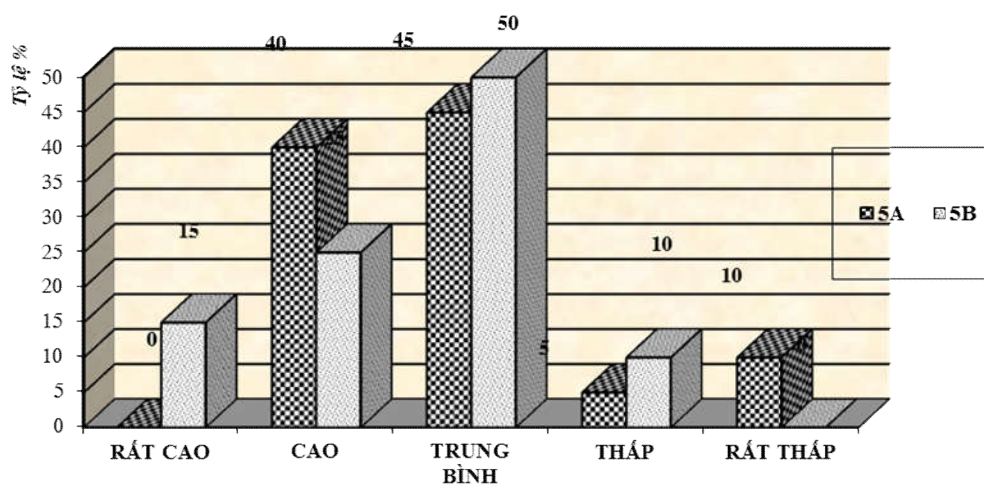
Mức độ thấp và rất thấp: không có trẻ nào đạt mức độ thấp và rất thấp.

Nhìn chung, đa số trẻ đã có khả năng đếm chính xác số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, nhận biết chữ số, biết khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng chữ số tương ứng, còn một số ít trẻ có nhận thức chậm hơn nên khi thực hiện các bài tập còn làm sai.

b) Đánh giá khả năng so sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi các số đã học. Biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng

Bảng 2.10. So sánh số lượng các nhóm đối tượng

Lớp	Mức độ		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{X}
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
5A	0	0	8	40	9	45	1	5	2	10		6,08	
5B	3	15	5	25	10	50	2	10	0	0		6,41	



Biểu đồ 2.2. So sánh số lượng các nhóm đối tượng

Để đánh giá khả năng so sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi các số đã học; khả năng biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng cho trẻ 5 - 6 tuổi. Chúng tôi đã tiến hành cho trẻ thực hiện bài tập với các câu hỏi: Đầu tiên cho trẻ quan sát hai nhóm quả bưởi và quả xoài để trẻ nhận xét, so sánh số lượng quả ở hai nhóm (nhiều hơn, ít hơn) trong phạm vi hơn kém nhau 1 đơn vị, hơn kém nhau 2 đơn vị. Sau đó, trẻ sẽ quan sát bức tranh khoanh tròn các nhóm quả có cùng số lượng và nối với chữ số tương ứng; tô màu xanh (đỏ) các nhóm quả có số lượng nhiều nhất (ít nhất) và nối với chữ số tương ứng. Cuối cùng, trẻ sẽ tìm các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi các số đã học và thêm hoặc bớt số lượng các đối tượng theo yêu cầu của cô.

Dựa vào kết quả của bảng 2.10 và biểu đồ 2.2, chúng tôi đánh giá khả năng so sánh số lượng các nhóm đối tượng của trẻ đạt ở mức độ trung bình lớp 5A $\bar{X} = 6,08$ điểm, lớp 5B $\bar{X} = 6,41$ điểm. Có 3 trẻ lớp 5B chiếm 15% đạt mức độ rất cao và không có trẻ nào lớp 5A đạt ở mức độ này. Ở mức độ cao, có sự chênh lệch khá nhiều giữa 2 lớp cụ thể lớp 5A (40%), lớp 5B (25%). Cả 2 lớp đều có số trẻ đạt ở mức độ trung bình rất cao: lớp 5A chiếm 45%, 5B chiếm 50%. Đối với mức độ thấp, 2 lớp chênh lệch ít 5A chiếm 5% và 5B chiếm 10%, còn mức độ rất thấp chỉ có lớp 5A chiếm 10% và lớp 5B không có trẻ nào đạt điểm ở mức độ này.

Mức độ rất cao

Trong quá trình điều tra, có 3 cháu đạt mức độ rất cao (8.5 - 9.3 điểm) chiếm 15% ở lớp 5B đó là cháu Lê Vũ Anh T, Trần Lê Thảo N và Bùi Phương A. Những trẻ này thực hiện rất tốt các yêu cầu ở bài tập 2. Tuy nhiên, cháu Trần Lê Thảo N và Bùi Phương A không trả lời được câu hỏi “*Vì sao con biết*” ở câu hỏi 2. Cháu Lê Vũ Anh T thay vì trả lời là “Nhiều hơn 1(2) quả, ít hơn 1(2) quả” thì cháu lại trả lời “nhiều hơn là 9, ít hơn là 8(7)”; ngoài ra, cháu không bớt được số lượng nhóm đồ dùng đồ chơi để có được kết quả là 8. Nên các trẻ này không được điểm tối đa ở bài tập này.

Mức độ cao

Có 8 trẻ lớp 5A và 5 trẻ lớp 5B đạt ở mức độ cao (6.63 - 7.87 điểm). Nhìn chung, trẻ đều biết nhận xét hai nhóm đối tượng, biết nhóm nào nhiều hơn, nhiều hơn là mấy, nhóm nào ít hơn, ít hơn là mấy, tìm đúng các nhóm

có số lượng cô yêu cầu, biết thêm/bớt theo yêu cầu của cô. Còn với câu hỏi “*Nhóm nào nhiều hơn, nhiều hơn là mấy? Vì sao con biết?*”; “*Nhóm nào ít hơn, ít hơn hơn là mấy? Vì sao con biết?*” thì phần lớn trẻ không trả lời được câu hỏi “*Vì sao con biết?*”. Như cháu Lê Tiến T (5B) có trả lời: “*Vì con đếm nên con biết nhóm nào nhiều hơn, nhóm nào ít hơn*”; hay cháu Vũ Lan K “*Vì nhóm quả bưởi nhiều hơn nhóm quả xoài*”. Trẻ đã có suy luận để trả lời tuy nhiên những câu trả lời đó vẫn chưa chính xác. Bên cạnh đó, một số trẻ mới nêu được một cách là thêm hoặc bớt số lượng nhóm đồ dùng, đồ chơi để có được kết quả là 9 (8). Hay một số trẻ còn đếm cầu thả, vội vàng nên đếm nhầm số lượng quả hoặc nói nhầm nhóm quả với số lượng tương ứng như cháu Trần Quang M, Lê Tiến T, Nguyễn Hà A,... Đồng thời, trong quá trình nghe cô hỏi có vài trẻ không tập trung nghe nên không biết cô giáo yêu cầu tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng, đồ chơi có số lượng là mấy vì thế trẻ không thực hiện được ở câu hỏi này.

Mức độ trung bình

Bên cạnh đó, các trẻ đạt ở mức độ trung bình (5.3 – 6.438 điểm) chiếm tỉ lệ cao nhất so với các mức độ còn lại. Trẻ trả lời tốt câu hỏi “*nhóm nào nhiều hơn/ít hơn*”. Nhưng những trẻ đó lại ngập ngừng khi trả lời các câu hỏi “*nhiều hơn/ít hơn là mấy*” điển hình như cháu Lê Việt A (5A) và Nguyễn Ngọc N (5A) đều trả lời: “*nhiều hơn là 9, ít hơn là 8*” và trẻ không trả lời được câu “*Vì sao con biết*”. Một vài trẻ không so sánh được số lượng của 2 nhóm quả bưởi và quả xoài là không bằng nhau, khi được hỏi cháu Nguyễn Thế N có trả lời “*Hai nhóm quả này khác nhau*”. Một số trẻ ở mức độ này do không hiểu câu hỏi nên trẻ cũng không thực hiện được yêu cầu của cô: “*Con hãy quan sát nhóm đồ dùng, đồ chơi. Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 9 (8) và 9 (7)*”. Không thể không nhắc tới việc trẻ không tập trung như trẻ ở mức độ cao nên vài trẻ đã bị mất điểm khi tìm các nhóm đồ dùng, đồ chơi có số lượng nhiều hơn 8 là 1, ít hơn 9 là 1.

Mức độ thấp

Lớp 5A có 1 trẻ đạt điểm mức độ thấp (4.25 điểm) chiếm 5% và lớp 5B có 2 trẻ đạt điểm mức độ thấp (4.5 - 4.9 điểm) chiếm 10%. Đối với trẻ đạt ở mức độ thấp cũng gặp khó khăn khi trả lời giống như trẻ đạt mức độ rất cao, cao và trung bình. Ngoài ra, còn một khó khăn trẻ ở mức độ này mắc phải đó là khả năng tìm các nhóm đồ vật có số lượng đã học xung quanh lớp.

Vì khả năng bao quát và đếm nhầm của trẻ còn kém nên khi được hỏi “*Con hãy tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng, đồ chơi có số số lượng nhiều hơn 8 là 1*” “*Con hãy tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng, đồ chơi có số số lượng ít hơn 9 là 1*” hoặc *nhiều hơn 7 là 2, ít hơn 9 là 2*” thì trẻ không tìm được hoặc tìm không chính xác nhóm mà cô yêu cầu.

Mức độ rất thấp

Lớp 5A có 2 trẻ đạt điểm mức độ rất thấp (2.75 - 3.38 điểm) chiếm 10% và lớp 5B không có trẻ nào đạt điểm ở mức độ này.

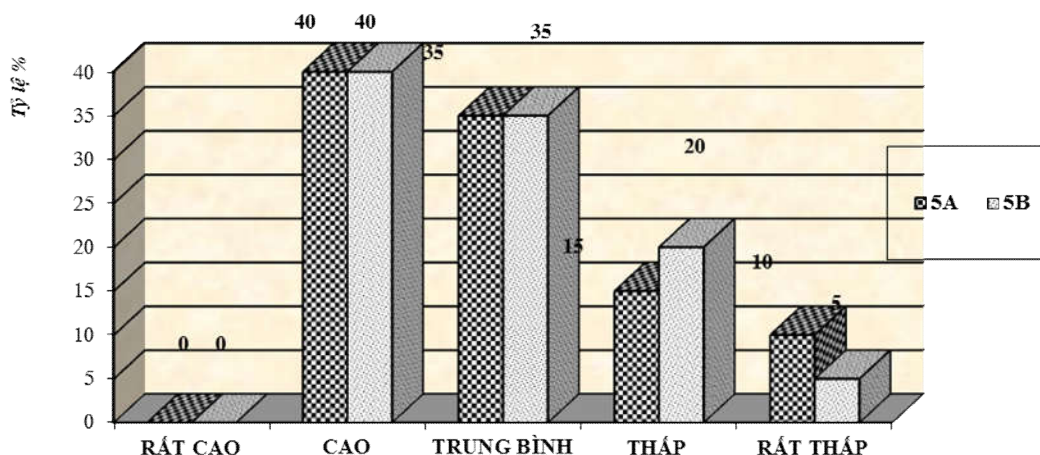
Trẻ đạt ở mức độ rất thấp cũng lúng túng ở các câu hỏi như trẻ ở các mức độ trên và trẻ này còn chưa hiểu được yêu cầu của cô khi cô hỏi “*Con hãy quan sát nhóm đồ dùng, đồ chơi. Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 9 hoặc 8*”; “*Con hãy quan sát nhóm đồ dùng, đồ chơi. Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 9 hoặc 7*” điển hình là cháu Trần Phương N (5A) và Phạm Lan C (5A). Ngoài ra, do một vài trẻ không hiểu rõ câu hỏi nên khi cô yêu cầu: “*Khoanh tròn các nhóm quả có cùng số lượng và nối với chữ số tương ứng*” thì nhiều trẻ không đạt được điểm tối đa ở câu hỏi này. Số đông trẻ không tìm được nhóm đồ dùng, đồ chơi xung quanh lớp theo yêu cầu của cô.

Có thể nói, đa phần trẻ đều có thể trả lời được các câu hỏi ở mức độ đơn giản, còn các câu hỏi đòi hỏi phải liên hệ, tư duy thì trẻ không trả lời được vì trẻ chưa hiểu được yêu cầu của câu hỏi.

c) Nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

Bảng 2.11. Nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề qui luật hình thành dãy số tự nhiên

Lớp \ Mức độ	Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{X}
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
5A	0	0	8	40	7	35	3	15	2	10	5,53
5B	0	0	8	40	7	35	4	20	1	5	5,59



**Biểu đồ 2.3. Nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề
qui luật hình thành dãy số tự nhiên**

Đối với tiêu chí đánh giá khả năng nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề qui luật hình thành dãy số tự nhiên, chúng tôi đưa ra các câu hỏi trong bài tập 3:

- Cho trẻ quan sát bức tranh, yêu cầu trẻ:

+ Đếm số quả na (quả dưa) gắn thẻ số tương ứng. Nhóm quả nào nhiều hơn, nhóm quả nào ít hơn?

+ 9 quả dưa nhiều hơn 8 quả na. Vậy số 9 và số 8 số nào lớn hơn? Số nào nhỏ hơn? Vì sao con biết?

- Cô sẽ phát cho trẻ thẻ số từ 1 đến 10 và yêu cầu trẻ xác định các số liền trước, liền sau, đứng trước, đứng sau từ một số cô cho trước

- Yêu cầu trẻ gắn các số còn thiếu vào dãy số và sắp xếp các số theo thứ tự tăng dần và giảm dần.

Dựa vào kết quả bảng 2.11 và biểu đồ 2.3: chúng tôi đánh giá khả năng Nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên của trẻ đạt ở mức độ trung bình lớp 5A $\bar{X} = 5,53$ điểm, lớp 5B $\bar{X} = 5,59$ điểm, không có trẻ nào đạt mức độ rất cao và mức độ cao chiếm 40% mỗi lớp. Mức độ trung bình cả 2 lớp bằng nhau đạt 35%, bên cạnh đó mức độ thấp 5A chỉ chiếm 15%, còn lớp 5B chiếm 20% và mức độ rất thấp cũng có chênh lệch nhỏ giữa 2 lớp: lớp 5A chiếm 10%, lớp 5B chiếm 5%.

Mức độ rất cao : Không có trẻ nào đạt điểm mức độ này

Mức độ cao: Có 8 trẻ đạt mức độ cao ở mỗi lớp (6.5 - 7.5 điểm) chiếm 40%. Trẻ trả lời nhanh và chính xác khi xác định mối quan hệ (nhiều hơn/ít hơn) và thiết lập được các dãy số tự nhiên. Tuy nhiên, trẻ chưa khái quát được rằng “*Nhóm nào có số lượng nhiều hơn biểu thị bằng số lớn hơn, nhóm nào có số lượng ít hơn biểu thị bằng số nhỏ hơn*” thay vào đó cháu Trần Quang M trả lời “*Nhỏ hơn vì thiếu 1 quả na, nhiều hơn vì thừa 1 quả dưa*”. Ngoài ra, một số trẻ còn lúng túng và không xác định các số liền trước/liền sau từ 1 số cho trước. Cụ thể như cháu Trần Phúc A, cháu không trả lời được “Số liền trước/liền sau số 8, số 9” mặc dù đã được cô gợi ý: “Con đếm số mấy trước xong mới đếm đến số 8” nhưng cháu vẫn ngơ ngác và không trả lời được.

Mức độ trung bình; Mức độ trung bình có 7 trẻ/ lớp (5.0 - 6.0 điểm) chiếm tỷ lệ 35%. Trẻ có khả năng gắn các chữ số còn thiếu trong phạm vi 10 một cách chính xác. Nhưng đa số trẻ chỉ có thể sắp xếp thứ tự các con số theo chiều tăng dần (từ bé đến lớn), còn sắp xếp theo chiều ngược lại thì còn bị nhầm lẫn giữa các con số, hoặc băn khoăn không biết xếp số nào trước, số nào sau. Đồng thời, trẻ này không xác định được số liền trước/liền sau, đứng trước, đứng sau từ 1 số cho trước...

Mức độ thấp : Bên cạnh đó, số trẻ đạt ở mức độ thấp khá ít, lớp 5A có 3 trẻ và 5B có 4 trẻ đạt ở mức độ thấp (3.5 - 4.5 điểm). Những trẻ ở mức độ này đếm và gắn đúng thẻ số vào nhóm quả, chỉ ra được số 9 lớn hơn, số 8 nhỏ hơn. Tuy nhiên, trẻ này cũng không trả lời được “*Vì sao con biết*”. Ngoài ra, trẻ cũng không xác định được số liền trước/liền sau do trong quá trình học trẻ chưa được học nội dung này.

Mức độ rất thấp : Cuối cùng là mức độ rất thấp có số trẻ ít nhất so với các mức độ khác: chỉ có 2 trẻ ở lớp 5A đạt điểm 2.5 - 3.0 điểm chiếm 10% và 1 trẻ ở lớp 5B đạt 2.5 điểm chiếm 5%. Những trẻ này đa phần chỉ xác định được nhóm quả nào nhiều hơn/ít hơn, số 9 và số 8 số nào lớn hơn/nhỏ hơn; trẻ có thể gắn được chính xác các con số còn thiếu ở dãy số trên bảng gài, còn các câu hỏi khác trẻ không trả lời được. Điển hình như cháu Phạm Lan C (5A), Trần Phương N (5A), Phạm Duy A (5B) hoàn toàn không sắp xếp được các dãy số trong phạm vi đã học. Khi được cô gợi ý “Số bé nhất trong dãy số này là số nào” thì cháu vẫn ngồi im và không thể sắp xếp các số

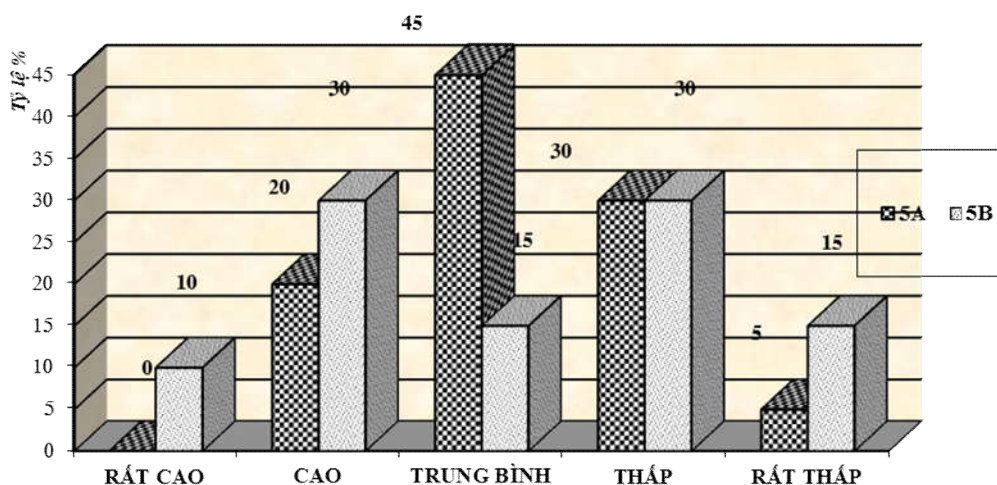
theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại. Hay cháu Trần Phương N khi cô gọi ý “Từ số 1 đến số 9 có những số nào” thì cháu mới có thể nêu hết được các số đứng trước số 9.

Có thể nói, khả năng nhận thức của trẻ về nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liên kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên tập trung ở các mức độ cao, trung bình, thấp, rất thấp, không có trẻ nào đạt điểm ở mức độ rất cao do một số nguyên nhân: trẻ còn lúng túng, chưa hiểu câu hỏi của cô nên không biết trả lời. Ngoài ra, qua trao đổi đàm thoại với GV và xem kế hoạch bài soạn, quan sát giờ hoạt động làm quen với toán ở đề tài “Nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 9” cũng như các đề tài khác chúng tôi thấy giáo viên thường không dạy trẻ ở nội dung mối quan hệ và vị trí của 2 số tự nhiên; GV không chính xác hóa kết quả và khái quát hóa kết quả để nêu lên mối quan hệ: *nhóm nào có SL nhiều hơn biểu thị bằng số lớn hơn, nhóm nào có SL ít hơn biểu thị bằng số nhỏ hơn. Số lớn hơn đứng phía sau, số nhỏ hơn đứng phía trước.* Đây cũng là một trong những lí do khiến đa số trẻ không thực hiện được các yêu cầu ở một số câu.

d) Tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau

Bảng 2.12. Tách, gộp các nhóm đối tượng

Mức độ \ Lớp	Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{X}
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
5A	0	0	4	20	9	45	6	30	1	5	5,17
5B	2	10	6	30	3	15	6	30	3	15	5,43



Biểu đồ 2.4. Tách, gộp các nhóm đối tượng

Đối với tiêu chí 4, chúng tôi đưa ra các câu hỏi trong bài tập 4 (phụ lục 2) để đánh giá khả năng tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau của trẻ 5 – 6 tuổi.

Dựa vào kết quả bảng 2.12 và biểu đồ 2.4, chúng tôi nhận thấy khả năng tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau của trẻ 5 – 6 tuổi

đạt ở mức độ trung bình lớp 5A $\bar{X} = 5,17$ điểm, lớp 5B $\bar{X} = 5,43$ điểm. Trẻ đạt điểm ở mức độ rất cao chỉ tập trung ở lớp 5A chiếm 10% ở lớp 5B và không có cháu nào. Đối với mức độ cao, cả 2 lớp không có sự chênh lệch đáng kể: lớp 5A đạt 20% còn lớp 5B đạt 30%. Nhìn chung, mức độ trung bình có sự chênh lệch lớn giữa 2 lớp: lớp 5A có 9 trẻ chiếm 45% và 5B có 3 trẻ chiếm 15%. Chiếm tỉ lệ tương đối cao đó là mức độ thấp, mức độ này không có sự chênh lệch, cả 2 lớp đều chiếm 30%. Lớp 5B chiếm tỉ lệ cao hơn so với lớp 5A là 10% cụ thể 5A chiếm 5%, lớp 5B chiếm 15% ở mức độ rất thấp.

Mức độ rất cao

Chúng tôi thấy rằng, khả năng tách, gộp các nhóm đối tượng của trẻ tương đối thấp. Mức độ rất cao có 2 trẻ ở lớp 5B đạt được đó là: cháu Vũ Lan K (5B) và cháu Trần Lê Thảo N (5B) đạt số điểm (8.85 - 8.78 điểm). Nhìn chung, các trẻ này đều thực hiện thành thạo các yêu cầu GV đưa ra như khoanh tròn quả dưa, quả na thành 2 nhóm theo ý thích. Đếm số lượng quả dưa, quả na ở mỗi nhóm và nối với chữ số thích hợp. Đếm số lượng quả dưa, quả na ở cả 2 nhóm và tô màu vào vòng tròn có chữ số tương ứng; và các cách chia 9 quả cam vào 2 đĩa theo ý thích và chia 9 quả cam vào 2 đĩa theo yêu cầu của cô. Tuy nhiên, khi cô hỏi “Vì sao con biết” thay vì phải trả lời là “Vì 9 bớt 1 còn 8” thì cháu Trần Lê Thảo N trả lời là “Vì đĩa kia có 1 quả nên đĩa này có 8 quả”. Hay cháu Vũ Lan K có trả lời: “Vì con đếm”. Hai trẻ này cũng không khái quát được “mỗi cách chia cho ta kết quả khác nhau nhưng tất cả các cách chia đều đúng”.

Mức độ cao

Có 10 trẻ ở mức độ cao cụ thể 4 trẻ lớp 5A và 6 trẻ lớp 5B với mức điểm từ 6.5 - 7.5 điểm. Các trẻ này đều có thể chia 9 quả cam vào 2 đĩa theo yêu cầu của cô nhưng trẻ chỉ biết thực hiện chứ không trả lời được “Vì sao

con biết”. Mặc dù, trẻ tách, gộp các nhóm đối tượng rất chính xác nhưng trẻ lại không khái quát được là có tất cả bao nhiêu cách tách, gộp các đối tượng bằng các cách khác nhau và trẻ nêu các cách nhưng bị thiếu. Ví dụ như cháu Phạm Bảo A mới chỉ nêu được: “các cách chia 1-8, 2-7, 3-6” và thiếu cách chia 4-5. Hay cháu Lê vũ Anh T có trả lời là “có 5 cách” khi cô hỏi “Từ 9 quả cam có mấy cách chia thành các cách khác nhau”.

Mức độ trung bình

Bên cạnh đó, các trẻ ở mức độ trung bình có 12 trẻ đạt mức độ điểm từ 5.0 - 6.25 điểm. Trẻ ở hai lớp gặp khó khăn khi chia theo yêu cầu của cô. Khi cô hỏi “Một đĩa có 1 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả cam, vì sao con biết” trẻ chỉ biết thực hiện chia 1 đĩa có 1 quả và đĩa còn lại có 8 quả chứ không trả lời được “vì 9 bớt đi 1 còn 8”. Khi được cô gợi ý, hướng dẫn thì trẻ mới hiểu và trả lời được rằng khi gộp 2 đĩa quả lại với nhau thì được 9 quả.

Mức độ thấp

Các bài tập tách, gộp chúng tôi đưa ra, trẻ ở mức độ thấp như nhau, mỗi lớp có 6 trẻ với mức độ điểm từ 3.5 - 4.75 điểm. Trẻ trả lời được các yêu cầu đơn giản của cô. Nhưng khi cô hỏi “ngoài cách chia số quả cam thành 2 đĩa như trên, con còn cách chia nào khác không?” những trẻ này đều không trả lời được hoặc trả lời thiếu các cách chia. Các trẻ này ngập ngừng suy nghĩ do không hiểu câu hỏi nên không thực hiện được yêu cầu của cô như: “Một đĩa có 1 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả, vì sao con biết?”. Mặc dù, cô đã gợi ý “xếp cho cô 1 đĩa có 1 quả thì con hãy nhìn xem đĩa còn lại có mấy quả” nhưng trẻ vẫn ngồi yên nhìn cô và không nói gì.

Mức độ rất thấp

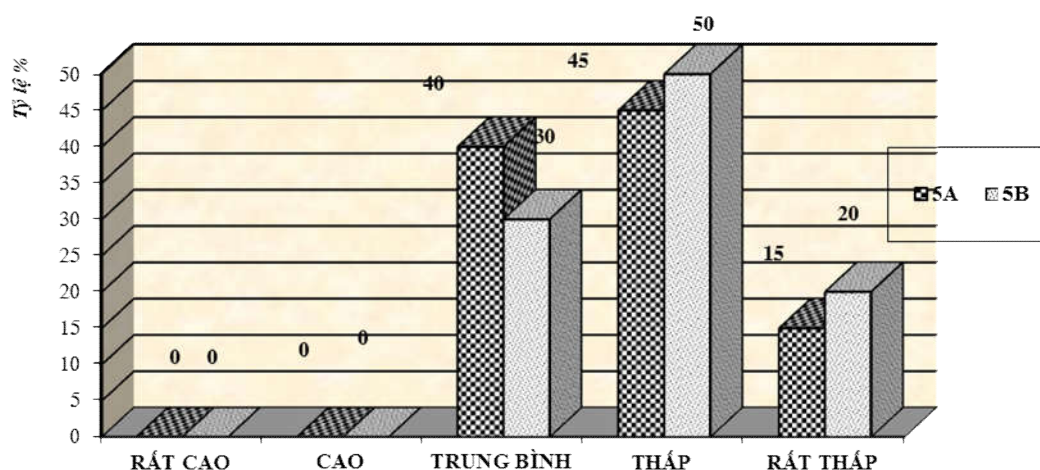
Đối với mức rất thấp lớp 5A có 1 trẻ (5%) và lớp 5B có 3 trẻ (15%), trẻ đạt số điểm từ (2,5 – 3,25 điểm) khi chia 9 quả cam theo yêu cầu của cô thì trẻ không hiểu câu hỏi nên lúng túng không trả lời được. Trẻ ở mức độ này chỉ thực hiện được các yêu cầu đơn giản như đếm xem có bao nhiêu quả cam và gắn thẻ số tương ứng, hay khoanh tròn nhóm quả dưa, quả na theo ý thích và thường sẽ không thực hiện được các yêu cầu còn lại trong bài tập 4.

Qua quan sát các tiết học của trẻ, chúng tôi thấy được đây là nội dung khó đối với trẻ song giáo viên chưa chú trọng việc dạy kỹ cho trẻ về những nội dung tách/gộp nên tỉ lệ trẻ thực hiện tốt các bài tập tách, gộp mà chúng tôi đưa ra còn thấp.

e) Nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

Bảng 2.13. Nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

Lớp	Mức độ		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{X}
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
5A	0	0	0	0	8	40	9	45	3	15		4,38	
5B	0	0	0	0	6	30	10	50	4	20		3,95	



Biểu đồ 2.5. Nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

Nhằm mục đích để trẻ có thể nói ra những hiểu biết của mình về ý nghĩa của các con số. Vì thế chúng tôi đã đưa ra một số bài tập ở tiêu chí 5 như sau: cho trẻ xem các video ngôi nhà, xe máy; quan sát quyển lịch, đồng hồ treo tường, đếm số lượng quả dưa, con nhìn thấy những con số có ở đâu và con số đó nói lên điều gì. Ngoài ra, chúng tôi còn đưa ra các tình huống thực tế để trẻ có thể nói lên ý nghĩa của các con số: “Khi nhìn thấy một ngôi nhà bị cháy, con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào? Khi nhìn thấy một người bị ốm cần được đi cấp cứu tại bệnh viện, con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào? Khi thấy trên phố có vụ đánh nhau thì con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào?”

Dựa vào kết quả bảng 2.13 và biểu đồ 2.5, ta thấy được mức độ nhận biết ý nghĩa của các con số của trẻ thông qua các bài tập đạt ở mức độ rất thấp. Ở bài tập này, cả 2 lớp không có trẻ nào đạt ở mức độ rất cao và cao. Số trẻ đạt mức độ trung bình tương đối cao lớp 5A chiếm 40%, còn lớp 5B chiếm 30%. Mức độ thấp có chênh lệch ít cụ thể: lớp 5A chiếm 45%, 5B

chiếm 50%. Nếu như lớp 5A chỉ đạt 15% mức rất thấp thì lớp 5B chiếm 20% số trẻ đạt ở mức độ này.

Mức độ rất cao và cao

Kết quả cho chúng tôi thấy rằng nhận thức của trẻ về nội dung này còn hạn chế do đa số giáo viên không đưa nội dung ý nghĩa con số này vào trong quá trình dạy học. Trẻ chỉ có thể trả lời được các câu hỏi về con số, còn lại các câu hỏi về ý nghĩa của con số trẻ hoàn toàn không trả lời được. Vì thế, không có trẻ nào đạt mức độ rất cao và mức độ cao.

Mức độ trung bình

Đối với mức trung bình, lớp 5A có 8 trẻ và 5B có 6 trẻ và đạt số điểm (5 – 6 điểm), các trẻ này đều có khả năng trả lời được các câu hỏi liên quan đến con số. Khi cô hỏi: “Ồ trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta sử dụng rất nhiều con số, vậy con nhìn thấy những con số đó ở đâu” các cháu Trần Lê Thảo N, Lê Việt A, Nguyễn Hà A đều trả lời “con nhìn thấy trong sách, vở tập tô, bảng, tivi, bàn học, tờ giấy”. Khi được hỏi “Con số đó nói lên điều gì?” thì không một trẻ nào có thể trả lời được câu hỏi này. Trong quá trình khảo sát, cô hỏi “Các con số trên tờ lịch cho con biết điều gì?” cháu Lê Vũ Anh T có trả lời câu hỏi “để xem lịch học”. Và khi hỏi “Số 9 cho con biết điều gì?” cháu Trần Phúc A trả lời như sau: “để con biết đếm từ 1 đến 10”. Hay cháu Trần Lê Thảo N trả lời hồn nhiên theo suy nghĩ của mình “Con biết được các con số đang nô đùa với nhau”.

Mức độ thấp

Trẻ đạt ở mức độ thấp rất đông, lớp 5A có 9 trẻ, 5B có những 10 trẻ đạt ở mức điểm (3,5 – 4,5 điểm) và những trẻ này cũng không trả lời được các câu hỏi giống trẻ ở mức độ trung bình. Thêm nữa, những trẻ này gặp khó khăn khi trả lời các tình huống: khi nhìn thấy một ngôi nhà bị cháy, con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào; khi nhìn thấy một người bị ốm cần được đi cấp cứu tại bệnh viện, con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào. Đồng thời, nhiều trẻ còn trả lời nhầm lẫn giữa hai số điện thoại 114 và 115 nhưng trẻ này trả lời thành thạo câu hỏi liên quan đến số điện thoại khẩn cấp 113.

Mức độ rất thấp

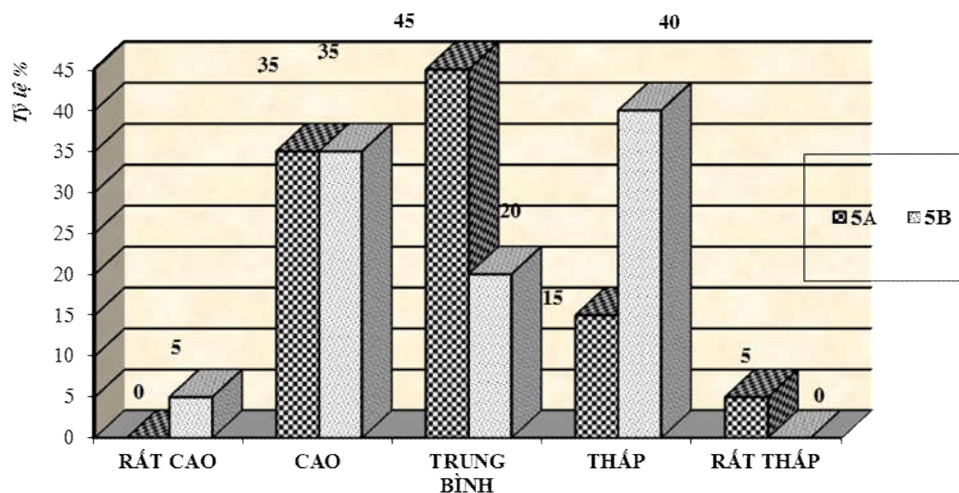
Bên cạnh đó, các trẻ đạt ở mức độ rất thấp ở 2 lớp không chênh lệch nhau là mấy cụ thể 5A có 3 trẻ chiếm 15%, 5B có 4 trẻ chiếm 20% các trẻ này đạt ở mức (1,5 – 3 điểm). Trẻ không thể trả lời được các câu hỏi liên

quan đến ý nghĩa của con số, các câu tình huống giả định do cô giáo đặt ra. Khi được hỏi trẻ ngơ ngác, lúng túng không hiểu nội dung câu hỏi và không biết trả lời như thế nào.

2.6.2.2. So sánh mức độ hình thành biểu tượng số lượng của hai lớp

Bảng 2.14. Mức độ hình thành BTSL của hai lớp

Xếp loại Lớp	Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		(\bar{X})	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
5A	0	0	7	35	9	45	3	15	1	5	29,04	5,574
5B	1	5	7	35	4	20	8	40	0	0	29,175	6,592



Biểu đồ 2.6 Mức độ hình thành BTSL của hai lớp

Số liệu ở bảng 2.14 và biểu đồ 2.6 cho thấy được mức độ hình thành BTSL của cả hai lớp còn hạn chế, phần lớn đạt ở mức độ cao, TB và thấp.

- Về mức độ điểm của trẻ: Số trẻ đạt mức rất cao chỉ có 1 trẻ ở lớp 5B chiếm 5%. Cả 2 lớp có tỉ lệ trẻ đạt mức độ cao bằng nhau chiếm 35%. Nhưng đến mức độ trung bình lớp 5A lại có tỉ lệ cao hơn lớp 5B là 25%. Lớp 5A có 3 trẻ chiếm 15% còn lớp 5B có 8 trẻ và chiếm 40% xếp ở mức độ thấp. Lớp 5A có tỉ lệ trẻ xếp loại rất thấp là 5%, lớp 5B không có trẻ nào. Qua đó, cho ta thấy khả năng hình thành BTSL của trẻ ở cả hai nhóm lớp đều rất hạn chế.

- Điểm trung bình chung (\bar{X}): Trẻ ở lớp 5A có điểm TBC $\bar{X} = 29,04$ và điểm TBC của trẻ lớp 5B là $\bar{X} = 29,175$. Điểm TBC của lớp 5B cao hơn

trẻ lớp 5A là 0,135 điểm. Do vậy điểm TBC của hai lớp là tương đương nhau đều ở loại TB theo thang đánh giá mà đề tài xây dựng.

- Độ lệch chuẩn (δ): hai lớp độ lệch chuẩn có sự khác biệt không đáng kể, trong đó trẻ ở lớp 5A = 5,574 và nhóm 5B = 6,592. Nhóm lớp 5B có tỷ lệ chênh lệch cao hơn so với nhóm 5A là 1,018 điểm.

- Giá trị kiểm định: Để đánh giá sự khác biệt về kết quả khảo sát của trẻ ở 2 lớp, chúng tôi xây dựng bảng kiểm định T-student với độ tin cậy là 90%

Áp dụng công thức tính T:

$$T = \bar{X}_1 - \bar{X}_2 \sqrt{\frac{\delta_1^2}{n} + \frac{\delta_2^2}{n}}$$

Gọi điểm TBC trẻ lớp 5B là $\bar{X}_1 = 29,175$, trẻ lớp 5A là $\bar{X}_2 = 29,04$; độ lệch chuẩn điểm của trẻ lớp 5B là $\delta_1 = 6,592$ lớp 5A là $\delta_2 = 5,574$; $n = 20$, ta có $T = 0,26$

Dùng bảng phân phối T-student ứng với $\alpha = 0,05$ ta có $T_\alpha = 1,725$

So với T với T_α ta thấy rằng: $T < T_\alpha$

Như vậy, mức độ hình thành BTSL của trẻ ở hai lớp là tương đương nhau, sự chênh lệch giữa hai lớp là không đáng kể.

2.7. NGUYÊN NHÂN THỰC TRẠNG

Kết quả điều tra cho thấy việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi của giáo viên có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Có thể khái quát được một số nguyên nhân sau:

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Nhận thức của GV về vấn đề thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi là đúng đắn. Nhưng trong quá trình thực hiện, GV không thật sự đầu tư và quan tâm đến nội dung kiến thức được củng cố qua TC. Chủ yếu các TCHT, GV mới cung cấp cho trẻ các kiến thức đơn giản về số lượng, các cách tách gộp; còn các nội dung nhận biết ý nghĩa con số, nhận biết được mối quan hệ về vị trí giữa hai số tự nhiên còn hạn chế.

- Một số GV khi thiết kế TCHT còn nhầm lẫn giữa cách chơi và luật chơi

** Nguyên nhân khách quan:*

- Đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động học, tổ chức trò chơi còn hạn chế.

- Nguồn TCHT và tài liệu hướng dẫn tổ chức TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi rất ít, chưa phong phú, mới lạ.

- Chưa có nhiều các buổi chuyên đề, tập huấn, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các GVMN ở các trường Mầm non.

- Khả năng nhận thức của các trẻ trong lớp là không đồng đều và quá đông trẻ một lớp nên việc tổ chức TCHT gặp không ít khó khăn.

2.8. THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG MỘT SỐ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 -6 TUỔI

2.8.1. Thiết kế một số trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 -6 tuổi

a). Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng chữ số tương ứng

Trò chơi 1: Tìm quả

Trò chơi 2: Bạn nào giỏi?

Trò chơi 3: Tìm đúng con vật

Trò chơi 4: Tay nào, chân nào?

Trò chơi 5: Thi xem đội nào nhanh

Trò chơi 6: Gấu nên ăn gì?

Trò chơi 7: Chiếc nón kì diệu

Trò chơi 8: Khuôn mặt ngộ nghĩnh

Trò chơi 9: Kể đủ 5 quả

b) Nhóm TCHT nhằm giúp trẻ biết so sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi các số đã học. Biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng

Trò chơi 1: Ô số bí mật

Trò chơi 2: Câu cá

Trò chơi 3: Đội nào nhanh hơn ?

Trò chơi 4: Người nội trợ thông thái

c) Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

Trò chơi 1: Con vịt nào đẻ nhiều trứng nhất?

Trò chơi 2: Tìm chương ngại vật

Trò chơi 3 : Con số kì diệu

Trò chơi 4: Giải cứu thức ăn

Trò chơi 5: Bé chọn số nào?

d) Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau

Trò chơi 1 : Bé tinh nhanh

Trò chơi 2: Bé khéo tay

Trò chơi 3: Tôi cần, tôi cần

e) Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

Trò chơi 1: Bù số còn thiếu

Trò chơi 2: Số này của xe nào vậy?

Trò chơi 3: Ai đoán giỏi?

Trò chơi 4: Lắng nghe, lắng nghe

Trò chơi 5: Cuộc đua kì thú

Trò chơi 6: Bé trở tài

2.8.2. Hướng dẫn cách sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 -6 tuổi

a, Cách sử dụng hệ thống trò chơi học tập đã thiết kế

Hệ thống các TCHT đã thiết kế nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi gồm 5 nhóm trò chơi. Trong thời gian thực hiện từng chủ đề, GV lựa chọn những trò chơi phù hợp với đề tài, chủ đề và khả năng của trẻ để tổ chức hướng dẫn trẻ chơi.

TCHT có thể được tổ chức trong giờ hoạt động làm quen với toán, hoạt động góc, hoạt động chiều...

Việc tổ chức hướng dẫn các TCHT có thể tiến hành chơi theo cả lớp, nhóm, cá nhân

Trò chơi : Tìm quả

1. Mục đích:

- Trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm quả bằng chữ số tương ứng.

- Cùng cố việc gọi tên các loại quả và biết phân nhóm (quả 1 hạt, quả nhiều hạt, quả không hạt)

- Rèn khả năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ

- Rèn luyện sự nhanh nhẹn, kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm của trẻ

2. Chuẩn bị:

- 2 sắc xô, bông hoa
- Bức tranh có các loại quả: 1 quả dứa, 1 quả na, 1 quả vải, 1 quả xoài, 1 quả cam, 1 quả đào, 1 quả táo, 1 quả dưa hấu, 1 quả bơ và có các chữ số từ 1-9

Quả dứa			Quả na			Quả vải		
Quả cam			Quả đào			Quả xoài		
Quả táo			Quả dưa hấu			Quả bơ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9

3. Cách chơi:

Trên đây cô đã chuẩn bị 1 bức tranh có rất nhiều loại quả và các con số khác nhau. Cô chia lớp thành 2 đội. Nhiệm vụ của các đội hãy quan sát bức tranh và trả lời các câu hỏi của cô:

Câu hỏi 1: Trong bức tranh có bao nhiêu quả? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các quả đó.

Câu hỏi 2: Trong bức tranh có bao nhiêu quả không hạt? Con hãy nói chữ số tương ứng với các quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó.

Câu hỏi 3: Trong bức tranh có bao nhiêu quả 1 hạt? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó

Câu hỏi 4: Trong bức tranh có bao nhiêu quả nhiều hạt? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó

Câu hỏi 5: Trong bức tranh có bao nhiêu quả có vỏ nhăn? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó.

Câu hỏi 6: Trong bức tranh có bao nhiêu quả có vỏ sần sùi? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó.

4. Luật chơi:

Đội nào rung sắc xô nhanh nhất thì được quyền trả lời, mỗi câu trả lời đúng sẽ được thưởng 1 bông hoa. Nếu đội nào trả lời sai thì sẽ nhường quyền trả lời cho đội còn lại. Kết thúc trò chơi đội nào được nhiều bông hoa nhất thì đội đó giành chiến thắng.

Hướng dẫn sử dụng trò chơi: Trò chơi này được tổ chức trong giờ hoạt động làm quen với toán, hoạt động chiều, hoạt động góc... Tùy thuộc cùng cố số lượng trong phạm vi nào thì lựa chọn đồ dùng phù hợp với chủ đề đó và các chữ số cho phù hợp (Phương tiện giao thông, động vật...). Có thể chơi theo nhóm/ cá nhân/cả lớp

b, Một số yêu cầu cần đảm bảo khi tổ chức hướng dẫn các TCHT

1- Lựa chọn TC phù hợp với chủ đề, khả năng và vốn hiểu biết và kinh nghiệm sống của trẻ.

2- Đảm bảo sự tự nguyện, hứng thú, tự do của trẻ và phát huy tính tích cực, tự lực, chủ động, sáng tạo của trẻ khi chơi. Việc tổ chức hướng dẫn TCHT cho trẻ không được gò bó, áp đặt trẻ.

3- Chuẩn bị đồ chơi, nguyên vật liệu chơi và bố trí sắp xếp chỗ chơi thích hợp với trò chơi.

4- Coi trọng quá trình chơi của trẻ, dành thời gian thỏa đáng, thích hợp cho trò chơi của trẻ, tạo cơ hội cho mọi trẻ được tham gia thực sự.

5- Dùng yếu tố thi đua để lôi cuốn trẻ tích cực tham gia vào TC, song cũng không quá nhấn mạnh vào yếu tố thi đua một cách quá mức, biến thi đua thành ganh đua.

6- Giáo viên phải quan sát, theo dõi và bao quát trẻ chơi để kịp thời giúp đỡ, khuyến khích, động viên trẻ khi cần thiết.

7- Hướng dẫn trẻ chơi phải phù hợp với sự phát triển của trẻ, phải quan tâm đến sự khác nhau về trình độ phát triển của trẻ.

c, Tiến trình hướng dẫn các trò chơi

1- Gây chú ý và khơi gợi hứng thú của trẻ trước khi tham gia TC. Giáo viên có thể đưa ra nhiều cách khác nhau như thông qua các bài hát, câu đố với lời lẽ ngắn gọn, giàu hình ảnh, cử chỉ gần gũi, ân cần với trẻ khi nêu tên TC khiến trẻ muốn được tham gia TC.

2- Hướng dẫn cách chơi ngắn gọn, rõ ràng, hấp dẫn để trẻ dễ hiểu và dễ nắm được luật chơi. Đối với các TC cũ giáo viên cho trẻ nêu lại cách chơi và luật chơi. Khi TC mới thì giáo viên nêu cách chơi, luật chơi và làm mẫu nếu hành động chơi khó hoặc có thể gọi một vài trẻ nêu cách chơi, luật chơi để trẻ nắm vững trò chơi.

3- Trong khi chơi, GV chú ý theo dõi, động viên, khuyến khích trẻ thực hiện đúng luật chơi và giữ nhịp điệu chơi thích hợp. GV giữ nhịp điệu

chơi luôn sôi nổi, không khiến cho trẻ chơi vội vàng, cầu thả hoặc lè mề, chậm chạp.

4- Nhận xét, đánh giá và phân tích để trẻ biết được mình đã chơi đúng luật chơi hay chưa. GV khuyến khích trẻ tự nhận xét mình và nhận xét bạn để trẻ rút ra được bài học cho các lần chơi tiếp theo.

5- Khơi gợi hứng thú của trẻ với những lần chơi sau, để trẻ có thêm động lực và chơi tích cực hơn.

6- Sau khi tổ chức hướng dẫn TC để trẻ nắm được cách chơi, GV khuyến khích và tạo điều kiện cho trẻ tự chơi các trò chơi này với bạn.

Kết luận chương 2

Qua nghiên cứu thực trạng thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Hầu hết GVMN đã nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ; nguyên tắc lựa chọn trò chơi và thiết kế TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi; ưu thế của TCHT đối với việc hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi; những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 - 6 tuổi..

- Giáo viên đã có ý thức trong việc sưu tầm các nguồn TCHT, khai thác và sử dụng các TCHT đó để hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi, tuy nhiên các nguồn TCHT đó còn ít, chưa phong phú. Giáo viên cũng gặp không ít trở ngại, khó khăn trong việc thiết kế và sử dụng TCHT phần nào làm ảnh hưởng đến quá trình nhận thức của trẻ.

- Kết quả khảo sát mức độ hình thành BTSL của trẻ 5-6 tuổi cho thấy: Mức độ hình thành BTSL của trẻ còn chưa cao và không đồng đều, trẻ còn gặp khó khăn trong việc nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên; Chia số lượng một nhóm đối tượng thành hai phần trong đó 1 phần có số lượng cô cho trước hoặc tương ứng với 1 chữ số cô đưa ra, trẻ xác định số lượng phần còn lại; khó giải thích được vì sao biết nhóm này nhiều hơn, nhóm kia ít hơn, nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống. Mức độ nhận thức về hình thành BTSL còn hạn chế, nhiều trẻ đạt mức độ trung bình, thấp và rất thấp

-Từ kết quả điều tra, chúng tôi đề xuất cách thiết kế và sử dụng một số TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi:

Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng chữ số tương ứng

Nhóm TCHT nhằm giúp trẻ biết so sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi các số đã học. Biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng

Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau

Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi là vô cùng cần thiết. TCHT không chỉ tạo hứng thú, tích cực trong hoạt động mà nó còn giúp trẻ phát triển khả năng nhận thức, trí nhớ, tư duy và khả năng khái quát hóa về BTSL. Bên cạnh đó, thông qua TCHT trẻ củng cố kiến thức và khắc sâu thêm kiến thức về số lượng cũng như các biểu tượng khác xung quanh trẻ. Do vậy, nó góp phần làm tiền đề cho trẻ phát triển nhận thức chuẩn bị tâm thế khi trẻ bước vào lớp 1.

1.2. Thực trạng thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi ở trường MN Nam Thành đã bộc lộ những thành công và hạn chế, thuận lợi và khó khăn, nhu cầu và khả năng của GV và trẻ trong lĩnh vực này. Mức độ hình thành BTSL của trẻ chưa cao, số trẻ xếp loại rất cao và cao thấp, số trẻ xếp loại trung bình và thấp còn cao. Do một số nguyên nhân sau:

- Trong quá trình thiết kế TCHT, GV thiếu nguồn tài liệu để tham khảo, một số GV kinh nghiệm còn hạn chế nên chưa biết cách thiết kế theo đúng cấu trúc. Ngoài ra, các TCHT được thiết kế chưa đa dạng, phong phú và thu hút trẻ. GV chủ yếu dựa vào những TC có sẵn hoặc những TC cũ và chỉ thay đổi một chút về tên TC cũng như cách chơi.

- Nhận thức của GV về vấn đề thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi là đúng đắn. Nhưng trong quá trình thực hiện, GV không thật sự đầu tư và quan tâm đến nội dung kiến thức được củng cố qua TC. Chủ yếu GV mới cung cấp cho trẻ các kiến thức đơn giản về số lượng, các cách tách gộp; còn các nội dung nhận biết ý nghĩa con số, nhận biết mối liên hệ giữa các con số còn rất hạn chế.

- Bên cạnh đó, GV còn gặp phải khó khăn về số lượng trẻ quá đông, không gian chơi chật hẹp. Khả năng nhận thức của trẻ không đồng đều nên GV chưa biết cách thiết kế và lựa chọn TC sao cho phù hợp.

1.3. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi, chúng tôi bước đầu đề xuất cách thiết kế và sử dụng một số TCHT cho trẻ để nâng cao hiệu quả của việc hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi.

Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng chữ số tương ứng

Nhóm TCHT nhằm giúp trẻ biết so sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi các số đã học. Biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng

Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau

Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

2. Kiến nghị

Để góp phần nâng cao hiệu quả việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi ở trường mầm non, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau:

2.1. Về phía trường mầm non

- Nhà trường cần đầu tư, bổ sung thêm đồ dùng dạy học, đồ chơi phù hợp với từng độ tuổi, chủ đề. Bên cạnh đó, nhà trường cần bổ sung thêm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung hình thành BTSL. Tổ chức biên soạn các tài liệu về TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi.

- Nhà trường cần làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục: vận động phụ huynh, chính quyền địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn địa phương hỗ trợ nguồn lực tài chính để đầu tư trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi,...

- Thường xuyên tổ chức các chuyên đề, các buổi tập huấn, thảo luận, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng cho GV hiểu rõ về TCHT, cách thiết kế và sử dụng hệ thống TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi.

2.2. Về phía giáo viên mầm non

- GVMN cần nâng cao vốn kiến thức để cung cấp cho trẻ những kiến thức đa dạng, phong phú, chính xác.

- Nắm được nguyên tắc và cấu trúc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi.

- Cần chú trọng hơn đến việc thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình

thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi. Trò chơi đưa ra phải đảm bảo yêu cầu và nhiệm vụ với các cấp độ, nội dung khác nhau, kích thích đam mê của trẻ, ý chí của trẻ, luôn tạo cơ hội cho trẻ được thể hiện mình.

- Nắm được đặc điểm của từng trẻ để từ đó thiết kế các TCHT hình thành BTSL phù hợp với trẻ, cần tăng cường giúp trẻ tích lũy các kiến thức về số lượng ở mọi lúc, mọi nơi trong mọi hoạt động của trẻ ở trường MN

2.3. Về phía gia đình

- Phụ huynh cần có những hiểu biết nhất định về số lượng, cần tăng cường giúp trẻ tích lũy về BTSL.

- Phối hợp với nhà trường để hình thành BTSL cho trẻ 5 – 6 tuổi.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thanh Âm (chủ biên), Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang (2007), *Giáo dục học mầm non – tập III*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình giáo dục mầm non* (Số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24/11/2017 về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non)
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Quy định về Bộ chuẩn trẻ 5 tuổi* – Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/ TT – BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2010
4. Nguyễn Ngọc Bảo, Đỗ Thị Minh Liên (2008), *Sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Đại học sư phạm.
5. Lưu Thị Chung, Lương Thị Hà, Bùi Thị Kim Phương (2014), *Thiết kế và sử dụng TCHT nhằm phát triển khả năng định hướng không gian cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi*, Đề tài NCKH cấp trường Đại học Hoa Lư
6. Hoàng Chúng (1982), *Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục.
7. Jean Piaget (1986), *Tâm lí học và giáo dục học*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
8. Đinh Thị Phương Dung (2019), *Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 -6 tuổi*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.
9. Đỗ Thị Hương Giang (2018), *Thực trạng thiết kế và sử dụng TCHT nhằm giáo dục dinh dưỡng cho trẻ 5- 6 tuổi*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.
10. Nguyễn Thị Hòa (2010), *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
11. Nguyễn Thị Hòa (2009), *Giáo dục học mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
12. Nguyễn Thị Hòa (2011), *Phát huy tính tích cực nhận thức cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trong trò chơi học tập*, Nxb Đại học sư phạm.
13. Đỗ Thị Minh Liên (2008), *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán*, Nxb Giáo dục
14. Đỗ Thị Minh Liên (2008), *Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học sư phạm

15. Đỗ Thị Minh Liên (2016), *Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
16. Trần Thị Minh Liên, (2015), *Thực trạng thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng động vật cho trẻ 5 – 6 tuổi*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.
17. Phạm Thị Nguyệt (2016), *Thực trạng thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm rèn kỹ năng phân nhóm, phân loại động vật cho trẻ 5 – 6 tuổi*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.
18. Đinh Thị Nhung (2015), *Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Giáo dục Việt Nam
19. Hoàng Phê (Chủ biên) (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hà Nội- Đà Nẵng
20. Trịnh Thị Phượng (2017), *Thực trạng sử dụng trò chơi dân gian nhằm nâng cao hiệu quả hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi*, Đề tài nghiên cứu khoa học
21. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)*, Nxb Giáo dục Việt Nam
22. Trần Thị Trọng, Phan Thị Sửu (2003), *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ truyện mẫu giáo*, Nxb Giáo dục
23. Nguyễn Ánh Tuyết, Lê Thị Kim Anh, Đinh Văn Vang (2006), *Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
24. Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai (2009), *Giáo trình phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam
25. A.P.Uxôva (1979), *Dạy học ở mẫu giáo*, Nhà xuất bản Giáo dục
26. Đinh Văn Vang (2011), *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục
27. Viện chiến lược và chương trình giáo dục (2007), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề (trẻ 5-6 tuổi)*, Nxb Giáo dục

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho giáo viên đã và đang dạy lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi)

Để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài: “Thực trạng thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi”, xin chị vui lòng cho biết ý kiến về một số vấn đề sau (Nếu đồng ý với ý kiến nào xin đánh dấu (X) vào phần lựa chọn hoặc trả lời ngắn gọn)

Câu 1: Chị hãy cho biết mức độ cần thiết của việc thiết kế và sử dụng trò chơi học tập (TCHT) nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi?

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Không cần thiết

Lý do:.....
.....
.....

Câu 2: Để hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non, chị thường tiến hành những nội dung nào dưới đây theo các mức độ?

STT	Nội dung	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng			
2	So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10			
3	Nhận biết mối quan hệ số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10			
4	Nhận biết các con số chỉ số lượng và con số chỉ thứ tự trong phạm vi 10			
5	Nhận biết được mối quan hệ giữa hai số tự nhiên, quan hệ về vị trí giữa hai số tự nhiên			
6	Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm			
7	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...)			

Câu 3: Chị thường sử dụng trò chơi nào để hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi?

- Trò chơi học tập
- Trò chơi đóng kịch
- Trò chơi vận động
- Trò chơi dân gian
- Trò chơi đóng vai theo chủ đề
- Trò chơi xây dựng, lắp ghép
- Trò chơi sử dụng phương tiện công nghệ hiện đại

Câu 4: Chị lựa chọn và sử dụng trò chơi học tập từ các nguồn nào sau đây để hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi?

- Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề
- Suu tầm từ nguồn Internet
- Kinh nghiệm của đồng nghiệp
- Tự thiết kế

Các tài liệu khác

.....

.....

.....

Câu 5: Chị đã dựa trên nguyên tắc nào để lựa chọn trò chơi và thiết kế TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi?

- Đảm bảo tính mục đích, phù hợp với chủ đề và nội dung bài dạy
- Đảm bảo tính hấp dẫn (Nhiệm vụ chơi, đồ chơi,...)
- Đảm bảo phù hợp với khả năng, trình độ nhận thức của trẻ
- Đảm bảo phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tiễn của lớp học (Thời gian, không gian, phương tiện)

Các nguyên tắc khác

.....

.....

.....

Câu 6: Theo chị, trò chơi học tập có ưu thế gì đối với việc hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi?

- Cung cố tri thức
- Làm chính xác tri thức
- Cung cấp tri thức mới
- Hệ thống hóa, khái quát hóa tri thức
- Mở rộng tri thức

Câu 7: Theo chị, để thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi có hiệu quả cần quan tâm các yếu tố nào?

- Mục đích sử dụng trò chơi
- Nội dung được phản ánh trong trò chơi
- Phương tiện, tài liệu trực quan
- Nhu cầu, hứng thú của trẻ
- Không gian tổ chức trò chơi
- Cách thiết kế và sử dụng trò chơi của giáo viên

Các yếu tố khác

.....

.....

.....

Câu 8: Để thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi, theo chị cần đảm bảo trình tự nào?

- Tên trò chơi, mục đích, chuẩn bị, luật chơi, cách chơi
- Mục đích, chuẩn bị, luật chơi, cách chơi, tên trò chơi
- Mục đích, chuẩn bị, cách chơi, luật chơi, tên trò chơi
- Tên trò chơi, mục đích, chuẩn bị, cách chơi, luật chơi
- Tên trò chơi, chuẩn bị, mục đích, cách chơi, luật chơi

Câu 9 Khi thiết kế và sử dụng TCHT nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 – 6 tuổi, chị thường gặp những khó khăn nào?

- Số lượng trẻ quá đông
- Số lượng trò chơi có sẵn ít
- Không gian chơi chật hẹp
- Thiếu đồ dùng, đồ chơi cho trẻ hoạt động
- Thiếu nguồn tài liệu hướng dẫn hình thành biểu tượng số lượng qua TCHT cho trẻ 5 – 6 tuổi

Các khó khăn khác

.....

.....

.....

Câu 10: Chị hãy cho biết kinh nghiệm của mình về việc thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng số lượng cho trẻ 5 - 6 tuổi?

.....

.....

.....

.....

Chị vui lòng cho biết một số thông tin:

Họ và tên:(Có thể ghi hoặc không)

Nơi công tác:

Bậc đào tạo: Đại học; Cao đẳng; Trung cấp

Thâm niên công tác:

Số năm dạy trẻ 5 – 6 tuổi:.....

Xin trân trọng cảm ơn chị!

PHỤ LỤC 2

BÀI TẬP KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

Bài tập 1

1. Mục đích

Trẻ biết đếm trong phạm vi số đã học, biết khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng thẻ chữ số.

2. Chuẩn bị

- Hệ thống các câu hỏi, phiếu khảo sát trẻ.
- Tranh có các nhóm quả có số lượng từ 1 đến 9 và các chữ số từ 1 đến

10

- Bố trí xung quanh lớp các đĩa quả bưởi, quả xoài, quả hồng có số lượng khác nhau (7,8,9)

- Thẻ chữ số từ 1 đến 10.

- Rổ đồ chơi, lô tô 9 quả bưởi và 9 quả xoài.

3. Tiến hành

- Con hãy quan sát trong bức tranh

+ Gọi tên và đếm số lượng từng loại quả.

+ Khoanh tròn nhóm quả và nối với chữ số tương ứng (Nối nhóm quả có số lượng phù hợp với chữ số)

- Con hãy tìm xung quanh lớp mình

+ Đĩa quả nào có 7 quả, sau đó gắn thẻ số tương ứng (Đĩa quả bưởi, số 7)

+ Đĩa quả nào có 8 quả, sau đó gắn thẻ số tương ứng (Đĩa quả xoài, số 8)

+ Đĩa quả nào có 9 quả, sau đó gắn thẻ số tương ứng (Đĩa quả hồng, số 9)

- Lấy hết số quả bưởi xếp thành 1 hàng ngang trước mặt theo chiều từ trái qua phải, đếm và gắn thẻ số tương ứng (Số 9)

- Lấy cho cô 8 quả xoài xếp thành 1 hàng ngang trước mặt theo chiều từ trái qua phải đếm và gắn thẻ số tương ứng (Số 8)

4. Đánh giá

Theo mục 2.5 và phiếu khảo sát thực trạng của trẻ (phụ lục 3)

Bài tập 2

1. Mục đích

Trẻ biết so sánh số lượng trong phạm vi 10. Trẻ biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa chúng trong phạm vi 10.

2. Chuẩn bị

- Hệ thống các câu hỏi, phiếu khảo sát trẻ.

- Bố trí sẵn 1 hàng ngang gồm 9 quả bưởi và 1 hàng ngang gồm 8 quả xoài, xếp tương ứng 1:1; Bố trí sẵn 1 hàng ngang gồm 9 quả bưởi và 1 hàng ngang gồm 7 quả xoài, xếp tương ứng 1:1; Thẻ số từ 1 đến 10

- Tranh có các nhóm quả có số lượng từ 1 đến 10 và các chữ số từ 1 đến 10.
- Bố trí xung quanh lớp nhóm đồ dùng đồ chơi có số lượng là 7, 8, 9, 10

3. Tiến hành

So sánh hơn kém nhau 1 đơn vị

- Con có nhận xét gì về số lượng nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài? Hoặc nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài như thế nào với nhau? (*không bằng nhau*).

- Nhóm nào nhiều hơn, nhiều hơn là mấy? Vì sao con biết (*nhóm quả bưởi nhiều hơn nhóm quả xoài, nhiều hơn 1 quả. Vì thừa ra 1 quả bưởi*).

- Nhóm nào ít hơn, ít hơn hơn là mấy? Vì sao con biết (*Nhóm quả xoài ít hơn nhóm quả bưởi, ít hơn 1 quả xoài vì thiếu 1 quả xoài*).

- Vậy muốn 2 nhóm quả bưởi và quả xoài có số lượng bằng nhau thì phải làm như thế nào? (*Bớt 1 quả bưởi ở nhóm quả bưởi*) hoặc (*Thêm 1 quả xoài vào nhóm quả xoài*)

- Vậy bây giờ 2 nhóm như thế nào với nhau? (*Bằng nhau*) và cùng bằng mấy? (*8 hoặc 9*). Các con hãy đặt thẻ số lượng tương ứng vào hai nhóm quả bưởi và quả xoài.

- Các con hãy quan sát bức tranh: Khoanh tròn các nhóm quả có cùng số lượng và nối với chữ số tương ứng

- Tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng, đồ chơi có số lượng nhiều hơn 8 là 1

- Tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng, đồ chơi có số lượng ít hơn 9 là 1

- Con hãy quan sát nhóm đồ dùng, đồ chơi. Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 9 (8).

So sánh hơn kém nhau 2 đơn vị

- Con có nhận xét gì về số lượng nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài? Hoặc nhóm quả bưởi và quả xoài như thế nào với nhau? (*không bằng nhau*).

- Nhóm nào nhiều hơn, nhiều hơn là mấy? Vì sao con biết? (*nhóm quả bưởi nhiều hơn nhóm quả xoài, nhiều hơn 2 quả bưởi. Vì thừa ra 2 quả bưởi*).

- Nhóm nào ít hơn, ít hơn hơn là mấy? Vì sao con biết? (*Nhóm quả xoài ít hơn nhóm quả bưởi, ít hơn 2 quả xoài. Vì thiếu 2 quả xoài*).

- Vậy muốn 2 nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài có số lượng bằng nhau thì phải làm như thế nào? (*Bớt 2 quả bưởi ở nhóm quả bưởi*) hoặc (*Thêm 2 quả xoài vào nhóm quả xoài*).

- Vậy bây giờ 2 nhóm như thế nào với nhau? (*Bằng nhau*) và cùng bằng mấy? (*7 hoặc 9*). Con hãy đặt thẻ số tương ứng vào 2 nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài.

- Con hãy quan sát bức tranh: Tô màu đỏ (xanh) các nhóm quả có số lượng nhiều nhất (ít nhất) và nối với chữ số tương ứng?

- Tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng đồ chơi có số lượng nhiều hơn 7 là 2

- Tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng đồ chơi có số lượng ít hơn 9 là 2

- Con hãy quan sát nhóm đồ dùng đồ chơi. Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 9 (7)

4. Đánh giá

Theo mục 2.5 và phiếu khảo sát thực trạng của trẻ (*phụ lục 3*)

Bài tập 3

1. Mục đích

Giúp trẻ nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

2. Chuẩn bị

- Hệ thống các câu hỏi, phiếu khảo sát trẻ.
- Bố trí sẵn 1 hàng ngang gồm 9 quả na và 1 hàng ngang gồm 8 quả dứa; xếp tương ứng 1:1
- Bảng gài, thẻ số (1-10)

3. Tiến hành

- Cho trẻ quan sát bức tranh, yêu cầu trẻ:
 - + Đếm số quả na (quả dứa) gắn thẻ số tương ứng
 - Nhóm quả nào nhiều hơn, nhóm quả nào ít hơn
 - + 9 quả dứa nhiều hơn 8 quả na. Vậy số 9 và số 8 số nào lớn hơn? (số 9 lớn hơn số 8)
 - Số nào nhỏ hơn? (số 8 nhỏ hơn số 9)
 - Vì sao con biết? (nhóm nào có SL nhiều hơn biểu thị bằng số lớn hơn, nhóm nào có SL ít hơn biểu thị bằng số nhỏ hơn.)
 - + 9 lớn hơn 8, Vậy số nào đứng trước, số nào đứng sau? (số 8 đứng trước, số 9 đứng sau)
 - Vì sao con biết? (số 8 đứng trước số 9, số 9 đứng sau số 8. Số lớn hơn đứng phía sau, số nhỏ hơn đứng phía trước)
 - + Số liền trước số 8 là số mấy? (số 7, giơ thẻ số 7)
 - + Số liền sau số 8 là số mấy? (số 9, giơ thẻ số 9)
 - + Số liền trước số 9 là số mấy? (số 8, giơ thẻ số 8)
 - + Số liền sau số 9 là số mấy? (số 10, giơ thẻ số 10)
 - + Các số đứng trước số 9 là số nào? (1,2,3,4,5,6,7,8)
 - + Số đứng sau số 9 là số nào? (10...)
- Con hãy tìm và gắn số còn thiếu vào bảng sau, đọc các số ở bảng 1:

1	2	3		5	6	7		9	10
---	---	---	--	---	---	---	--	---	----

- Con hãy tìm và gắn số còn thiếu vào bảng sau, đọc các số ở bảng 2:

10		8	7	6	5	4		2	1
----	--	---	---	---	---	---	--	---	---

- Con hãy sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn (theo chiều tăng dần)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Con hãy sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé (theo chiều giảm dần)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Đánh giá

Theo mục 2.5 và phiếu khảo sát thực trạng của trẻ (phụ lục 3)

Bài tập 4

1. Mục đích

Trẻ biết tách, gộp các nhóm đối tượng thành 2 phần bằng các cách khác nhau

2. Chuẩn bị

- Hệ thống các câu hỏi, phiếu khảo sát trẻ.
- 2 đĩa, 9 quả cam, rô đồ chơi, thẻ số từ 1 đến 10.
- Tranh có các nhóm quả có số lượng từ 1 đến 9 và các chữ số từ 1 đến

10

3. Tiến hành

- Con hãy khoanh tròn quả dứa, quả na thành 2 nhóm theo ý thích. Đếm số lượng quả dứa, quả na ở mỗi nhóm và nối với chữ số thích hợp

- Con hãy đếm số lượng quả dứa, quả na ở cả 2 nhóm và tô màu vào vòng tròn có chữ số tương ứng

- Con đếm xem có bao nhiêu quả cam và gắn thẻ số tương ứng (*9 quả, số 9*).

- Con hãy chia 9 quả cam vào 2 đĩa theo ý thích của mình sau đó đếm số quả cam ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng.

- Con hãy gộp số quả cam ở 2 đĩa lại với nhau thì có tất cả là bao nhiêu quả? Đếm và gắn thẻ số tương ứng (*9 quả, số 9*) hoặc muốn có 9 quả cam thì con làm thế nào? (*gộp số quả cam ở 2 đĩa lại*)

- Ngoài cách chia số quả cam thành 2 đĩa như trên, con còn cách chia nào khác không?

- Con hãy chia 9 quả cam chia vào 2 đĩa theo yêu cầu của cô:

+ 1 đĩa có 1 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả? Vì sao con biết? (*8 quả, vì 9 bớt 1 còn 8*). Đếm số quả ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng? (*thẻ số 1 và thẻ số 8*)

+ Khi gộp số quả của 2 đĩa lại với nhau thì con có bao nhiêu quả? (*9 quả*) hoặc để có 9 quả cam thì con phải làm thế nào? (*gộp 2 đĩa đựng 1 quả và 8 quả lại với nhau*)

+ 1 đĩa có 3 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả? Vì sao con biết? Đếm số quả ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng?

+ Khi gộp số quả của 2 đĩa lại với nhau thì con có bao nhiêu quả? (*9 quả*) hoặc để có 9 quả cam thì con phải làm thế nào? (*gộp 2 đĩa đựng 3 quả và 6 quả lại với nhau*)

+ 1 đĩa có 4 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả? Vì sao con biết? Đếm số quả ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng?

+ Khi gộp số quả của 2 đĩa lại với nhau thì con có bao nhiêu quả? (*9 quả*) hoặc để có 9 quả cam thì con phải làm thế nào? (*gộp 2 đĩa đựng 4 quả và 5 quả lại với nhau*).

+ 1 đĩa có 2 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả? Vì sao con biết? Đếm số quả ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng?

+ Khi gộp số quả của 2 đĩa lại với nhau thì con có bao nhiêu quả? (9 quả) hoặc để có 9 quả cam thì con phải làm thế nào? (*gộp 2 đĩa đựng 2 quả và 7 quả lại với nhau*).

- Từ 9 quả cam có mấy cách chia thành 2 phần bằng các cách khác nhau? Nêu các cách chia đó? (*Từ 9 quả cam chia thành 2 phần, có 4 cách chia 1-8, 2-7, 4-5, 3-6, mỗi cách chia cho ta kết quả khác nhau nhưng tất cả các cách chia đều đúng*).

- Gộp 2 nhóm đối tượng thành 1 nhóm có số lượng là 9 có mấy cách? Đó là những cách nào?

4. Đánh giá

Theo mục 2.5 và phiếu khảo sát thực trạng của trẻ (*phụ lục 3*)

Bài tập 5

1. Mục đích

Giúp trẻ nhận biết nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

2. Chuẩn bị

- Hệ thống các câu hỏi, phiếu khảo sát trẻ.
- Chuẩn bị video ngôi nhà, xe máy
- Chuẩn bị sẵn các tờ lịch, đồng hồ, 9 quả dứa, thẻ số 1 - 10

3. Tiến hành

- Ở trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta sử dụng rất nhiều con số, vậy con nhìn thấy những con số có ở đâu? Con số đó nói lên điều gì?

- Con hãy đọc cho cô các con số trên mỗi ngôi nhà. Các con số ở mỗi nhà giúp chúng ta điều gì? (*Để tìm nhà cho dễ...*)

- Con hãy đọc cho cô các con số trên các biển số xe. Các con số trên biển số xe giúp chúng ta điều gì? (*Để nhận ra xe của mình...*)

- Con hãy đọc cho cô các con số trên tờ lịch. Các con số trên tờ lịch giúp chúng ta điều gì? (*Xem được các ngày, tháng trong năm...*)

- Con hãy đọc các con số trên đồng hồ? các con số trên đồng hồ cho con biết điều gì? (*Giúp mình xem giờ*)

- Con hãy đếm số quả dứa, sau đó gắn thẻ số tương ứng? Số 9 cho con biết điều gì?

- Trong trường hợp nào con gọi số 113, 114, 115?

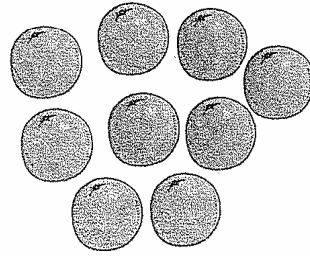
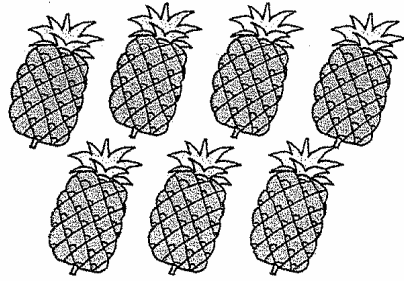
+ Khi nhìn thấy 1 ngôi nhà bị cháy, con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào? (*114*)

+ Khi nhìn thấy 1 người bị ốm cần được đi cấp cứu tại bệnh viện, con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào? (*115*)

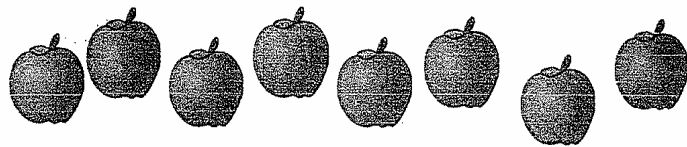
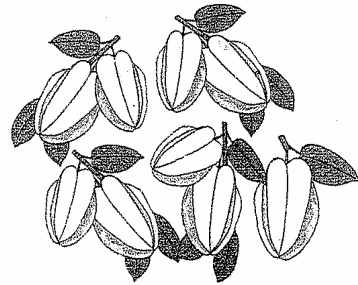
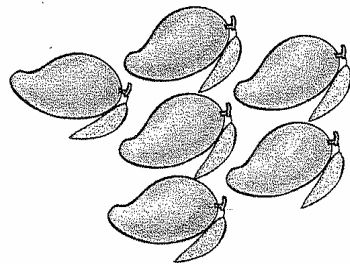
+ Khi thấy trên phố có vụ đánh nhau thì con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào? (*113*)

4. Đánh giá:

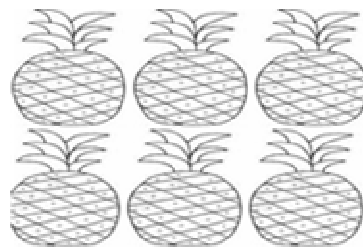
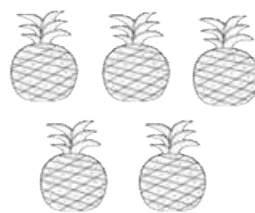
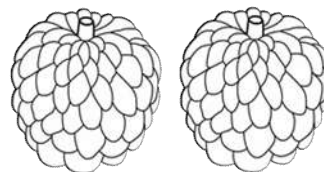
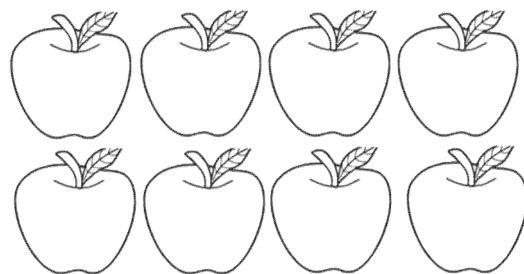
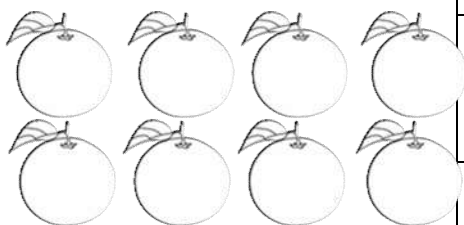
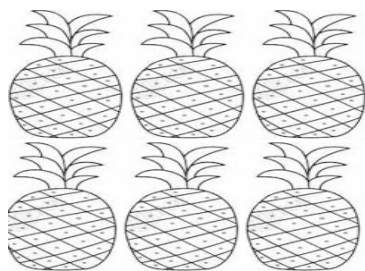
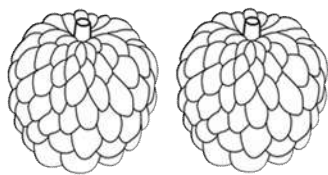
Theo mục 2.5 và phiếu khảo sát thực trạng của trẻ (*phụ lục 3*)



1 2 3 4 5 6 7 8 9 10



Con hãy khoanh tròn nhóm quả có cùng số lượng và nối với chữ số tương ứng.



1

2

3

4

5

6

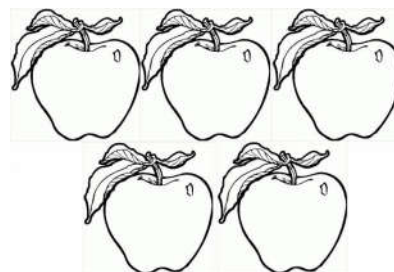
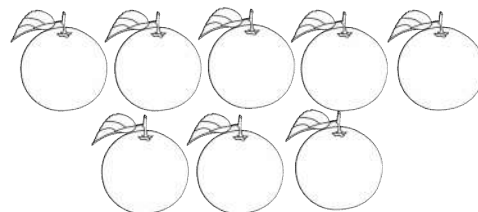
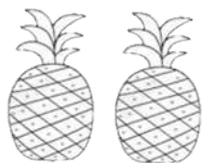
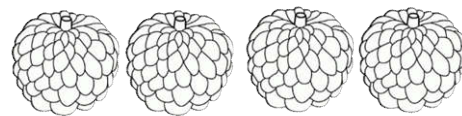
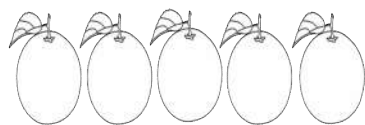
7

8

9

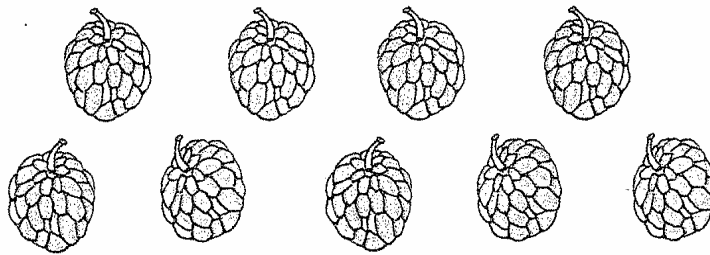
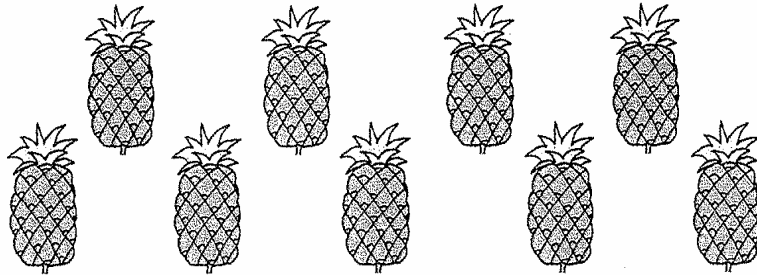
10

Tô màu xanh (đỏ) vào các nhóm quả có số lượng nhiều nhất/ít nhất và nối với chữ số tương ứng.



1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

TÁCH, GỘP TRONG PHẠM VI 9



PHỤ LỤC 3

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

Họ và tên trẻ:.....

Lớp: Trường.....

Người đánh giá:.....

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đạt	Ghi chú
Bài tập 1				
1	Tìm trong bức tranh nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi số đã học, gọi tên, đếm và nối nhóm quả có số lượng phù hợp với chữ số			
	- Gọi tên và đếm số lượng từng loại quả	2,0		
	- Khoanh tròn nhóm quả và nối với chữ số tương ứng (Nối nhóm quả có số lượng phù hợp với chữ số?)	3,0		
2	Tìm xung quanh lớp nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi số đã học, đếm và gắn thẻ số			
	- Đĩa quả nào có 7 quả, sau đó gắn thẻ số tương ứng (<i>Đĩa quả bưởi, số 7</i>).	1,0		
	- Đĩa quả nào có 8 quả, sau đó gắn thẻ số tương ứng (<i>Đĩa quả xoài, số 8</i>).	1,0		
	- Đĩa quả nào có 9 quả, sau đó gắn thẻ số tương ứng (<i>Đĩa quả hồng, số 9</i>).	1,0		
3	Lấy đủ số lượng theo yêu cầu, đếm và gắn thẻ chữ số			
	- Lấy hết số quả bưởi xếp thành 1 hàng ngang trước mặt theo chiều từ trái sang phải, đếm và gắn thẻ số tương ứng (<i>Số 9</i>)	1,0		
	- Lấy cho cô 8 quả xoài xếp thành 1 hàng ngang trước mặt theo chiều từ trái qua phải đếm và gắn thẻ số tương ứng (<i>Số 8</i>)	1,0		
Tổng điểm (1)	Xếp loại	<i>Rất cao (8 - 10 điểm)</i>	10	
		<i>Cao (6,5 - <8 điểm)</i>		
		<i>TB (5 - <6,5 điểm)</i>		
		<i>Thấp (3,5 - <5 điểm)</i>		
		<i>Rất thấp (<3,5 điểm)</i>		

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

Họ và tên trẻ:.....

Lớp: Trường.....

Người đánh giá:.....

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đạt	Ghi chú
Bài tập 2				
So sánh hơn kém nhau 1 đơn vị				
1	- Con có nhận xét gì về số lượng nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài? Hoặc nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài như thế nào với nhau? (<i>Không bằng nhau</i>)	0,5		
	- Nhóm nào nhiều hơn, nhiều hơn là mấy? Vì sao con biết (<i>nhóm quả bưởi nhiều hơn nhóm quả xoài, nhiều hơn 1 quả. Vì thừa ra 1 quả bưởi</i>).	0,5		
	- Nhóm nào ít hơn, ít hơn là mấy? Vì sao con biết (<i>Nhóm quả xoài ít hơn nhóm quả bưởi, ít hơn 1 quả xoài vì thiếu 1 quả xoài</i>).	0,5		
	- Vậy muốn 2 nhóm quả bưởi và quả xoài có số lượng bằng nhau thì phải làm như thế nào? (<i>Bớt 1 quả bưởi ở nhóm quả bưởi</i>) hoặc (<i>Thêm 1 quả xoài vào nhóm quả xoài</i>).	0,5		
	- Vậy bây giờ 2 nhóm như thế nào với nhau? (Bằng nhau) và cùng bằng mấy? (8 hoặc 9) Các con hãy đặt thẻ chữ số tương ứng vào 2 nhóm quả bưởi và quả xoài.	0,5		
2	- Con hãy quan sát bức tranh: Khoanh tròn các nhóm quả có cùng số lượng và nối với chữ số tương ứng	0,5		
3	- Tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng, đồ chơi có số lượng nhiều hơn 8 là 1	0,5		
	- Tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng, đồ chơi có số lượng ít hơn 9 là 1	0,5		
4	- Con hãy quan sát nhóm đồ dùng đồ chơi. Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 9 (8)	1,0		
So sánh hơn kém nhau 2 đơn vị				
1	- Con có nhận xét gì về số lượng nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài? Hoặc nhóm quả bưởi và quả xoài như thế nào với nhau? (<i>Không bằng nhau</i>)	0,5		

	- Nhóm nào nhiều hơn, nhiều hơn là mấy? Vì sao con biết? (<i>nhóm quả bưởi nhiều hơn nhóm quả xoài, nhiều hơn 2 quả bưởi. Vì thừa ra 2 quả bưởi.</i>)	0,5		
	-Nhóm nào ít hơn, ít hơn là mấy? Vì sao con biết? (<i>Nhóm quả xoài ít hơn nhóm quả bưởi, ít hơn 2 quả xoài. Vì thiếu 2 quả xoài.</i>)	0,5		
	- Vậy muốn 2 nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài có số lượng bằng nhau thì phải làm như thế nào? (<i>Bớt 2 quả bưởi ở nhóm quả bưởi</i>) hoặc (<i>Thêm 2 quả xoài vào nhóm quả xoài.</i>)	0,5		
	- Vậy bây giờ 2 nhóm như thế nào với nhau? (<i>Bằng nhau</i>) và cùng bằng mấy? (<i>7 hoặc 9</i>). Các con hãy đặt thẻ số tương ứng vào 2 nhóm quả bưởi và nhóm quả xoài.	0,5		
2	- Con hãy quan sát bức tranh: Tô màu đỏ (xanh) các nhóm quả có số lượng nhiều nhất (ít nhất) và nói với chữ số tương ứng?	0,5		
3	- Tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng đồ chơi có số lượng nhiều hơn 7 là 2	0,5		
	- Tìm xung quanh lớp nhóm đồ dùng đồ chơi có số lượng ít hơn 9 là 2	0,5		
4	- Con hãy quan sát nhóm đồ dùng đồ chơi. Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 9 (7)	1,0		
Tổng điểm (2)	Xếp loại	<i>Rất cao (8 - 10 điểm)</i>	10	
		<i>Cao (6,5 - <8 điểm)</i>		
		<i>TB (5 - <6,5 điểm)</i>		
		<i>Thấp (3,5 - <5 điểm)</i>		
		<i>Rất thấp (<3,5 điểm)</i>		

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

Họ và tên trẻ:.....

Lớp: Trường.....

Người đánh giá:.....

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đạt	Ghi chú
Bài tập 3				
1	Số lớn hơn, số nhỏ hơn			
	Đếm số quả na (quả dứa), gắn thẻ số tương ứng	0,25		
	Nhóm quả nào nhiều hơn, nhóm quả nào ít hơn	0,25		
	9 quả dứa nhiều hơn 8 quả na. Vậy số 9 và số 8 số nào lớn hơn? (<i>số 9 lớn hơn số 8</i>) Số nào nhỏ hơn? (<i>số 8 nhỏ hơn số 9</i>) Vì sao con biết? (<i>nhóm nào có SL nhiều hơn biểu thị bằng số lớn hơn, nhóm nào có SL ít hơn biểu thị bằng số nhỏ hơn</i>).	0,5 0,5 0,5		
2	Số liền trước, số liền sau, số đứng trước, số đứng sau			
	Số 9 lớn hơn số 8, Vậy số nào đứng trước, số nào đứng sau? (<i>số 8 đứng trước, số 9 đứng sau</i>)	0,5		
	Vì sao con biết? (<i>số 8 đứng trước số 9, số 9 đứng sau số 8. Số lớn hơn đứng phía sau, số nhỏ hơn đứng phía trước</i>)	0,5		
	- Số liền trước số 8 là số mấy? (<i>số 7, giơ thẻ số 7</i>)	0,5		
	- Số liền sau số 8 là số mấy? (<i>số 9, giơ thẻ số 9</i>)	0,5		
	- Số liền trước số 9 là số mấy? (<i>số 8, giơ thẻ số 8</i>)	0,5		
	- Số liền sau số 9 là số mấy? (<i>số 10, giơ thẻ số 10</i>)	0,5		
	- Các số đứng trước số 9 là số nào? (<i>1,2,3,4,5,6,7,8</i>) - Số đứng sau số 9 là số nào? (<i>10...</i>)	0,5 0,5		
3	Số thứ tự trong dãy số tự nhiên			
	- Con hãy tìm và gắn chữ số còn thiếu vào bảng sau, đọc các số ở bảng 1	1,0		
	- Con hãy tìm và gắn chữ số còn thiếu vào bảng sau, đọc các số ở bảng 2	1,0		
	- Con hãy sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn (theo chiều tăng dần)	1,0		
	- Con hãy sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé (theo chiều giảm dần)	1,0		
Tổng điểm (3)	Xếp loại	<i>Rất cao (8 - 10 điểm)</i>	10	
		<i>Cao (6,5 - <8 điểm)</i>		
		<i>TB (5 - <6,5 điểm)</i>		
		<i>Thấp (3,5 - <5 điểm)</i>		
		<i>Rất thấp (<3,5 điểm)</i>		

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

Họ và tên trẻ:.....

Lớp: Trường.....

Người đánh giá:.....

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đạt	Ghi chú
Bài tập 4				
1	Chia số lượng một nhóm đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau theo ý thích và khái quát bằng chữ số tương ứng. Gộp 2 nhóm đối tượng để có kết quả ban đầu			
	Khoanh tròn quả dưa, quả na thành 2 nhóm theo ý thích. Đếm số lượng quả dưa, quả na ở mỗi nhóm và nối với chữ số thích hợp	1,0		
	- Đếm số lượng quả dưa, quả na ở cả 2 nhóm và tô màu vào vòng tròn có chữ số tương ứng	1,0		
	- Con đếm xem có bao nhiêu quả cam và gắn thẻ số tương ứng (<i>9 quả, số 9</i>).	0,5		
	- Con hãy chia 9 quả cam vào 2 đĩa theo ý thích của mình sau đó đếm số quả cam ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng.	0,5		
	- Con hãy gộp số quả cam ở 2 đĩa lại với nhau thì có tất cả là bao nhiêu quả? Đếm và gắn thẻ số tương ứng (<i>9 quả, số 9</i>) hoặc muốn có 9 quả cam thì con làm thế nào? (<i>gộp số quả cam ở 2 đĩa lại</i>)	0,5		
	- Ngoài cách chia số quả cam thành 2 đĩa như trên, con còn cách chia nào khác không?	0,5		
3	Chia số lượng một nhóm đối tượng thành hai phần trong đó 1 phần có SL cô cho trước hoặc tương ứng với 1 chữ số cô đưa ra, trẻ xác định SL phần còn lại và tìm lấy chữ số tương ứng. Gộp 2 nhóm đối tượng để có kết quả ban đầu			
	Con hãy chia 9 quả cam vào 2 đĩa theo yêu cầu của cô:			
	- 1 đĩa có 1 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả? Vì sao con biết ? (<i>8 quả, vì 9 bớt 1 còn 8</i>). Đếm số quả ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng? (<i>thẻ số 1 và thẻ số 8</i>)	0,75		
	- Khi gộp số quả của 2 đĩa lại với nhau thì con có bao nhiêu quả? (<i>9 quả</i>) hoặc để có 9 quả cam thì con phải làm thế nào? (<i>gộp 2 đĩa đựng 1 quả và 8 quả lại với nhau</i>)	0,5		

	- 1 đĩa có 3 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả? Vì sao con biết? Đếm số quả ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng?	0,75		
	- Khi gộp số quả của 2 đĩa lại với nhau thì con có bao nhiêu quả? (9 quả) hoặc để có 9 quả cam thì con phải làm thế nào? (gộp 2 đĩa đựng 3 quả và 6 quả lại với nhau)	0,5		
	- 1 đĩa có 4 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả? Vì sao con biết? Đếm số quả ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng?	0,75		
	- Khi gộp số quả của 2 đĩa lại với nhau thì con có bao nhiêu quả? (9 quả) hoặc để có 9 quả cam thì con phải làm thế nào? (gộp 2 đĩa đựng 4 quả và 5 quả lại với nhau).	0,5		
	- 1 đĩa có 2 quả cam thì đĩa còn lại có mấy quả? Vì sao con biết? Đếm số quả ở mỗi đĩa và gắn thẻ số tương ứng?	0,75		
	- Khi gộp số quả của 2 đĩa lại với nhau thì con có bao nhiêu quả? (9 quả) hoặc để có 9 quả cam thì con phải làm thế nào? (gộp 2 đĩa đựng 2 quả và 7 quả lại với nhau).	0,5		
	- Từ 9 quả cam có mấy cách chia thành 2 phần bằng các cách khác nhau? Nêu các cách chia đó? (Từ 9 quả cam chia thành 2 phần, có 4 cách chia 1-8, 2-7, 4-5, 3-6, mỗi cách chia cho ta kết quả khác nhau nhưng tất cả các cách chia đều đúng).	0,5		
4	Gộp 2 nhóm đối tượng thành 1 nhóm có số lượng là 9 có mấy cách? Đó là những cách nào?	0,5		
Tổng điểm (4)	Xếp loại	<i>Rất cao (8 - 10 điểm)</i>	10	
		<i>Cao (6,5 - <8 điểm)</i>		
		<i>TB (5 - <6,5 điểm)</i>		
		<i>Thấp (3,5 - <5 điểm)</i>		
		<i>Rất thấp (<3,5 điểm)</i>		

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

Họ và tên trẻ:.....

Lớp: Trường.....

Người đánh giá:.....

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đạt	Ghi chú
Bài tập 5				
1	Ở trong cuộc sống hàng của chúng ta sử dụng rất nhiều con số, vậy con nhìn thấy những con số có ở đâu? Con số đó nói lên điều gì?	2,0		
2	Con hãy đọc cho cô các con số trên mỗi ngôi nhà. Các con số ở mỗi ngôi nhà giúp chúng ta điều gì? (<i>Để tìm nhà cho dễ...</i>)	1,0		
3	- Con hãy đọc cho cô các con số trên các biển số xe. Các con số trên biển số xe giúp chúng ta điều gì? (<i>Để nhận ra xe của mình...</i>)	1,0		
4	- Con hãy đọc cho cô các con số trên tờ lịch. Các con số trên tờ lịch giúp chúng ta điều gì? (<i>Xem được các ngày, tháng trong năm..</i>)	1,0		
5	Con hãy đọc các con số trên đồng hồ? các con số trên đồng hồ cho con biết điều gì? (<i>giúp mình xem giờ</i>)	1,0		
6	Con hãy đếm số quả dưa, sau đó gắn thẻ số tương ứng. Số 9 cho con biết điều gì?	1,0		
7	Khi nhìn thấy 1 ngôi nhà bị cháy, con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào? (114)	1,0		
8	Khi nhìn thấy 1 người bị ốm cần được đi cấp cứu tại bệnh viện, con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào? (115)	1,0		
9	Khi thấy trên phố có vụ đánh nhau thì con sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào? (113)	1,0		
Tổng điểm (5)	Xếp loại	<i>Rất cao (8 - 10 điểm)</i>	10	
		<i>Cao (6,5 - <8 điểm)</i>		
		<i>TB (5 - <6,5 điểm)</i>		
		<i>Thấp (3,5 - <5 điểm)</i>		
		<i>Rất thấp (<3,5 điểm)</i>		

MỨC ĐỘ HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI - LỚP 5A

TT	Họ tên	Bài tập 1					Bài tập 2				Bài tập 3					Bài tập 4					Bài tập 5					Tổng điểm	Xếp loại		
		1	2	3	Σ	XL	1	2	Σ	XL	1	2	3	Σ	XL	1	2	3	Σ	XL	1	2	3	Σ	XL				
1	Hà Mạnh Ninh	4.5	2	1	7.5	C	3.125	3.5	6.625	C	1.5	1.5	3	6	TB	3.5	2	0	5.5	TB	2.5	0	1	3.5	T	29.125	TB		
2	Đoàn Chu Bảo Ngọc	4.5	1	2	7.5	C	2.938	3.5	6.4375	TB	1.5	2	3	6.5	C	3.5	0	0	3.5	T	2	0	1	3	RT	26.938	TB		
3	Đàm Thanh Sơn	4	1	1	6	TB	1.75	2.5	4.25	T	1.5	0	2	3.5	T	3.5	0	0	3.5	T	2.5	0	1	3.5	T	20.75	T		
4	Nguyễn Hà Anh	4.5	3	2	9.5	RC	4.125	3.5	7.625	C	1.5	2	3	6.5	C	3.5	2.75	0	6.25	TB	3	0	2	5	TB	34.875	C		
5	Vũ Tuệ Lâm	5	2	1	8	RC	3.625	3.125	6.75	C	1.5	1.5	3	6	TB	3.5	1.5	0	5	TB	3	0	1	4	T	29.75	TB		
6	Phạm Lan Chi	3.5	1	1	5.5	TB	1.5	1.25	2.75	RT	0.5	0	2	2.5	RT	2.5	0	0	2.5	RT	2.5	0	0	2.5	RT	15.75	RT		
7	Trần Phương Ngân	4	1	1	6	TB	1.625	1.75	3.375	RT	1	0	2	3	RT	3.75	0.75	0	4.5	T	2.5	0	2	4.5	T	21.375	T		
8	Nguyễn Thu Lan	4.5	1	2	7.5	C	2.25	3.25	5.5	TB	1.5	3	2	6.5	C	3.5	1	0	4.5	T	2.5	0	3	5.5	TB	29.5	TB		
9	Phí Thảo Diệp	4	3	1	8	RC	3.625	3.25	6.875	C	1.5	1.5	2	5	TB	3.75	0	0.5	4.25	T	2.5	0	2	4.5	T	28.625	TB		
10	Phạm Khánh An	5	2	2	9	RC	2.5	3.5	6	TB	1.5	2	2	5.5	TB	3.5	1.5	0	5	TB	2.5	0	3	5.5	TB	31	TB		
11	Hoàng Minh Tùng	5	3	2	10	RC	3.375	4.25	7.625	C	1.5	1.5	2	5	TB	3.75	3	0.125	6.875	C	2.5	0	2	4.5	T	34	C		
12	Đào Ngọc Bảo Ngân	5	1	1.5	7.5	C	3.5	2.5	6	TB	1.5	1	2	4.5	T	3.25	2.25	0.25	5.75	TB	2	0	2	4	T	27.75	TB		
13	Cao Hoàng Gia Bảo	4	1	1	6	TB	3	2.75	5.75	TB	1.5	0.5	3	5	TB	3	0	0	3	T	1.5	0	0	1.5	RT	21.25	T		
14	Hoàng Minh An	5	1	1.5	7.5	C	3.875	4	7.875	C	1.5	2	4	7.5	C	3.5	2.75	0	6.25	TB	2	0	2	4	T	33.125	C		
15	Lê Việt Anh	4	3	2	9	RC	2.875	3.25	6.125	TB	1.5	2	4	7.5	C	3.5	4	0	7.5	C	3	0	3	6	TB	36.125	C		
16	Trần Đăng Khánh	4.5	3	2	9.5	RC	3.125	3	6.125	TB	1.5	1.5	4	7	C	3.5	1.5	0	5	TB	3	0	2	5	TB	32.625	C		
17	Phạm Tuấn Tú	4.5	2	2	8.5	RC	2.25	3.25	5.5	TB	1.5	1.5	3	6	TB	3.5	1.5	0	5	TB	3	0	2	5	TB	30	TB		
18	Trần Phúc An	4	3	2	9	RC	3.375	3.5	6.875	C	1.5	2	3	6.5	C	3.7	1.75	0.5	5.95	TB	2.5	0	3	5.5	TB	33.825	C		
19	Nguyễn Ngọc Nam	5	1	1	7	C	3.25	3	6.25	TB	1	1	2	4	T	3.75	2.5	0.25	6.5	C	2.5	0	2	4.5	T	28.25	TB		
20	Đỗ Đăng Khoa	4.5	3	2	9.5	RC	3.75	3.5	7.25	C	1.5	2	3	6.5	C	3.75	3.25	0	7	C	3	0	3	6	TB	36.25	C		
Tổng		89	38	31	158.0	RC	59.438	62.13	121.56	RC	28.0	28.5	54.0	110.5	RC	69.7	32.0	1.625	103.3	RC	50.5	0	37.0	87.5	RC	580.89	RC		
Điểm TBC của từng tiêu chí		4.450	1.90	1.55			2.972	3.106			1.4	1.45	2.7			3.485	1.6	0.0813			2.53	0	1.85						
Điểm TBC của từng bài tập					7.900				6.08					5.53					5.17					4.375					
Điểm TBC của từng trẻ																											29.044		
Độ lệch chuẩn																												5.574	

PHỤ LỤC 5

MỘT SỐ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG CHO TRẺ 5 – 6 TUỔI

I. Nhóm trò chơi giúp trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm đối tượng bằng chữ số tương ứng

Trò chơi 1. Tìm quả

1. Mục đích

- Trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm quả bằng chữ số tương ứng.
- Cùng cố việc gọi tên các loại quả và biết phân nhóm (quả 1 hạt, quả nhiều hạt, quả không hạt)
- Rèn khả năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ
- Rèn luyện sự nhanh nhẹn, kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm của trẻ

2. Chuẩn bị

- 2 sắc xô, bông hoa
- Bức tranh có các loại quả: 1 quả dứa, 1 quả na, 1 quả vải, 1 quả xoài, 1 quả cam, 1 quả đào, 1 quả táo, 1 quả dưa hấu, 1 quả bơ và có các chữ số từ 1-9

Quả dứa	Quả na	Quả vải						
Quả cam	Quả đào	Quả xoài						
Quả táo	Quả dưa hấu	Quả bơ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9

3. Cách chơi

Trên đây cô đã chuẩn bị 1 bức tranh có rất nhiều loại quả và các con số khác nhau. Cô chia lớp thành 2 đội. Nhiệm vụ của các đội hãy quan sát bức tranh và trả lời các câu hỏi của cô:

Câu hỏi 1: Trong bức tranh có bao nhiêu quả? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các quả đó.

Câu hỏi 2: Trong bức tranh có bao nhiêu quả không hạt? Con hãy nói chữ số tương ứng với các quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó.

Câu hỏi 3: Trong bức tranh có bao nhiêu quả 1 hạt? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó

Câu hỏi 4: Trong bức tranh có bao nhiêu quả nhiều hạt? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó

Câu hỏi 5: Trong bức tranh có bao nhiêu quả có vỏ nhăn? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó.

Câu hỏi 6: Trong bức tranh có bao nhiêu quả có vỏ sần sùi? Con hãy nói chữ số tương ứng với các loại quả đó? Con hãy gọi tên các loại quả đó.

4. Luật chơi:

Đội nào rung sắc xô nhanh nhất thì được quyền trả lời, mỗi câu trả lời đúng sẽ được thưởng 1 bông hoa. Nếu đội nào trả lời sai thì sẽ nhường quyền trả lời cho đội còn lại. Kết thúc trò chơi đội nào được nhiều bông hoa nhất thì đội đó giành chiến thắng.

Trò chơi 2. Bạn nào giỏi?

1. Mục đích

- Trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm quả bằng chữ số tương ứng.

- Củng cố kỹ năng phân nhóm (quả 1 hạt, quả nhiều hạt, quả không hạt)

- Rèn khả năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; kỹ năng cầm bút

2. Chuẩn bị

Mỗi trẻ một hộp màu sáp; 1 bức tranh

Quả mít	Quả na	Quả cam						
Quả bơ	Quả đào	Quả dưa hấu						
Quả xoài	Quả dứa	Quả dứa						
1	2	3	4	5	6	7	8	9

3. Cách chơi

Cô sẽ phát cho mỗi bạn một bức tranh và một hộp màu sáp. Nhiệm vụ của các con như sau:

- Khoanh tròn nhóm quả không hạt và nối với chữ số tương ứng
- Khoanh tròn nhóm quả 1 hạt và nối với chữ số tương ứng
- Khoanh tròn nhóm quả nhiều hạt và nối với chữ số tương ứng
- Đếm số lượng tất cả quả có trong bức tranh và tô màu chữ số tương ứng

4. Luật chơi

Thời gian chơi trong vòng 1 bản nhạc. Kết thúc trò chơi bạn nào thực hiện đúng và đủ các yêu cầu cô đề ra thì bạn đó được tuyên dương, khen thưởng

Trò chơi 3. Tìm đúng con vật

1. Mục đích

- Trẻ xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi số đã học, khái quát số lượng các nhóm bằng chữ số tương ứng.

- Rèn khả năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định

- Rèn luyện sự nhanh nhẹn trong khi chơi

2. Chuẩn bị

- Các hình ảnh con vật có gắn chữ số: con mèo có gắn số 7, con mèo có gắn số 6; con chó có gắn số 9, con chó có gắn số 8; con trâu có gắn số 9, con trâu có gắn số 7.

-Loto có 7 con cá; Loto có 6 con cá; Loto có 8 khúc xương; Loto có 9 khúc xương; Loto 8 bó rơm; Loto 9 bó rơm số lượng loto đủ cho trẻ chơi

- Loa, nhạc bài hát

3. Cách chơi

Cô phát ngẫu nhiên cho mỗi trẻ một 1 lô tô có hình thức ăn của các con vật. Các con quan sát kỹ các loto và tìm đúng con vật phù hợp với số lượng thức ăn trong mỗi lô tô

Lần 1: Khi có hiệu lệnh “Tìm đúng con vật” thì ai có bức tranh có số lượng thức ăn tương ứng với số có gắn trên mỗi con vật thì sẽ chạy về con vật đó (Ví dụ: bức tranh thức ăn là 7 con cá thì tìm đúng bức tranh con mèo có gắn thẻ số 7)

Lần 2: Khi có hiệu lệnh “Tìm đúng con vật (con mèo, con chó, con trâu) có gắn số (7,8,9...)” thì những trẻ nào cầm bức tranh có số lượng thức ăn tương ứng với số có gắn trên mỗi con vật mà cô yêu cầu thì sẽ chạy về con vật đó, còn các trẻ khác đứng tại chỗ. (Ví dụ cô nói: “Tìm đúng con trâu có gắn số 9”, thì chỉ những trẻ cầm bức tranh có 9 bó rơm tìm đúng tranh con trâu có gắn số 9 để đứng, còn các trẻ khác đứng tại chỗ, không được chạy về các bức tranh con vật.)

4. Luật chơi

- Trẻ phải vừa đi thành vòng tròn vừa hát các bài hát.
- Trẻ nào tìm không đúng con vật sẽ nhảy lò cò

Trò chơi 4. Tay nào, chân nào?

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết các chữ số trong phạm vi số đã học
- Rèn kỹ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Củng cố khả năng định hướng không gian: tay phải – tay trái, chân phải – chân trái
- Giáo dục trẻ kỹ năng phối hợp linh hoạt giữa mắt, tay, chân khi chơi.
- Rèn luyện sự nhanh nhẹn, kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm của trẻ

2. Chuẩn bị

- Phần trắng
- Cô vẽ sẵn 4 ô số 7, 8, 9, 10 ở dưới nền nhà được sắp xếp như sau:

9	10
8	7

3. Cách chơi

Để chơi được trò chơi này cô sẽ chia lớp thành 3 đội. Trên đây cô đã chuẩn bị cho mỗi đội 4 ô số 7, 8, 9, 10.

Các con lắng nghe và thực hiện yêu cầu của cô

- Lần 1: Các con hãy đứng chân phải vào ô số 7, chân trái vào ô số 8, tay phải chạm vào ô số 10

- Lần 2: Các con hãy đứng chân phải vào ô số 9, chân trái vào ô số 10, tay trái chạm vào ô số 7

- Lần 3: Các con hãy đứng chân phải vào ô số 10, chân trái vào ô số 7, tay trái chạm vào ô số 8, tay phải vào ô số

- ...

4. Luật chơi

- Khi có hiệu lệnh “Bắt đầu” thì bạn đầu hàng của các đội sẽ theo yêu cầu của cô. Thực hiện xong bạn đầu hàng chạy về cuối hàng bạn tiếp theo lên thực hiện, cứ như vậy cho đến khi trò chơi kết thúc.

- Thời gian chơi trong vòng một bản nhạc

- Nếu bạn nào thực hiện sai yêu cầu thì bạn đó phải thực hiện lại.

- Kết thúc buổi chơi đội nào có nhiều người thực hiện đúng thì đội đó giành chiến thắng.

Trò chơi 5. Thi xem đội nào nhanh

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết các chữ số trong phạm vi số đã học

- Trẻ xác định được các nhóm đối tượng trong phạm vi đã học

- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định

- Giáo dục trẻ kĩ năng phối hợp đoàn kết khi tham gia chơi theo nhóm.

2. Chuẩn bị

- 3 hộp màu sáp

- Bảng treo kết quả chơi

- 3 bức tranh các phương tiện giao thông và dãy số từ 1-10 được sắp xếp trên tờ giấy A0 như sau:

8 Tàu lửa			9 Ôtô			7 Thuyền			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8 xe đạp			9 xe máy			6 Máy bay			

3. Cách chơi

Cô sẽ chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm sẽ ngồi thành 1 vòng tròn. Cô sẽ phát cho mỗi nhóm 1 bức tranh và 1 hộp sáp màu. Nhiệm vụ các nhóm hãy lắng nghe và thực hiện các yêu cầu của cô, sau khi thực hiện xong các nhóm mang bài lên bảng trưng bày sản phẩm. Yêu cầu như sau:

- Tô màu nhóm phương tiện giao thông có số lượng là 9
- Nối nhóm phương tiện giao thông có số lượng phù hợp với chữ số tương ứng.

4. Luật chơi

Thời gian trong vòng 1 bản nhạc, tất cả các thành viên trong nhóm phải tham gia chơi. Hết thời gian chơi, đội nào thực hiện đúng theo yêu cầu của cô thì đội đó giành chiến thắng.

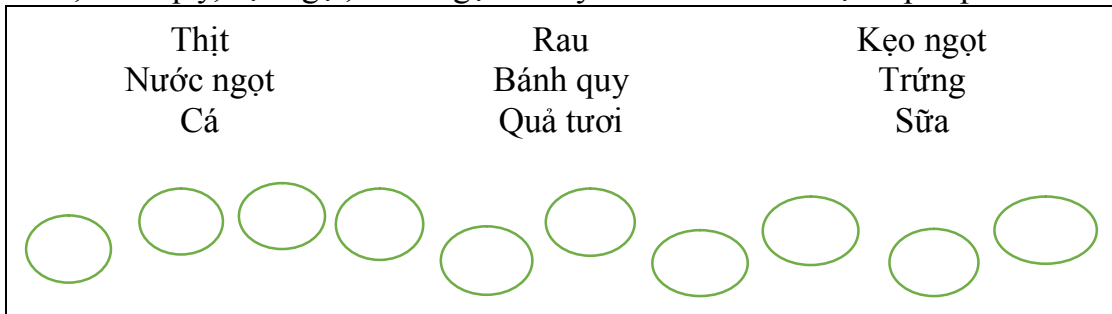
Trò chơi 6. Gấu nên ăn gì?

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết các chữ số trong phạm vi số đã học
- Trẻ xác định được các nhóm đối tượng trong phạm vi đã học và biểu thị bằng chữ số tương ứng.
- Rèn kỹ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ

2. Chuẩn bị

- Mỗi trẻ một hộp sáp màu
- Nhạc bài hát
- Mỗi trẻ một bức tranh có hình ảnh đồ ăn: thịt, cá, trứng, sữa, rau, quả tươi, bánh quy, kẹo ngọt, nước ngọt và dãy chữ số từ 1-10 được sắp xếp như sau:



3. Cách chơi

Cô sẽ phát cho mỗi bạn một hộp sáp màu, một bức tranh. Các con sẽ quan sát bức tranh và thực hiện theo yêu cầu của cô để giúp bạn Gấu trong câu chuyện “Gấu con bị sâu răng” tìm ra các loại đồ ăn tốt cho răng của bạn Gấu:

- Khoanh tròn các loại đồ ăn giúp răng trắng bóng, chắc khỏe
- Đếm xem có tất cả bao nhiêu đồ ăn tốt cho răng của Gấu và tô màu vào vòng tròn có chữ số tương ứng

4. Luật chơi

- Khi có hiệu lệnh của cô trẻ mới bắt đầu được chơi.

- Thời gian chơi trong vòng một bản nhạc. Hết thời gian chơi, bạn nào khoanh tròn đúng các đồ ăn và tô màu đúng vòng tròn có chữ số tương ứng thì bạn đó được tuyên dương, khen thưởng.

Trò chơi 7. Chiếc nón kì diệu

1. Mục đích

- Trẻ xác định được các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi đã học. Nhận biết các con số từ 1-10 và sử dụng chúng để biểu thị số lượng các nhóm con vật.

- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định

2. Chuẩn bị

- Chiếc nón kì diệu có kim chỉ và các ô hình ảnh con vật: con mèo, con chó, con lợn, con vịt, con gà trống ; các thẻ số 1-10

- Lá cờ, nhạc bài hát động vật trong gia đình

3. Cách chơi

Trên đây cô có chiếc nón kì diệu. Cô chia lớp thành 2 đội. Lần lượt từng đội sẽ quay chiếc nón kì diệu. Nếu mũi tên chỉ vào hình ảnh nào, thì đội đó sẽ phải trả lời câu hỏi ở hình ảnh đó. Câu hỏi ở các hình ảnh như sau:

- Con gà trống: Hãy bắt chước tiếng gà gáy 9 lần? Đội con sẽ dùng thẻ số mấy để biểu thị 9 tiếng gà gáy? Các con hãy giơ thẻ số đó lên?

- Con lợn: kể tên 5 con vật nuôi trong gia đình có 4 chân? Đội con sẽ dùng thẻ số mấy để biểu thị con vật đó? Các con hãy giơ thẻ số đó lên?

- Con vịt: kể tên 4 con vật nuôi trong gia đình có 2 chân? Đội con sẽ dùng thẻ số mấy để biểu thị con vật đó? Các con hãy giơ thẻ số đó lên?

- Con mèo: kể tên 6 loại thức ăn của con mèo? Đội con sẽ dùng thẻ số mấy để biểu thị 6 loại thức ăn? Các con hãy giơ thẻ số đó lên?

- Con chó: hãy bắt chước tiếng kêu của chó? Đội con sẽ dùng thẻ số mấy để biểu thị 6 loại thức ăn? Các con hãy giơ thẻ số đó lên?

4. Luật chơi

Khi có hiệu lệnh của cô thì từng đội lần lượt lên quay. Nếu đội nào trả lời đúng thì được thưởng 1 lá cờ, nếu trả lời sai nhường quyền trả lời cho đội còn lại. Kết thúc trò chơi đội nào giành được nhiều lá cờ hơn đội đó chiến thắng.

Trò chơi 8. Khuôn mặt ngộ nghĩnh

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết các chữ số trong phạm vi số đã học

- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ

- Phát triển khả năng tưởng tượng, sáng tạo ở trẻ

2. Chuẩn bị

- Các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật làm từ bìa cứng

- Các chữ số từ 0 – 9 được làm từ giấy A4

- Loa, nhạc bài hát: “Khuôn mặt cười”

3. Cách chơi

Cô cho trẻ quan sát, thảo luận về khuôn mặt trạng thái cảm xúc khác nhau của các bạn trong lớp. Sau đó, trẻ tự chọn các hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật; chọn các chữ số phù hợp với đường nét của các bộ phận trên khuôn mặt để tạo thành khuôn mặt thể hiện cảm xúc vui, buồn,...theo ý thích của trẻ.

Ví dụ: - Trẻ chọn 2 chữ số 0 để làm mắt, chữ số 1 làm mũi, 2 chữ số 3 làm tai, chữ số 8 làm miệng; sau đó dán các chữ số này lên hình tròn tạo thành khuôn mặt buồn.

- Trẻ chọn 2 chữ số 0 làm mắt, số 1 làm mũi, 5 chữ số 7 làm tóc, 2 chữ số 0 gấp dọc làm tai, 1 chữ số 0 gấp ngang để ngửa làm miệng; sau đó dán các chữ số này lên hình vuông tạo thành khuôn mặt vui.

- Trẻ chọn chữ số 7 làm mũi, 2 chữ số 3 làm tai, 2 chữ số 0 gấp ngang để úp làm mắt, 1 chữ số 0 gấp ngang để ngửa làm miệng; sau đó gắn các chữ số này lên hình tam giác tạo thành khuôn mặt đang hạnh phúc.

- Trẻ chọn chữ số 1 làm mũi, 2 chữ số 0 gấp dọc làm tai, 2 chữ số 0 làm mắt, 1 chữ số 0 làm miệng; 6 chữ số 1 làm tóc; sau đó gắn các chữ số này lên hình chữ nhật tạo thành khuôn mặt đang ngạc nhiên, bất ngờ.

Hoàn thành xong khuôn mặt trẻ trả lời các câu hỏi của cô:

- Con sử dụng chữ số nào để làm mắt? Có mấy con mắt?
- Con sử dụng chữ số nào để làm tai? Có mấy cái tai?
- Con sử dụng chữ số nào để làm mũi? Có mấy cái mũi?
- Con sử dụng chữ số nào để làm miệng? Có mấy cái miệng?

4. Luật chơi

- Thời gian chơi trong vòng 10 phút
- Trẻ nào tạo được khuôn mặt ngộ nghĩnh nhất sẽ được tuyên dương và thưởng một bông hoa.
- Nếu trẻ trả lời đúng câu hỏi của cô sẽ được thưởng một bông hoa, trẻ nào trả lời sai nhường quyền trả lời cho bạn khác
- Kết thúc trò chơi bạn nào được nhiều bông hoa nhất thì bạn đó chiến thắng.

Trò chơi 9. Kể đủ 5 quả

1. Mục đích

- Trẻ xác định được các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi đã học.
- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị: không

3. Cách chơi

Cô chia lớp thành 2 đội, mỗi đội đứng thành 1 vòng tròn để thảo luận với nhau, mỗi đội 1 cái sắc xô. Nhiệm vụ của các đội là lắng nghe và rung sắc xô giành quyền trả lời

Yêu cầu: kể đủ 5 thứ theo yêu cầu của cô

- Kể cho cô 5 loại quả khi chín có màu vàng
- Kể cho cô 5 loại quả khi chín có màu đỏ

- Kể cho cô 5 loại quả có vỏ sần sùi
- Kể cho cô 5 loại quả có vỏ nhẵn
- Kể cho cô 5 loại quả 1 hạt
- Kể cho cô 5 loại quả nhiều hạt
- Kể cho cô 5 loại quả không hạt
- Kể cho cô 5 loại quả có dạng hình dài (tròn)
- Kể cho cô 5 quả có múi (không múi)
- Kể cho cô 5 quả có vị chua (ngọt)
-

4. Luật chơi

Khi cô đọc xong câu hỏi các đội nhanh tay rung sắc xô giành quyền trả lời. Trong mỗi lần kể, tên các loại quả không được trùng nhau. Đội nào kể thiếu hoặc kể sai thì nhường quyền trả lời cho đội còn lại. Mỗi lần kể đúng được thưởng 1 quả. Kết thúc trò chơi đội nào có nhiều quả hơn thì đội đó giành chiến thắng.

II. Nhóm TCHT nhằm giúp trẻ biết so sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi các số đã học. Biết thêm, bớt nhằm biến đổi số lượng các nhóm đối tượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng

Trò chơi 1. Ô số bí mật

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết được mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 10
- Rèn luyện khả năng đếm xác định số lượng các nhóm con vật. Nhận biết các con số từ 1-10 và sử dụng chúng để biểu thị số lượng các nhóm con vật. Trẻ biết thêm hoặc bớt để tạo được nhóm có số lượng theo yêu cầu.
- Rèn kỹ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định

2. Chuẩn bị

- Slide các ô số có các bức tranh con vật:
 - + Ô số 1 có: 9 con khỉ, 8 con gấu, 7 con cú mèo
 - + Ô số 2 có: 9 con voi, 5 con sóc, 8 con hổ
 - + Ô số 3 có: 8 con báo, 7 con sóc, 6 con gấu
 - + Ô số 4 có: 9 con báo, 5 con khỉ, 6 con gấu
 - + Ô số 5 có: 9 con báo, 6 con khỉ, 7 con gấu
 - + Ô số 6 có: 7 con cú mèo
 - + Ô số 7 có: 9 con khỉ
 - + Ô số 8: ...
- Các thẻ số 1-10 cho mỗi trẻ

3. Cách chơi

Cô sẽ gọi 1 bạn bất kì chọn một ô số. Và các con hãy quan sát tranh sau mỗi ô số và trả lời câu hỏi

- + Ô số 1: Nhóm con vật nào có số lượng là 9? Tìm số tương ứng với con vật đó
- + Ô số 2: Nhóm con vật nào có số lượng nhiều hơn 8 là 1? Tìm số tương ứng với con vật đó

+ Ô số 3: Nhóm con vật nào có số lượng ít hơn 9 là 1? Tìm số tương ứng với con vật đó

+ Ô số 4: Nhóm con vật nào có số lượng nhiều hơn 7 là 2? Tìm số tương ứng với con vật đó

+ Ô số 5: Nhóm con vật nào có số lượng ít hơn 9 là 2? Tìm số tương ứng với con vật đó

+ Ô số 6: Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 9 con vật? Tìm số tương ứng với con vật đó

+ Ô số 7: Con hãy thêm hoặc bớt để có được kết quả là 7 con vật? Tìm số tương ứng với con vật đó

+ Ô số 8: Nhóm con vật nào có số lượng bằng nhau/ nhóm con vật nào có số lượng nhiều nhất/ nhóm con vật nào có số lượng ít nhất...

4. Luật chơi

Thời gian chuẩn bị cho mỗi câu hỏi là 5 giây, bạn nào rung xắc xô trước sẽ giành được quyền trả lời. Nếu trả lời đúng sẽ có mặt cười hiện trên màn hình, nếu trả lời sai sẽ có mặt mếu và quyền trả lời sẽ thuộc về các bạn còn lại. Kết thúc trò chơi, bạn nào có nhiều khuôn mặt cười nhất, bạn đó sẽ giành chiến thắng

Trò chơi 2. Câu cá

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết được mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 10
- Rèn luyện khả năng đếm xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi 10
- Nhận biết các con số từ 1-10 và sử dụng chúng để biểu thị số lượng các nhóm con vật
- Rèn kỹ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn kỹ năng nhanh nhẹn, chính xác; kỹ năng phối hợp đoàn kết khi tham gia chơi theo nhóm

2. Chuẩn bị

- 2 mô hình ao cá, cá nhựa
- Cần câu cá, thùng đựng cá
- Quần áo mè trắng, mè vàng
- Loa, nhạc bài hát “Mèo đi câu cá”

3. Cách chơi

Cô sẽ chia lớp thành 2 đội để tham gia trò chơi và các con sẽ hóa thân thành những chú mèo để đi câu cá.

**Lần 1* :

- Đội 1 (mèo trắng): câu 9 con cá. Tìm số tương ứng với 9 con cá
- Đội 2 (mèo vàng): câu 8 con cá. Tìm số tương ứng với 8 con cá

**Lần 2*:

- Đội 1 (mèo trắng) câu cá có số lượng ít hơn 9 là 1. Tìm số tương ứng
- Đội 2 (mèo vàng) câu cá có số lượng nhiều hơn 8 là 1. Tìm số tương ứng

4. Luật chơi

- Thời gian chơi trong vòng 1 bản nhạc.

- Khi có hiệu lệnh của cô các bạn trong đội sẽ câu cá. Các đội chơi chỉ được câu cá trong ao của đội mình.
- Kết thúc trò chơi đội nào câu được số cá đúng theo yêu cầu của cô thì đội đó giành chiến thắng.

Trò chơi 3. Đội nào nhanh hơn?

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết được mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 10
- Rèn luyện khả năng đếm xác định số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi 10. Trẻ biết thêm hoặc bớt để tạo được nhóm có số lượng theo yêu cầu
- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị

- Rổ đựng các phương tiện giao thông
- 2 bức tranh có các nhóm phương tiện giao thông và chữ số 7, 8, 9, 10 được bố trí trên tờ giấy A0 như sau:

9 ca nô	8
7 thuyền nan	9
8 xe đạp	10
8 ô tô	9
9 xe máy	7
10 xích lô	8
10 máy bay	9

3. Cách chơi

Cô sẽ chia lớp thành 2 đội, cô đã chuẩn bị cho mỗi đội một bức tranh có các phương tiện giao thông. Nhiệm vụ của các con là dán thêm hoặc gỡ bớt số lượng các phương tiện giao thông sao cho số phương tiện giao thông tương ứng với chữ số cho sẵn.

4. Luật chơi

- Khi có hiệu lệnh “Bắt đầu” của cô thì bạn đầu hàng chạy lên trên bảng thêm hoặc bớt số lượng các phương tiện giao thông. Sau đó, chạy về đập tay vào vai của bạn tiếp theo rồi chạy về cuối hàng, bạn tiếp theo lên chơi cứ như vậy cho đến khi có hiệu lệnh kết thúc.
- Kết thúc trò chơi đội nào thực hiện đúng, đủ và nhiều thì đội đó giành chiến thắng

Trò chơi 4. Người nội trợ thông thái

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết được mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 10
- Trẻ biết thêm hoặc bớt để tạo được nhóm có số lượng theo yêu cầu.
- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị

- Loa, nhạc bài hát “Học tên rau”
- 3 rổ đựng rau
- 3 bức tranh tủ đựng các loại rau được sắp xếp trên tờ giấy A0 như sau:

4 cây bắp cải	6 cây bắp cải	
9 cây súp lơ	7 cây súp lơ	
7 cây xà lách	8 cây xà lách	
8 cây mồng tơi	9 cây mồng tơi	
10 cây tía tô	8 cây tía tô	
7 cây rau dền	5 cây rau dền	

3. Cách chơi

Cô sẽ chia lớp thành 3 đội, mỗi đội có 1 bức tranh tủ đựng các loại rau và rổ đựng các loại rau. Các con sẽ hóa thân thành các người nội trợ thông thái bằng cách: Các con hãy xếp thêm hoặc bỏ bớt số lượng các loại rau để 2 ngăn tủ có số rau bằng nhau.

4. Luật chơi

Khi có hiệu lệnh bắt đầu, bạn đầu hàng sẽ chạy lên bảng thêm hoặc bớt rau để số lượng rau đó trong 2 ngăn tủ có số lượng bằng nhau, sau đó chạy về cuối hàng đứng rồi bạn tiếp theo lên chơi, cứ như thế cho đến khi trò chơi kết thúc. Mỗi lần chỉ 1 bạn lên chơi và được thêm hoặc bớt 1 loại rau. Thời gian chơi trong vòng 1 bản nhạc. Kết thúc trò chơi đội nào thực hiện đúng và nhiều hơn thì đội đó giành chiến thắng.

III Nhóm TCHT nhằm giúp trẻ nhận biết mối quan hệ, liên hệ giữa các số liền kề, qui luật hình thành dãy số tự nhiên

Trò chơi 1. Con vịt nào đẻ nhiều trứng nhất?

1. Mục đích:

- Trẻ xác định được các số lớn hơn, nhỏ hơn trong phạm vi số đã học
- Rèn kỹ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn cho trẻ kỹ năng nhanh mắt nhanh tay
- Rèn cho trẻ khả năng hoạt động nhóm phối hợp đoàn kết khi chơi

2. Chuẩn bị:

- Slide 2 hình ảnh con vịt đẻ trứng: 1 con vịt đẻ 8 quả trứng; 1 con vịt đẻ 9 quả trứng
- 3 quả chuông

3. Cách chơi:

Cô chia lớp thành 3 đội chơi. Trên màn hình có hình ảnh con vịt và các quả trứng vịt, các con hãy quan sát và trả lời các câu hỏi của cô:

- Đếm số trứng mà con vịt 1 đã đẻ ra? Nói tên chữ số biểu thị cho số trứng?

- Đếm số trứng mà con vịt 2 đã đẻ ra? Nói tên chữ số biểu thị cho số trứng?
- Con vịt nào đẻ nhiều trứng hơn?
- Con vịt nào đẻ ít trứng hơn?
- Vì sao con biết?

4. Luật chơi:

- Khi cô đọc xong câu hỏi đội nào rung chuông nhanh hơn đội đó được quyền trả lời.
 - Nếu đội nào trả lời sai nhường quyền trả lời cho các đội chơi còn lại.
- Với mỗi câu trả lời đúng sẽ có một tràng pháo hoa hiện trên màn hình.
- Mỗi câu trả lời đúng các đội sẽ được cộng 1 điểm.
 - Kết thúc trò chơi đội nào nhiều điểm nhất đội đó chiến thắng

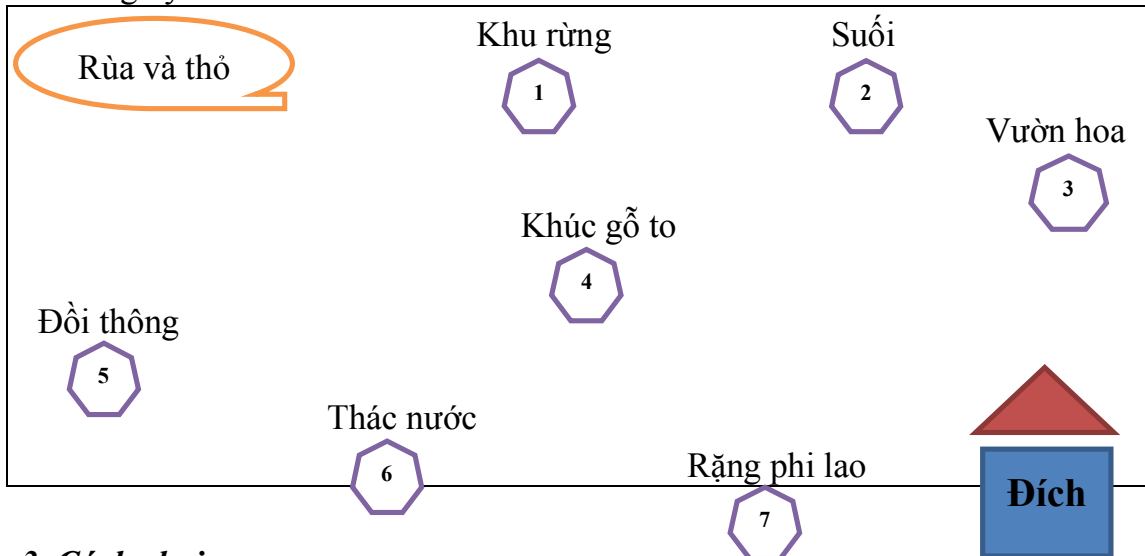
Trò chơi 2. Tìm chương ngại vật

1. Mục đích

- Trẻ xếp đúng thứ tự các số trong phạm vi đã học.
- Xác định đúng các số liền trước và liền sau trong dãy số tự nhiên
- Rèn kỹ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định

2. Chuẩn bị

- Hộp màu sáp
- Bức tranh có hình ảnh: rùa và thỏ; các chương ngại vật được bố trí trên tờ giấy A4 như sau:



3. Cách chơi

Cô sẽ phát cho mỗi trẻ một bức tranh và một hộp sáp màu. Trong câu chuyện “Rùa và thỏ” thì chạy đã vượt qua rất nhiều chương ngại vật, bây giờ các con hãy giúp cô tìm ra thứ tự các chương ngại vật mà rùa và thỏ đã chạy qua. Sau đó, các con hãy nối các số theo thứ tự.

4. Luật chơi

- Thời gian chơi trong vòng 5 phút
- Bạn nào nối tìm đúng thứ tự các chương ngại vật sẽ được tuyên dương, khen thưởng

Trò chơi 3. Con số kì diệu

1. Mục đích

- Trẻ xếp đúng thứ tự các số từ 1 – 10, từ 10 - 1 theo 1 hàng dọc.
- Xác định đúng các số liền trước và liền sau của một số cho trước
- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị

- Thẻ số 1 – 10 cho mỗi bạn trong từng đội chơi
- Bông hoa; sắc xô

3. Cách chơi

Lần 1: Cô chia lớp thành 2 đội, phát cho mỗi bạn trong từng đội chơi các thẻ số từ 1-10. Nhiệm vụ của 2 đội như sau: Các con hãy tạo thành 1 hàng dọc và xếp thứ tự dãy số tự nhiên theo yêu cầu của cô :

- + Đội 1 xếp theo thứ tự từ bé đến lớn đứng phía bên phải cô
- + Đội 2 xếp theo thứ tự từ lớn đến bé đứng phía bên trái cô

Lần 2: Cô chia lớp thành 2 đội, cô phát cho mỗi bạn 1 thẻ số bất kì. Các đội hãy lắng nghe và trả lời câu hỏi.

- + Số liền trước số 9 là số mấy?
- + Số liền sau số 9 là số mấy?
- + Số liền trước số 8 là số mấy?
- + Số liền sau số 8 là số mấy?
- + Số đứng trước số 7 là số nào?
- + Số đứng sau số 7 là số nào?

4. Luật chơi:

Lần 1: Mỗi đội có 15 giây để xếp hàng theo yêu cầu của cô. Đội nào xếp đúng thứ tự các chữ số và nhanh hơn đội đó chiến thắng, đội thua sẽ nhảy lò cò 1 vòng.

Lần 2: Mỗi câu hỏi sẽ có thời gian chuẩn bị 5 giây. Đội nào rung sắc xô trước sẽ giành quyền trả lời, nếu trả lời sai sẽ nhường quyền trả lời cho đội còn lại. Mỗi câu trả lời đúng sẽ thưởng 1 bông hoa. Hết thời gian chơi đội nào nhiều hoa sẽ giành chiến thắng.

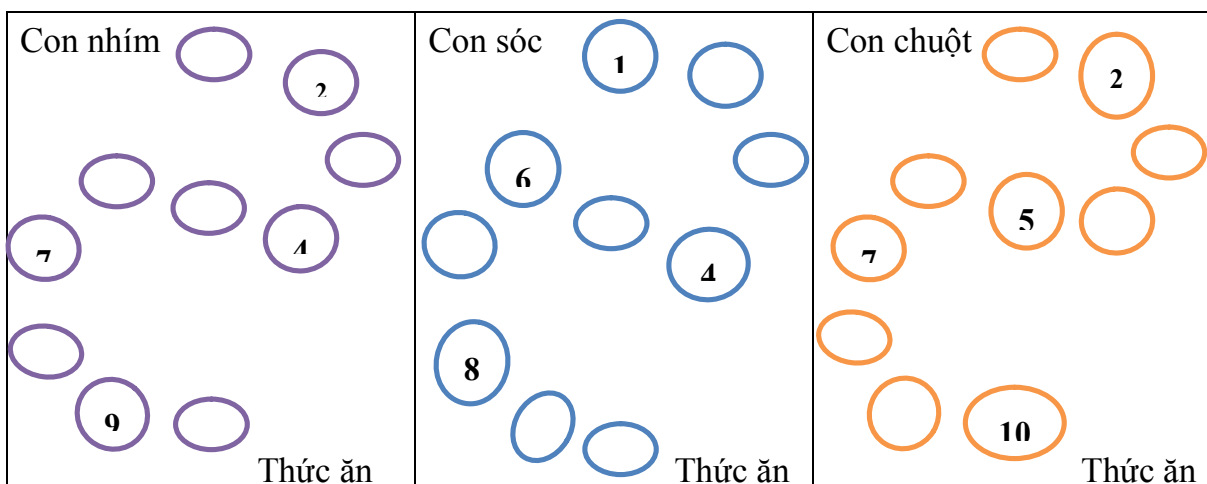
Trò chơi 4. Giải cứu thức ăn

1. Mục đích

- Rèn cho trẻ ghi nhớ được thứ tự các con số, biết và dán đúng các số liền trước, số liền sau, số đứng trước, số đứng sau.
- Rèn kĩ năng chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị

- Keo dán, thẻ số từ 1-10
- Loa, nhạc bài hát: Ta đi vào rừng xanh
- 3 bức tranh có hình ảnh các con vật (con nhím, con sóc, con chuột) đang đi tìm đồ ăn được sắp xếp trên tờ giấy A4 như sau



3. Cách chơi

Cô sẽ chia lớp làm 3 nhóm, cô sẽ phát cho mỗi đội một bức tranh, keo dán, thẻ số. Những con vật này đang rất đói nên chúng đang đi tìm thức ăn, bây giờ các con hãy giúp những con vật này: Dán các chữ số còn thiếu vào chỗ trống để chúng tìm được đường đi đến chỗ có thức ăn.

- Đội 1: Bức tranh con nhím
- Đội 2: Bức tranh con sóc
- Đội 3: Bức tranh con chuột

4. Luật chơi

Thời gian chơi trong vòng 1 bản nhạc. Đội nào dán đúng số lượng các chữ số, dán đủ hết các chữ số còn thiếu thì đội đó giành chiến thắng.

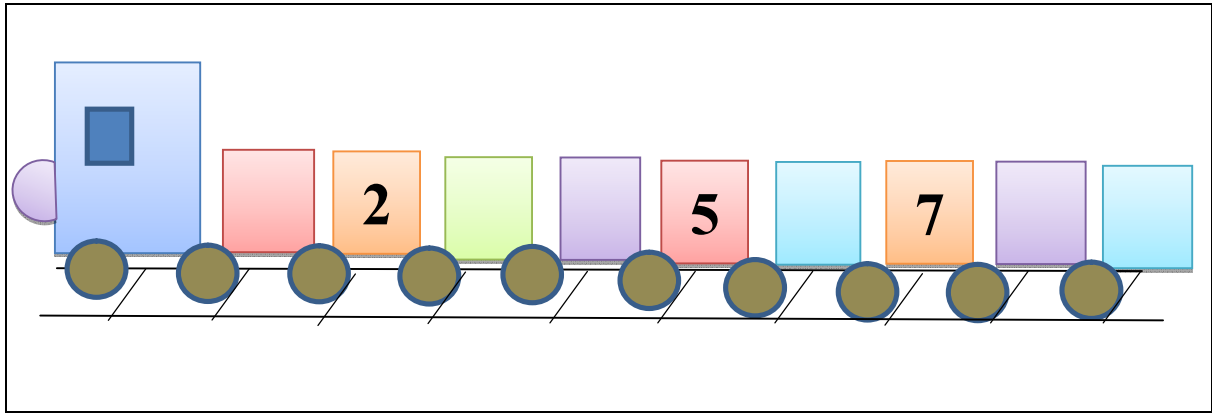
Trò chơi 5. Bé chọn số nào?

1. Mục đích

- Luyện tập khả năng nhận biết các chữ số và vị trí các số trong phạm vi số đã học
- Rèn kỹ năng chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ, kỹ năng dán các con số.

2. Chuẩn bị

- Keo dán, thẻ số từ 1-10, rổ đựng thẻ số
- Bức tranh có hình đoàn tàu và chữ số được sắp xếp trên tờ giấy A4 như sau:



3. Cách chơi

Lần 1: Cô sẽ phát cho mỗi bạn một bức tranh có hình ảnh đoàn tàu, keo dán và rô dựng các thẻ số. Các con hãy giúp đoàn tàu chở hàng về ga tàu đúng giờ bằng cách như sau: Các con hãy dán các con số còn thiếu vào mỗi toa tàu

Lần 2: Cô phát cho mỗi trẻ các thẻ số, yêu cầu trẻ xếp các thẻ số theo thứ tự ra trước mặt. Con hãy lắng nghe và giơ thẻ số

- + Cô muốn tìm 1 số liền sau số 2/ liền trước số 2...
- + Cô muốn tìm 1 số lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn số 7...
- +

4. Luật chơi

Lần 1: Thời gian chơi là 1 bản nhạc. Bạn nào dán đúng và đủ các chữ số còn thiếu thì đoàn tàu của bạn đó về ga tàu thành công.

Lần 2: Bạn nào trả lời sai sẽ bị loại khỏi cuộc chơi, hết thời gian chơi bạn nào còn lại trong cuộc chơi thì bạn đó giành chiến thắng.

IV. Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau

Trò chơi 1. Bé tinh nhanh

1. Mục đích

- Luyện tập khả năng đếm và tách, gộp một nhóm đối tượng thành 2 phần bằng các cách khác nhau.
- Rèn kỹ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn kỹ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị

- Mỗi trẻ một hộp màu sáp
- Mỗi trẻ một bức tranh có các nhóm bông hoa và dây số được sắp xếp trên tờ A4 như sau:

9 bông hoa ly								
1	2	3	4	5	6	7	8	9
9 bông hoa huệ								
1	2	3	4	5	6	7	8	9

3. Cách chơi

Cô phát cho mỗi trẻ 1 bức tranh, các con hãy quan sát tranh và lắng nghe yêu cầu của cô

- Khoanh các bông hoa ly, bông hoa huệ thành 2 nhóm theo ý thích
- Đếm số lượng bông hoa ly, bông hoa huệ ở mỗi nhóm và nối với chữ số thích hợp.
- Đếm số lượng bông hoa ly, bông hoa huệ ở cả 2 nhóm và tô màu vào vòng tròn tương ứng

4. Luật chơi

- Thời gian chơi trong vòng một bản nhạc. Bạn nào thực hiện đúng thì bạn đó giành chiến thắng.

Trò chơi 2: Bé khéo tay

1. Mục đích

- Luyện khả năng đếm và tách một nhóm đối tượng thành 2 phần bằng các cách khác nhau theo yêu cầu của cô
- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị

- Rõ dụng các loto đồ dùng học tập: bút chì, thước kẻ, cục tẩy, cái kéo, gọt chì, lọ mực, cuộn băng dính
- 2 tờ giấy A0 có dán sẵn loto đồ dùng học tập và thẻ chữ số được sắp xếp như sau:

Hình ảnh loto bút chì	4	5
	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)
Hình ảnh loto thước kẻ	1	8
	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)
Hình ảnh loto quyển vở	3	6
	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)
Hình ảnh loto cục tẩy	2	7
	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)
Hình ảnh loto cái kéo	5	4
	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)
Hình ảnh loto	8	1

gọt chì	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)
Hình ảnh loto	6	3
lọ mực	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)
Hình ảnh loto	7	2
cuộn băng dính	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)	(Trẻ sẽ xếp loto vào đây)

3. Cách chơi

Cô chia lớp thành 2 đội, mỗi đội sẽ có một tờ giấy A0 có dán sẵn loto đồ dùng học tập và thẻ chữ số được sắp xếp, rồi dựng các đồ dùng học tập. Nhiệm vụ của các con: hãy chia các nhóm đồ dùng học tập thành 2 phần ở bên dưới mỗi thẻ chữ số cô đã cho sẵn.

Ví dụ: Chia nhóm bút chì thành 2 phần: Trẻ sẽ xếp loto bút chì thành 2 phần: 4 loto bút chì xếp dưới thẻ số 4, 5 loto bút chì xếp dưới thẻ số 5.

4. Luật chơi

- Thời gian chơi trong vòng 1 bản nhạc
- Chơi theo luật tiếp sức. Mỗi lần 1 trẻ lên chơi và chia 1 nhóm đồ dùng học tập. Sau đó chạy về cuối hàng đứng, bạn tiếp theo lên chơi, cứ như thế đến khi kết thúc trò chơi
- Kết thúc chơi đội nào xếp đúng đồ dùng học tập theo yêu cầu của cô thì đội đó giành chiến thắng

Trò chơi 3: Tôi cần, tôi cần

1. Mục đích

- Luyện khả năng đếm và tách một nhóm đối tượng thành 2 phần bằng các cách khác nhau theo yêu cầu của cô
- Rèn kỹ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định
- Rèn kỹ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi

2. Chuẩn bị: Không

3. Cách chơi

Để chơi được trò chơi này cô chia lớp thành 2 đội đứng đối diện nhau, cô yêu cầu 1 trẻ lên làm trưởng trò và đặt nhiệm vụ chơi cho các đội chơi. Các đội sẽ lắng nghe trưởng trò hỏi và trả lời.

- Trưởng trò nói: “Tôi cần, tôi cần”
- Đội trả lời đồng thanh: “Cần gì, cần gì?”
- Trưởng trò: “Tôi cần đội bạn chia cho tôi 8 bông hoa vào 2 lọ khác nhau”
- Đội trả lời đồng thanh: “Chia như thế nào?”
- Trưởng trò: + “Chia 1 lọ có 1 bông hoa thì lọ còn lại có mấy bông hoa?”
- +...
- Đội trả lời: + “ 7 bông hoa”
- +...
- Trưởng trò: + “Vì sao bạn biết?”
- Đội trả lời: + “Vì 8 bớt đi 1 còn 7”
- +...

4. Luật chơi

Khi trưởng trò đọc xong câu hỏi các đội có 5 giây suy nghĩ để trả lời. Đội nào rung sắc xô trước sẽ dành quyền trả lời. Nếu trả lời đúng sẽ được thưởng 1 bông hoa. Nếu trả lời sai thì nhường quyền trả lời cho đội còn lại. Kết thúc trò chơi đội nào có nhiều hoa hơn đội đó dành chiến thắng.

V. Nhóm trò chơi học tập nhằm giúp trẻ nhận biết ý nghĩa của các con số trong cuộc sống

Trò chơi 1. Bù số còn thiếu

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết các chữ số trong phạm vi số đã học
- Trẻ hiểu được ý nghĩa của các con số chỉ số thứ tự
- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị

- Tranh 2 chiếc đồng hồ, 2 chiếc điện thoại bị thiếu 1 số con số (Lưu ý đồng hồ không để trống số 11,12)
- Các chữ số từ 0 – 9
- Loa, nhạc bài hát “Đồ chơi của bé”

3. Cách chơi

- Lần 1:

Cô chuẩn bị 2 chiếc đồng hồ và 2 chiếc điện thoại nhưng bị thiếu những con số, mỗi đội có 1 rổ đựng các con số từ 0 – 9. Cô chia lớp thành 2 đội. Các con hãy quan sát xem chiếc đồng hồ và chiếc điện thoại còn thiếu các số nào?

- + Đội 1 tìm và gắn số còn thiếu vào đồng hồ.
- + Đội 2 tìm và gắn số còn thiếu vào điện thoại.

- Lần 2: Các con hãy lắng nghe và trả lời câu hỏi của cô:
 - + Các con số trên đồng hồ giúp con biết điều gì?
 - + Các con số trên điện thoại giúp con biết điều gì?

4. Luật chơi

Lần 1: Khi có hiệu lệnh của cô lần lượt từng thành viên của mỗi đội chạy tới bảng tìm và gắn số còn thiếu vào đồng hồ/điện thoại theo yêu cầu của đội mình. Mỗi lượt chơi chỉ được 1 người lên tìm và gắn 1 chữ số. Thời gian chơi là 1 bản nhạc, hết thời gian đội nào tìm, gắn đúng các chữ số là đội chiến thắng.

Lần 2: Đội nào rung sắc xô trước sẽ giành quyền trả lời. Nếu trả lời sai nhường quyền trả lời cho đội còn lại, hết thời gian chơi đội nào trả lời chính xác nhiều câu hỏi của cô là đội chiến thắng.

Trò chơi 2. Số này của xe nào vậy?

1. Mục đích

- Trẻ nhận biết các chữ số trong phạm vi số đã học
- Trẻ hiểu được ý nghĩa của các con số kí hiệu trong cuộc sống.

- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị:

- Tranh các loại xe: 4 xe cứu thương, 4 xe cảnh sát, 4 xe cứu hỏa không có các chữ số trên xe
- Các chữ số từ 0 – 10 đủ để cho trẻ dán, lá cờ

3. Cách chơi

Lần 1: Cô chuẩn bị mỗi đội 3 bức tranh nhưng bị thiếu những con số, mỗi đội có 1 rô đưng các con số từ 0 – 10. Cô chia lớp thành 3 đội: Nhiệm vụ của các con hãy quan sát xem các loại xe này còn thiếu các số nào và tìm gắn đúng chữ số trên các loại xe đó. (113, 114,115)

Lần 2: Các con hãy lắng nghe và trả lời câu hỏi của cô

- + Các con số trên xe cứu hỏa giúp con biết điều gì?
- + Các con số trên xe cứu thương giúp con biết điều gì?
- + Các con số trên xe cảnh sát giúp con biết điều gì?

4. Luật chơi

Lần 1: Khi có hiệu lệnh của cô lần lượt từng thành viên của mỗi đội chạy tới bảng tìm và gắn số còn thiếu vào xe cứu thương, xe cứu hỏa, xe cảnh sát theo yêu cầu của đội mình. Mỗi lượt chơi chỉ được 1 người lên tìm và gắn 1 chữ số.

- Khi có hiệu lệnh “Bắt đầu” các đội mới được bắt đầu chạy lên gắn chữ số, đội nào trả lời các câu hỏi sai thì giành quyền trả lời cho các đội còn lại
- Thời gian chơi là 1 bản nhạc, hết thời gian đội nào tìm, gắn đúng các chữ số và trả lời chính xác các câu hỏi của cô là đội chiến thắng.

Trò chơi 3. Ai đoán giỏi?

1. Mục đích:

- Trẻ hiểu được ý nghĩa của các con số chỉ số thứ tự, số lượng, số ký hiệu
- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ

2. Chuẩn bị:

Hình ảnh slide các ngôi nhà có gắn số nhà, oto, xe máy, thước kẻ, cái cân, điều khiển ti vi, nhiệt kế, tủ lạnh...

3. Cách chơi:

Các con hãy quan sát hình ảnh, lắng nghe và trả lời các câu hỏi của cô:

- Các con số trên đồng hồ giúp con biết điều gì?
- Các con số trên điện thoại giúp con biết điều gì?
- Các con số trên mỗi ngôi nhà cho con biết điều gì?
- Các con số ở biển xe máy/ôtô cho con biết điều gì?
- Các con số trên thước kẻ cho con biết điều gì?
- Các con số trên cái cân cho con biết điều gì?
- Các con số trên điều khiển ti vi cho con biết điều gì?
- Các con số trong tủ lạnh cho con biết điều gì?
- Các con số trên nhiệt kế cho con biết điều gì?
- Các con số trên điều khiển quạt điện cho con biết điều gì?
-

4. Luật chơi:

Bạn nào trả lời sai sẽ bị loại khỏi cuộc chơi, hết thời gian chơi bạn nào còn lại trong cuộc chơi thì bạn đó giành chiến thắng.

Trò chơi 4. Lắng nghe, lắng nghe

1. Mục đích:

- Trẻ hiểu được ý nghĩa của các con số kí hiệu, số thứ tự
- Rèn kĩ năng chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ

2. Chuẩn bị: Không

3. Cách chơi:

Lần 1: Để chơi được trò chơi này thì cả lớp đứng thành vòng tròn rộng, cô sẽ gọi một bạn bất kì làm trưởng trò đứng ở giữa vòng tròn.

- Trưởng trò nói to: “Lắng nghe, lắng nghe”
- Cả lớp đồng thanh: “Nghe gì, nghe gì?”
- Trưởng trò: “Nghe tôi kể ngày”
- Cả lớp: “Ngày gì, ngày gì?”
- Trưởng trò: + Ngày 1 tháng 6 là ngày gì?;
+ Ngày 8 tháng 3 là ngày gì?;
+ Ngày 2 tháng 9 là ngày gì?
+ Ngày 10 tháng 3 là ngày gì?
+ Ngày 1 tháng 5 là ngày gì?
+...

Lần 2: Ở lần chơi này, cả lớp đứng thành vòng tròn, cô sẽ là trưởng trò và các con sẽ lắng nghe và trả lời các câu hỏi của cô:

- Trưởng trò nói to: “Lắng nghe, lắng nghe”
- Cả lớp đồng thanh: “Nghe gì, nghe gì?”
- Trưởng trò: “Nghe tôi kể ngày”
- Cả lớp: “Ngày gì, ngày gì?”
- Trưởng trò: + “Ngày Quốc tế Thiếu nhi là ngày bao nhiêu?”
+...

4. Luật chơi:

Khi trưởng trò đọc xong câu hỏi các bạn còn lại mới được giơ tay trả lời. nếu bạn nào trả lời đúng sẽ được tặng 1 ngôi sao, nếu bạn nào trả lời sai thì nhường quyền trả lời cho bạn khác. Hết thời gian chơi, bạn nào nhiều ngôi sao nhất bạn đó sẽ giành chiến thắng

Trò chơi 5. Cuộc đua kì thú

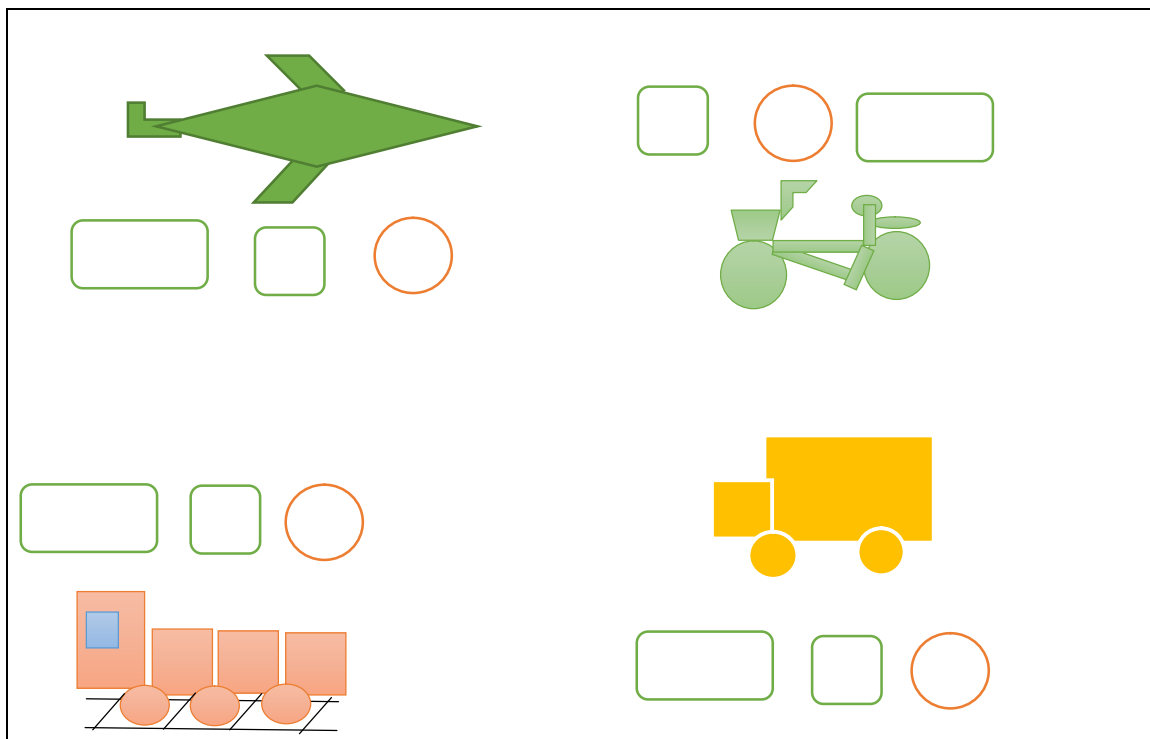
1. Mục đích

- Trẻ biết sắp xếp các số theo thứ tự 1-10
- Giúp trẻ hiểu ý nghĩa thứ 2 hoặc 3... của số “chỉ số thứ tự”. Trẻ hiểu thế nào là thứ nhất, thứ 2, thứ 3, thứ 4,...
- Rèn kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ có chủ định; phát triển ngôn ngữ

2. Chuẩn bị

- Loa, nhạc bài hát về các phương tiện giao thông

- Rổ đựng thẻ số từ 1-10, keo dán, bút màu
- Bức tranh có các phương tiện giao thông: máy bay, tàu hỏa, ô tô, xe đạp được sắp xếp trên tờ giấy A4 như sau:



3. Cách chơi

Cô sẽ phát cho mỗi bạn một bức tranh, một rổ đựng các thẻ số và keo dán. Trong cuộc đua kì thú các phương tiện này sẽ thi đua xem phương tiện nào di chuyển nhanh nhất, các con hãy dự đoán và thực hiện các yêu cầu của cuộc đua như sau:

- Tìm ra phương tiện di chuyển nhanh nhất bằng cách tô màu hình tròn
- Tìm ra phương tiện di chuyển chậm nhất bằng cách tô màu hình vuông
- Dán các chữ số vào hình chữ nhật theo thứ tự từ bé đến lớn (từ phương tiện giao thông di chuyển chậm nhất đến phương tiện di chuyển nhanh nhất)

Sau khi trẻ dán chữ số xong, cô yêu cầu trẻ nêu tên từng phương tiện giao thông và vị trí tương ứng (máy bay thứ nhất, ô tô thứ 2...)

4. Luật chơi:

- Thời gian chơi trong vòng 1 bản nhạc. Kết thúc trò chơi bạn nào thực hiện đúng và đủ các yêu cầu của cuộc thi thì bạn đó sẽ giành chiến thắng.

Trò chơi 6: Bé trở tài

1. Mục đích

- Trẻ hiểu được ý nghĩa của các con số trong cuộc sống chỉ số lượng
- Rèn khả năng quan sát và phát triển tư duy và ghi nhớ có chủ định cho trẻ.

- Giáo dục trẻ kỹ năng làm việc nhóm, biết đoàn kết, phối hợp với bạn khi chơi.

2. Chuẩn bị

- 2 cái làn, 4 lọ hoa to, thẻ số từ 1 – 9.

- Các loại hoa: hoa hồng, hoa cúc, hoa sen, hoa đồng tiền, mỗi loại số lượng là 10

- Loa, nhạc bài hát “Màu hoa”

3. Cách chơi

- *Lần 1:* Cô chia lớp thành 2 đội, nhiệm vụ của các con sẽ đi mua các loại hoa mà cô yêu cầu và mang về cắm vào lọ hoa của đội mình

+ *Đội 1:* Mua cho cô 6 bông hoa hồng, 7 bông hoa cúc

+ *Đội 2:* Mua cho cô 8 bông hoa sen, 9 bông hoa đồng tiền

Lần 2: Sau khi mua hoa xong, 2 đội trở về vị trí lắng nghe trả lời câu hỏi của cô:

Con hãy đếm số bông hoa hồng, sau đó gắn thẻ số tương ứng. Số 6 cho con biết điều gì?

Con hãy đếm số bông hoa cúc, sau đó gắn thẻ số tương ứng. Số 7 cho con biết điều gì?

Con hãy đếm số bông hoa sen, sau đó gắn thẻ số tương ứng. Số 8 cho con biết điều gì?

Con hãy đếm số hoa đồng tiền, sau đó gắn thẻ số tương ứng. Số 9 cho con biết điều gì?

4. Luật chơi

Lần 1: Khi có hiệu lệnh của cô, các bạn trong đội sẽ đi mua hoa theo yêu cầu của cô. Thời gian chơi trong vòng một bản nhạc. Kết thúc trò chơi Đội nào mua đúng và đủ số lượng hoa mà cô yêu cầu thì đội đó giành chiến thắng.

Lần 2: Đội nào rung sắc xô trước sẽ giành quyền trả lời. Nếu trả lời sai nhường quyền trả lời cho đội còn lại, hết thời gian chơi đội nào trả lời chính xác nhiều câu hỏi của cô là đội chiến thắng.